

VỮNG VÀNG NỘI LỰC
NÂNG CẤP THÀNH CÔNG

Báo Cáo
Thường Niên **2014**

MỤC LỤC

Giới thiệu chung

Giới thiệu chung về Techcombank
Tổng quan tài chính

04

04
06

Tổng quan về hoạt động ngân hàng

Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị
Thông điệp của Giám Đốc Điều Hành
Kết quả kinh doanh
Dịch vụ Tài chính Cá nhân
Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp
Ngân hàng Bán buôn
Nguồn vốn và Thị trường Tài chính
Ngân hàng Đầu tư

09

10
13
14
18
24
28
30
32

Con người & Cộng đồng

Phát triển Nguồn nhân lực
Thành tích và Ghi nhận
Trách nhiệm với Cộng đồng

35

36
40
44

47 Những thế mạnh trọng tâm

48 Công nghệ và Vận hành
50 Dịch vụ Ngân hàng Trực tuyến

53 Đội ngũ Quản trị vững mạnh

54 Mô hình quản trị ngân hàng
56 Hội Đồng Quản Trị
58 Ủy ban Thường trực Hội Đồng Quản Trị
60 Ban Kiểm Soát
61 Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng
62 Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro
64 Ban Điều Hành
67 Trách nhiệm của Ban Điều Hành đối với các báo cáo tài chính hợp nhất
68 Quản trị Rủi ro
72 Quản lý Tuân thủ

75 Báo cáo tài chính

77 Báo cáo kiểm toán độc lập
78 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
81 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
82 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
84 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
154 Thông tin Cổ đông
155 Thông tin Ngân hàng
156 Mạng lưới chi nhánh

Không ngừng đầu tư nguồn lực, xây dựng hệ thống quản trị ngân hàng hiện đại và nền tảng công nghệ tiên tiến, chúng tôi đã và đang tạo dựng thế mạnh vững chắc cho sự phát triển mạnh mẽ và bền vững, hướng tới mục tiêu trở thành Ngân hàng Tốt nhất và Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam.



Giới thiệu chung về Techcombank

Với lợi thế am hiểu thị trường, khả năng nắm bắt nhu cầu khách hàng, đồng thời luôn tiên phong áp dụng những chuẩn mực quốc tế trong từng hoạt động, Techcombank tự hào trên suốt chặng đường hơn 20 năm phát triển đã đạt được những thành tích vượt trội, đầy sáng tạo và đổi mới nhằm cung cấp các giải pháp tài chính tốt nhất cho tất cả các nhóm khách hàng. Cùng đội ngũ quản lý chuyên nghiệp, giàu kinh nghiệm gồm nhiều chuyên gia ngân hàng hàng đầu trong nước và quốc tế, chúng tôi đã và đang từng bước củng cố sức mạnh, tạo nền tảng bền vững để sẵn sàng bứt phá trong các giai đoạn tiếp theo.

Techcombank

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam, được biết đến với tên gọi Techcombank, được thành lập từ năm 1993 với số vốn ban đầu 20 tỷ đồng. Đến nay, Techcombank đã trở thành một trong những Ngân hàng thương mại cổ phần hàng đầu Việt Nam với tổng Vốn Chủ Sở Hữu đạt 14.986 tỷ đồng và tổng Tài Sản đạt trên 175.902 tỷ đồng. Tính đến 31/12/2014, Techcombank đã sở hữu mạng lưới phân phối với 312 chi nhánh và 1.231 máy ATM trải rộng trên 63 tỉnh thành phố trên khắp cả nước cùng nền tảng công nghệ ngân hàng tiên tiến bậc nhất, có khả năng tiếp cận tới mọi đối tượng khách hàng mục tiêu. Đội ngũ nhân sự liên tục được củng cố hàng năm cả về số lượng và chất lượng, với tổng số nhân sự trong năm 2014 là 7.242 cán bộ nhân viên được đào tạo chuyên nghiệp, sẵn sàng sát cánh và hiện thực hóa các mục tiêu chung của Ngân hàng.

Tầm nhìn

Với trên 20 năm tích lũy kinh nghiệm và đổi mới, Techcombank đã tạo dựng nền tảng công nghệ, tài chính và nhân lực bền vững cùng sự am hiểu thị trường sâu sắc để hướng tới một tầm nhìn rõ ràng và nhất quán: trở thành Ngân hàng Tốt nhất và Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam. Chúng tôi mang trong mình sứ mệnh cung cấp các giải pháp tài chính và dịch vụ ưu việt nhất cho khách hàng, xây dựng môi trường làm việc hàng đầu cho cán bộ nhân viên và tạo ra những lợi ích to lớn cho các nhà đầu tư đã và đang đặt niềm tin vào triển vọng của Techcombank. Sức trẻ, khát vọng chinh phục và hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược được thể hiện trong mọi hoạt động của ngân hàng chính là yếu tố tạo nên giá trị khác biệt của chúng tôi.

Hoạt động của chúng tôi

Để hiện thực hóa tầm nhìn của mình, chúng tôi tập trung vào ba phân khúc khách hàng mục tiêu: cá nhân thu nhập khá và cao, doanh nghiệp vừa và nhỏ và khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng giao dịch. Ba mảng kinh doanh cốt lõi đó là kim chỉ nam để tất cả các đơn vị trong toàn hệ thống Techcombank, bao gồm cả các đơn vị kinh doanh và các khối hỗ trợ, nỗ lực hết mình để phát triển và phân phối các sản phẩm, dịch vụ và giải pháp tài chính trọn gói, ưu việt và phù hợp với nhu cầu của từng đối tượng khách hàng. Tự hào được phục vụ hơn 48,7 nghìn khách hàng doanh nghiệp và 3,7 triệu khách hàng cá nhân trong năm 2014, chúng tôi tin rằng với sự nỗ lực không ngừng cải tiến về mọi mặt và với việc cho ra đời ngày càng nhiều các sản phẩm mới, dịch vụ tiện ích, Techcombank sẽ nhanh chóng đạt được mục tiêu trở thành Ngân hàng Hàng đầu tại Việt Nam trong tương lai không xa.

Hướng tới tương lai

Mang trong mình khát vọng dẫn đầu và hướng tới kinh doanh bền vững, Techcombank hoạch định mọi kế hoạch phát triển dựa trên tầm nhìn, sứ mệnh và chiến lược phát triển kinh doanh dài hạn của mình. Chúng tôi tin rằng sự năng động và luôn chú trọng hoàn thiện hơn nữa trong các kế hoạch hành động là chìa khóa quan trọng cho mọi thành công của chúng tôi. Nhờ vậy, các yếu tố nền tảng liên tục được củng cố để làm bàn đạp vững chắc cho các hoạt động kinh doanh năng động và sáng tạo. Chúng tôi xác định việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, song hành cùng các hoạt động phát triển văn hóa doanh nghiệp chính là yếu tố tiên quyết để xây dựng thể mạnh trong kinh doanh, thúc đẩy năng suất làm việc cũng như mức độ hài lòng của nhân viên trên toàn hệ thống. Bên cạnh đó, việc

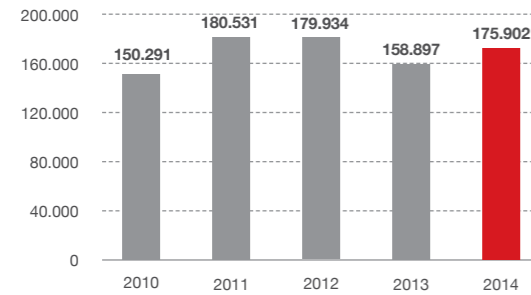
đầu tư các hệ thống công nghệ tiên tiến, liên tục áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế vào mọi quy trình hoạt động cũng như không ngừng củng cố quản trị rủi ro toàn ngân hàng chính là những hoạt động trọng tâm nhằm tạo nên nền móng vững chắc để phát triển. Với việc các yếu tố nền tảng được không ngừng củng cố để hỗ trợ tích cực cho các đơn vị tuyển đầu, các hoạt động kinh doanh của chúng tôi đang hướng tới tăng trưởng bền vững cả về chất lượng lẫn số lượng, thể hiện qua các kết quả kinh doanh khả quan và sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ tận tâm, sản phẩm ưu việt và các giải pháp tài chính sáng tạo, hiệu quả.

Không chỉ vậy, chúng tôi luôn nỗ lực để xây dựng và duy trì mối quan hệ gắn bó với cộng đồng, mang lại lợi ích cho xã hội, đặc biệt hướng tới phát triển con người và phát triển kinh tế xã hội ở những khu vực Techcombank đang phục vụ. Cũng chính quan điểm này đã hỗ trợ không nhỏ Techcombank trong việc đi sâu vào đặc thù từng địa phương, am hiểu nhu cầu khác biệt tại địa bàn mình phục vụ, từ đó đưa ra các sản phẩm phù hợp với nhu cầu đặc thù của khách hàng.

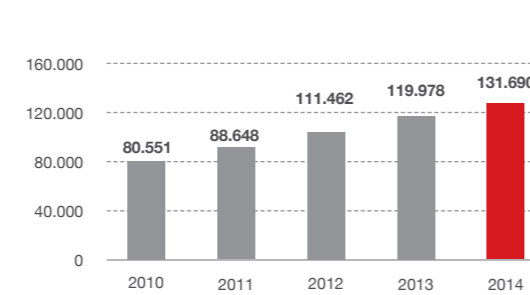
Chúng tôi tin rằng nền tảng vững chắc từ con người, hệ thống và công nghệ kết hợp với tinh thần liên tục cải tiến, năng động và sáng tạo của tuyển kinh doanh cùng phương châm hướng tới kinh doanh bền vững, Techcombank đã sẵn sàng bứt phá để hướng tới tầm nhìn trở thành Ngân hàng Tốt nhất và Doanh nghiệp Hàng đầu tại Việt Nam, mang lại giá trị to lớn cho khách hàng, nhân viên, nhà đầu tư và cho toàn xã hội.

Tổng quan tài chính

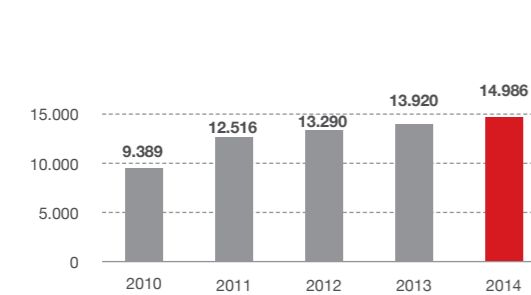
Tổng Tài Sản (tỷ đồng)



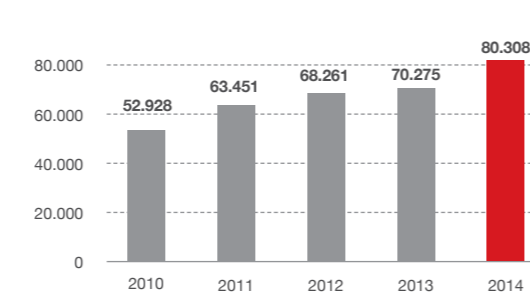
Huy Động Khách Hàng (tỷ đồng)



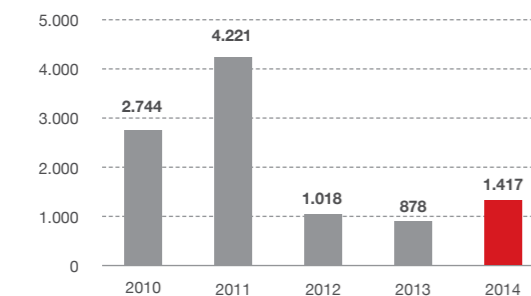
Vốn Chủ Sở Hữu (tỷ đồng)



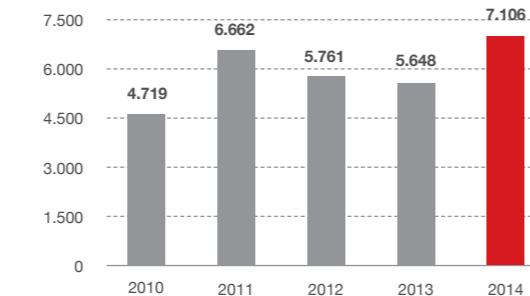
Cho Vay Khách Hàng (tỷ đồng)



Lợi Nhuận Trước Thuế (tỷ đồng)



Tổng Thu Nhập Hoạt Động (tỷ đồng)



Tài Chính

Tỷ số lợi nhuận ròng / Tài sản 2014

0,63%

Tỷ lệ Chi phí / Thu nhập 2014

48,28%

Tỷ số lợi nhuận ròng / Vốn chủ sở hữu 2014

7,40%

Hệ số an toàn vốn 2014

15,65%

Phi Tài Chính

Số lượng CBNV 2014

7.242

Số lượng KH doanh nghiệp 2014

48.739

Số lượng KH cá nhân 2014

3.696.683

Số lượng chi nhánh 2014

312

Số lượng ATM 2014

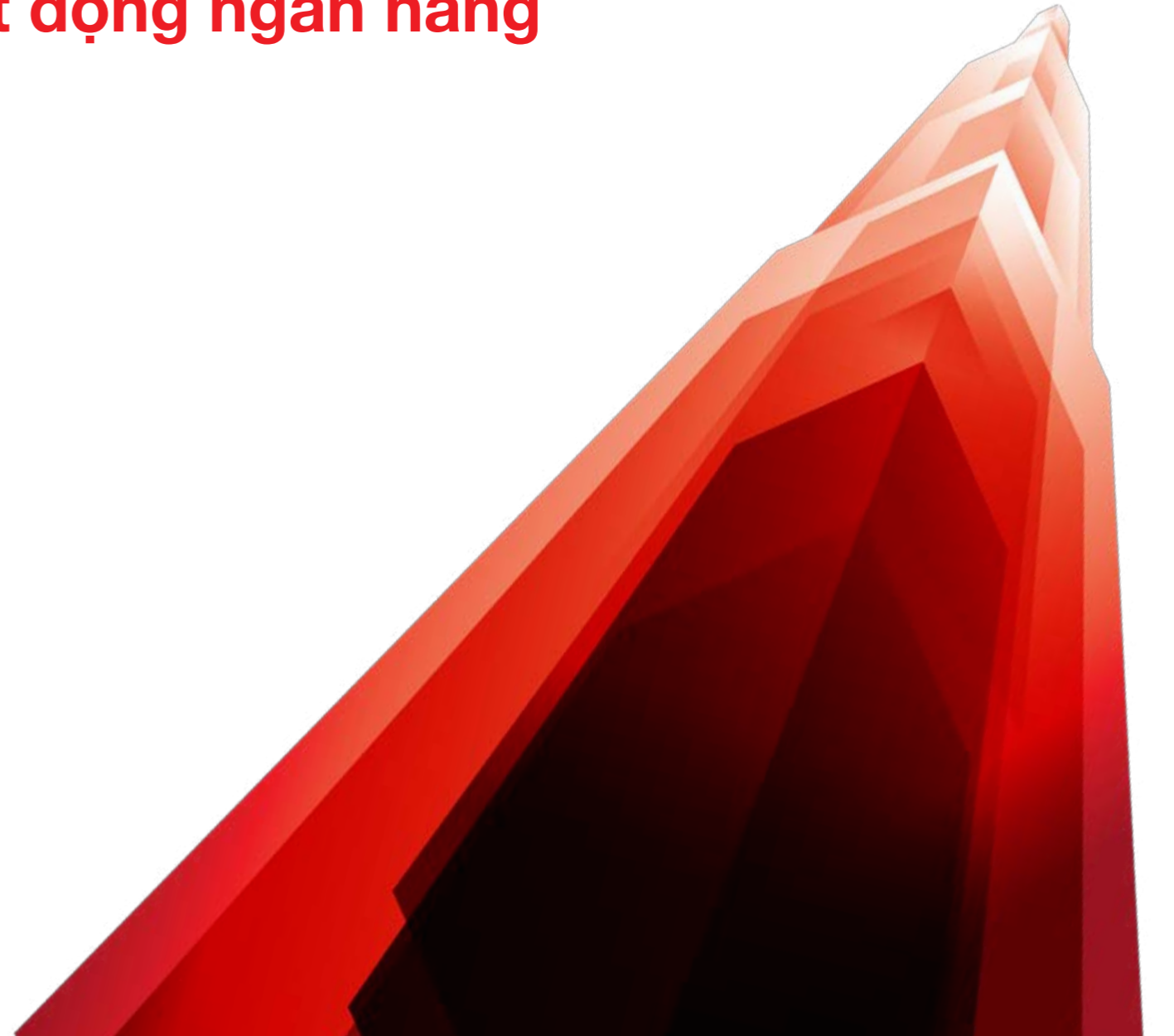
1.231

* Những con số này phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam áp dụng cho các tổ chức tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan. Bản báo cáo tài chính đầy đủ được trình bày từ trang 75.



Báo Cáo Thường Niên 2014

Tổng quan về hoạt động ngân hàng



Thông điệp của Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị

Kính thưa Quý vị,

Vượt qua nhiều thách thức khó khăn còn tồn tại của nền kinh tế, năm 2014 đánh dấu bước trở lại mạnh mẽ của Techcombank trên thị trường với việc đạt và vượt hầu hết các chỉ tiêu hoạt động và kinh doanh chính đề ra từ đầu năm.

Để có được những thành quả đáng khích lệ này, tôi xin gửi lời cảm ơn chân thành tới các cổ đông Techcombank đã cam kết đầu tư dài hạn và đồng hành với Ngân hàng trong suốt thời gian qua. Sự ủng hộ, hỗ trợ hiệu quả từ Quý vị đã đảm bảo cho Techcombank luôn có được nguồn tài chính vững mạnh để phát triển theo đúng mục tiêu đã định. Tôi cũng xin cảm ơn các Quý vị đối tác, khách hàng và toàn thể cán bộ nhân viên Techcombank vì sự tin tưởng, gắn bó dành cho ngân hàng trong các hoạt động kinh doanh cũng như xây dựng hệ thống quản trị, văn hóa doanh nghiệp. Tôi tin Quý vị và các bạn vẫn sẽ luôn đồng hành, ủng hộ và hợp tác với Techcombank trong chặng đường phát triển chiến lược thời gian tới.

Thưa Quý vị!

Nhìn lại năm 2014, Techcombank chúng tôi tự hào với những thành quả đã đạt được cả về chất và lượng.

Ngân hàng đã xác lập trọng tâm và định hướng triển khai phát triển kinh doanh mạch lạc và rõ ràng hơn. Công tác phát triển sản phẩm và các chương trình kinh doanh đã được định hướng trên cơ sở am hiểu và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của khách hàng, tạo lợi thế cạnh tranh hữu hiệu trên thị trường. Các dịch vụ

ngân hàng cùng với đó được đa dạng hóa dựa trên thế mạnh công nghệ vượt trội và mô hình quản trị chất lượng được triển khai hiệu quả. Techcombank đã từng bước nâng cao hơn nữa chất lượng dịch vụ, tạo sự hài lòng và gắn bó lâu dài bền chặt giữa Ngân hàng và khách hàng.

Song song với đó, Techcombank đã và đang tiếp tục củng cố và phát triển các cơ sở nền tảng, các tiêu chuẩn quản trị kinh doanh hướng tới những chuẩn mực quốc tế, từ quản trị rủi ro, vận hành, công nghệ đến đầu tư phát triển nguồn nhân lực. Đáng chú ý, hệ thống quản lý giám sát và xử lý nợ đã phát huy hiệu quả, chất lượng nợ được nâng cao đáng kể; hệ thống quản trị hiệu quả hoạt động và quản lý chi phí đã được triển khai mạnh mẽ, góp phần không nhỏ vào kết quả kinh doanh chung của toàn Ngân hàng. Cùng với đó, Ngân hàng tiếp tục đầu tư vào việc nâng cao năng lực và chất lượng đội ngũ nhân sự thông qua việc triển khai dự án “Phân cấp năng lực cán bộ nhân viên”. Theo đó, lộ trình phát triển sự nghiệp cho từng vị trí chức danh công việc cũng như những chương trình đào tạo đi kèm được xác định rõ ràng nhằm định hướng hiệu quả cho việc phát triển năng lực mỗi cá nhân trong tổ chức, tạo sự chuẩn bị tốt nhất về nguồn nhân lực cho sự lớn mạnh của Ngân hàng trong tương lai.

Đặc biệt trong năm vừa qua, Techcombank đã chú trọng đẩy mạnh các hoạt động xây dựng văn hóa doanh nghiệp nhằm tạo sự gắn kết cũng như khuyến khích cán bộ nhân viên các cấp hiểu rõ và thực hành các giá trị cốt lõi hướng tới mục tiêu phát triển lâu dài, bền vững.

Với những nỗ lực “làm đúng những điều đúng”

trong năm 2014, tập thể Ban lãnh đạo và CBNV Techcombank đã mang lại những kết quả đáng khích lệ với lợi nhuận trước thuế đạt 1.417 tỉ đồng, tỉ lệ ROA và ROE lần lượt đạt 0,63% và 7,40%, tăng cao hơn nhiều so với năm trước.

Hướng tới năm 2015

Trong năm 2015, Techcombank sẽ tiếp tục kiên định với chiến lược phát triển kinh doanh cùng hai mũi nhọn trọng tâm là xây dựng năng lực phát triển sản phẩm vượt trội và xây dựng chất lượng dịch vụ tốt nhất, dựa trên nền tảng công nghệ tiên tiến sẵn có và năng lực quản trị rủi ro mạnh, góp phần nâng cao hiệu quả kinh doanh và thu hút ngày càng nhiều khách hàng tin tưởng và sử dụng dịch vụ Techcombank.

Song song với đó, Ngân hàng sẽ tiếp tục đầu tư mạnh mẽ vào việc phát triển nhân sự, quản lý hiệu quả hoạt động cũng như xây dựng văn hóa doanh nghiệp. Đây sẽ là yếu tố giúp tạo lợi thế cạnh tranh khác biệt, đưa Techcombank trở thành Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam và tiến ra tầm khu vực.

Tôi hoàn toàn tin tưởng rằng, với cam kết mạnh mẽ, năng lực vượt trội cùng định hướng kinh doanh đúng đắn, Techcombank sẽ trở lại mạnh mẽ và bền vững hơn trong năm 2015 và nhiều năm sau nữa.



Hồ Hùng Anh

Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị





Thông điệp của Giám đốc Điều Hành

Kính thưa quý vị cổ đông và đối tác,

Mặc dù đã có những dấu hiệu khôi phục, năm 2014 vẫn chứng kiến nhiều thách thức trong nền kinh tế vĩ mô. Ngành ngân hàng cũng tiếp tục trải qua những thay đổi cơ cấu chưa từng có tiền lệ, các ngân hàng và định chế tài chính gặp nhiều khó khăn khi cố gắng thúc đẩy tăng trưởng tín dụng nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng đa dạng của khách hàng, trong khi vẫn chịu sức ép của chỉ số nợ xấu cao.

Trong môi trường kinh doanh nhiều thách thức đó, Techcombank đã nỗ lực hoàn thành và cải thiện được nhiều chỉ số tài chính quan trọng, đặc biệt là lợi nhuận trước thuế đạt mức 1.417 tỷ đồng, vượt 20% kế hoạch. Để có được thành công đó toàn Ngân hàng đã rất nỗ lực, từ việc đẩy mạnh tăng trưởng doanh thu, quản lý chặt chẽ chi phí đến việc quản trị rủi ro hiệu quả kết hợp với việc thực thi một loạt sáng kiến chiến lược phù hợp.

Tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng đã tăng mạnh 26% từ 5.648 tỷ đồng năm 2013 lên 7.106 tỷ đồng trong năm 2014 khi tổng tài sản tăng 11%, chỉ số NIM được cải thiện từ mức 3,20% lên 3,61%, cùng với tỷ trọng thu nhập phí trong tổng thu nhập tăng từ 13% năm 2013 lên 15,8% năm 2014. Sự tăng trưởng này là kết quả của những nỗ lực không ngừng của Ngân hàng trong việc đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, thông qua cách tiếp cận mới trong quy trình phát triển sản phẩm cũng như những điều chỉnh phù hợp nhằm nâng cao lợi thế cạnh tranh cho Techcombank. Ngân hàng cũng đã đẩy mạnh việc quản lý chi phí và cải thiện năng suất toàn hàng, từ đó cải thiện chỉ số Chi phí trên Thu nhập từ 59,4% xuống còn 48,3%. Đặc biệt, các chỉ số đo lường năng suất bán hàng vốn được giới thiệu từ đầu năm và được kiên trì đo lường và cho thấy sự thay đổi tích cực trong cả năm, đã chứng

minh cho sự nhảy vọt trong năng suất bán hàng thể hiện qua các chỉ số như giá trị giải ngân, số dư cho vay bình quân, huy động bình quân, số khách hàng mới bình quân trên mỗi cán bộ bán hàng,...

Trong năm qua, Ngân hàng cũng đã áp dụng phương pháp quản trị rủi ro mới, trong đó định rõ vai trò người chịu trách nhiệm tổng thể cho rủi ro trong Ngân hàng là Khối Quản trị Rủi ro và các khối kinh doanh liên quan. Phương pháp quản trị rủi ro này được xây dựng dựa trên sự hiểu biết sâu sắc về đặc điểm khách hàng và phản ánh mức độ rủi ro vào mô hình định giá. Tổng thời gian xử lý tín dụng (TAT) của Ngân hàng cũng được cải thiện đáng kể khi chức năng nhiệm vụ trong từng khâu được phân định rõ, từ đó giúp cải thiện mạnh mẽ chất lượng dịch vụ và đưa Techcombank trở thành một trong những ngân hàng có dịch vụ tốt nhất với tỷ lệ khách hàng hài lòng cao. Ngoài ra, quy trình xử lý nợ cũng đã được chỉnh sửa cải thiện và đóng góp tích cực cho kết quả lợi nhuận của Ngân hàng.

Ngân hàng cũng đã giới thiệu một khái niệm mới nhằm kết nối việc thực thi chiến lược với hệ thống quản lý hiệu quả hoạt động. Hệ thống này xác định rõ lĩnh vực trách nhiệm chính, mục đích và mục tiêu rõ ràng nhằm đảm bảo định hướng chung cho toàn bộ các hoạt động trong Ngân hàng, tập trung đẩy mạnh tính hữu hiệu và hiệu quả hoạt động của từng cán bộ nhân viên. Ngân hàng cũng tiếp tục có những đầu tư vào nền tảng công nghệ nhằm xây đắp nội lực vững vàng cho sự phát triển trong tương lai. Cùng với đó, Techcombank đã giới thiệu ra thị trường một số dịch vụ dựa trên nền tảng công nghệ mới, như ứng dụng thanh toán Mobile Banking kết nối với mạng xã hội, phần mềm quản lý tài trợ chuỗi cung ứng, phần mềm quản lý toàn diện tài sản đảm bảo,...

Con người là yếu tố quan trọng giúp tạo nên thành công của Techcombank. Chúng tôi tin tưởng rằng, việc tăng cường năng lực và sự gắn kết của nhân viên là chìa khóa của những thành công trong tương lai. Vì lẽ đó, Ngân hàng đã rất kiên trì triển khai dự án “Phân cấp năng lực cán bộ nhân viên”. Đây là sáng kiến nhằm đưa ra lộ trình công danh rõ ràng cho từng cán bộ, hỗ trợ cung cấp các kỹ năng cần thiết trong tiến trình phát triển công danh hoặc theo chiều dọc lên cấp bậc quản lý cao hơn, hoặc theo chiều ngang thành các chuyên gia cao cấp. Ngân hàng cũng đã triển khai một loạt các sáng kiến đặc biệt nhằm cải thiện và duy trì văn hóa doanh nghiệp, từ đó thắt chặt sự hợp tác giữa Hội sở, các Khối và các Vùng, Chi nhánh, cũng như khuyến khích tư duy, hành động phù hợp với giá trị cốt lõi thông qua các chương trình thi đua cùng xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Hướng đến năm 2015, Techcombank sẽ tiếp tục chú trọng cải thiện năng lực triển khai và phát triển nguồn nhân lực dựa trên những thành công bước đầu của năm 2014, nhằm cải tiến các chỉ số hoạt động và tài chính. Tôi tin tưởng rằng đội ngũ Techcombank sẽ luôn nỗ lực nhằm đáp ứng nhu cầu của khách hàng, đối tác, cổ đông và của cộng đồng xã hội.

Murat Yuldashev
Giám Đốc Điều Hành

Kết quả kinh doanh

Tập trung vào tăng trưởng bền vững

Tóm tắt

Cùng với xu hướng phục hồi của nền kinh tế, kết quả kinh doanh của Techcombank đã có những cải thiện đáng kể trong năm 2014.

Hiệu quả hoạt động tài chính được gia tăng nhờ những cải thiện liên tục về chất lượng tài sản, hiệu quả kinh doanh, kiểm soát chi phí và quản trị rủi ro. Dưới đây là những chỉ số hoạt động chính:

- ◆ Tổng huy động khách hàng tăng 9,8% đạt 131.690 tỷ đồng.
- ◆ Tổng cho vay khách hàng tăng 14,3% đạt 80.308 tỷ đồng.
- ◆ Thu nhập hoạt động tăng 26% lên mức 7.106 tỷ đồng.
- ◆ Biên lãi thuần (NIM) tăng từ 3,2% lên 3,6%.
- ◆ Với những biện pháp quản trị rủi ro thận trọng, minh bạch và các sáng kiến nhằm giảm thiểu rủi ro cho bảng cân đối kế toán, Ngân hàng đã trích lập dự phòng rủi ro 2.258 tỷ đồng cho các khoản nợ quá hạn, tăng 60% so với mức trích lập năm 2013. Chi phí trích lập dự phòng cao hơn phần lớn là do định giá lại tài sản đảm bảo trong năm 2014 và do trích lập dự phòng cho các khoản nợ xấu đã bán sang Công ty Quản lý tài sản của các Tổ chức Tín dụng Việt Nam (VAMC). Tính đến 31/12/2014, tổng số nợ đã bán sang VAMC là 3,8 nghìn tỷ đồng.
- ◆ Chi phí tiếp tục được quản lý một cách cẩn trọng thông qua một số sáng kiến tiết kiệm được triển khai trong suốt năm 2014. Nhờ đó, chi phí hoạt động cả năm dừng ở mức 3.431 tỷ đồng, chỉ tăng 2% so với năm trước và thấp hơn rất nhiều so với ngân sách dự kiến.

- ◆ Lợi nhuận trước thuế tăng 61,4% lên mức 1.417 tỷ đồng, vượt 20% so với kế hoạch 1.181 tỷ đồng ban đầu. Hệ số an toàn vốn (CAR) tăng từ 14,03% lên 15,65% vào cuối năm 2014

Kết quả hoạt động của Ngân hàng

Tổng thu nhập hoạt động của Ngân hàng đạt 7.106 tỷ đồng, tăng 26% so với năm trước.

Thu nhập lãi thuần tăng 33% lên 5.773 tỷ đồng, cùng với đó là việc quản lý thường xuyên lãi suất huy động và cho vay và đạt được cấu trúc bảng cân đối kế toán hiệu quả. Biên lãi thuần năm 2014 tăng từ 3,2% lên 3,6%.

Thu nhập phí thuần tăng trên 52,5%, đạt 1.123 tỷ đồng, phần lớn do sự đóng góp từ mảng kinh doanh Ngân hàng Đầu tư mới được thành lập. Thu nhập phí từ các sản phẩm cốt lõi khác của Ngân hàng tiếp tục tăng và thu nhập từ mảng kinh doanh và đầu tư đạt 203 tỷ đồng, so với 162 tỷ đồng năm 2013.

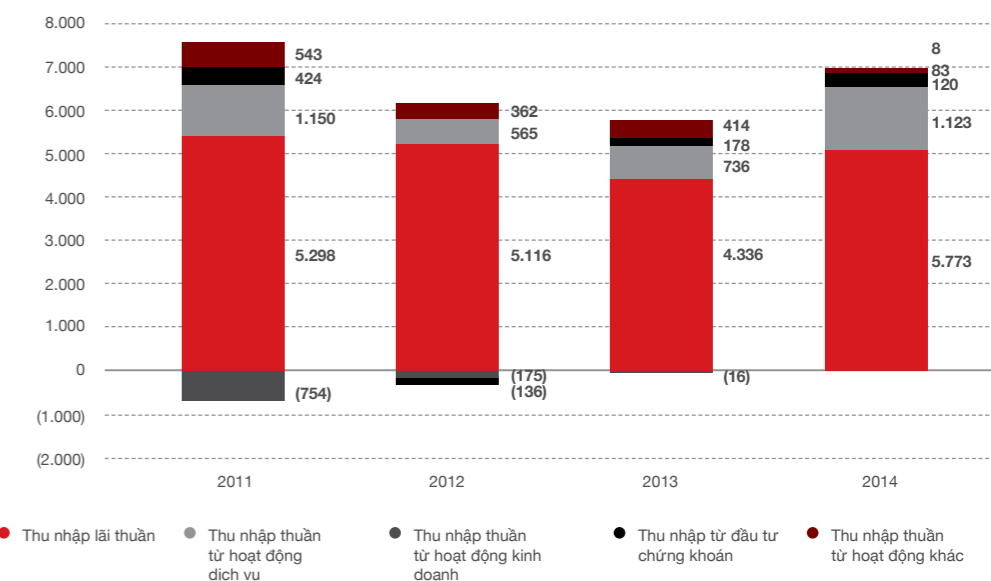
Chi phí hoạt động tăng nhẹ 75 tỷ đồng lên 3.431 tỷ đồng, tương đương 2% so với năm trước. Trong năm vừa qua, Ngân hàng tiếp tục tập trung vào quản lý chi phí thông qua một số sáng kiến tiết kiệm và tăng cường nhận thức về chi phí cũng như kỷ luật chi tiêu trên toàn hệ thống. Mặc dù giữ tổng chi phí ở mức thấp, Ngân hàng vẫn tiếp tục đầu tư vào nguồn nhân lực, trong đó chi phí nhân sự tăng 17% lên 1.627 tỷ đồng, tương đương 241 tỷ đồng trong khi tỷ lệ chi phí trên thu nhập giảm trên 10%, từ 59,4% năm 2013 xuống còn 48,3% năm 2014. Mặt khác, với phương thức tiếp cận thận trọng trong việc giảm thiểu rủi ro và quản lý nợ xấu, tổng dự phòng rủi ro tín dụng của Ngân hàng trong năm là 2.258 tỷ đồng, tăng 60% so với cùng kỳ năm trước.



Ngân hàng tiếp tục chủ động trong việc quản lý danh mục các khoản nợ xấu và thu hồi nợ xấu. Trong năm 2014, Ngân hàng đã bán tổng 1.738 tỷ đồng nợ xấu, nâng tổng khối lượng nợ xấu đã bán sang VAMC lên 3.807 tỷ đồng. Cùng với các biện pháp quản trị rủi ro chặt chẽ và hiệu quả nhằm kiểm soát các nợ xấu hiện tại cũng như ngăn ngừa nợ xấu mới, tỷ lệ nợ xấu tại thời điểm cuối năm 2014 ở mức 2,38% cải thiện đáng kể so với mức 3,56% tại thời điểm cuối năm 2013.

Lợi nhuận trước thuế đạt 1.417 tỷ đồng tại thời điểm cuối năm 2014, tăng 61,4% so với năm trước. Theo đó, chỉ số lợi tức trên cổ phiếu (EPS) tăng mạnh từ 742 đồng lên 1.245 đồng mỗi cổ phiếu. Tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản (ROA) và lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) cải thiện hơn so với năm trước và lần lượt đạt 0,63% (so với 0,39% năm 2013) và 7,4% (so với 4,77% năm 2013).

Cơ cấu hoạt động (tỷ đồng)



Bảng cân đối kế toán

Bên cạnh việc tiếp tục cải thiện về chất lượng dịch vụ khách hàng, loại hình sản phẩm song song với việc mở rộng mạng lưới phân phối rộng khắp với 312 chi nhánh và 1231 máy ATM, dư nợ cho vay và huy động của Techcombank cũng tăng đáng kể so với năm 2013. Cho vay khách hàng tăng 14,3% lên 80.308 tỷ đồng và huy động khách hàng tăng 9,8% lên 131.690 tỷ đồng. Tỷ lệ cho vay trên huy động tăng từ 58,6% lên 61% trong năm 2014.

Tỷ lệ an toàn vốn của ngân hàng tăng 1,62%, lên 15,65% vào thời điểm cuối năm 2014, cao hơn nhiều so với mức 9% theo quy định của Ngân hàng Nhà Nước.

Cho vay khách hàng

Vào thời điểm cuối năm 2014, nhờ có sự khôi phục dần của nền kinh tế, dư nợ cho vay khách hàng đạt 80.308 tỷ đồng, tăng 14,3% so với năm 2013. Năm 2014 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh về cho vay khách hàng trong các ngành chủ chốt như Kho bãi, Vận tải và Xây dựng lần lượt đạt mức tăng 271% và 46%. Tỷ lệ dư nợ cho vay của hai ngành này trong tổng dư nợ của toàn ngân hàng tăng từ 13% năm 2013 lên 19% năm 2014

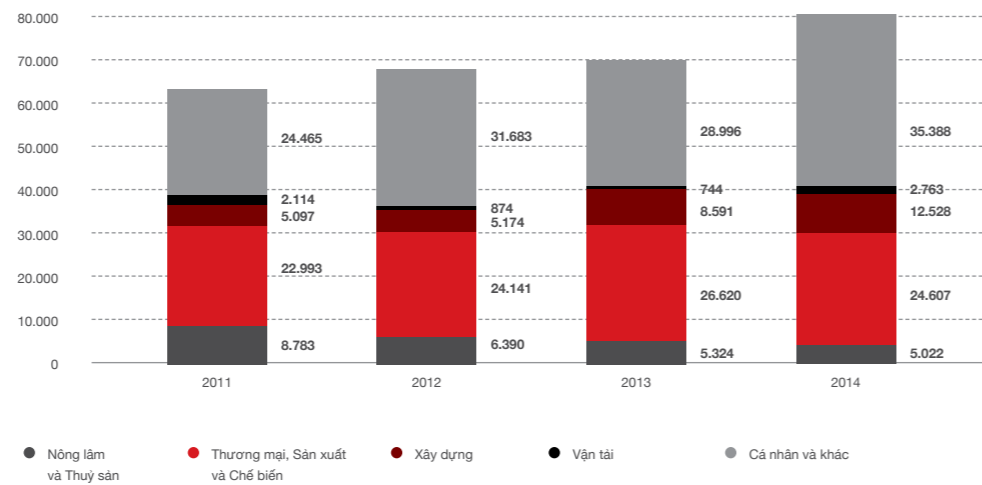
Chứng khoán đầu tư

Tổng danh mục chứng khoán đầu tư tại thời điểm cuối năm 2014 là 55,902 nghìn tỷ đồng, tăng 12% so với năm trước. Trong năm 2014, Ngân hàng đã đầu tư mạnh vào Trái phiếu Chính phủ nhằm cải thiện chất lượng tín dụng và thanh khoản của danh mục. Đầu tư Trái phiếu Chính phủ hiện tại chiếm trên 53% danh mục đầu tư của Ngân hàng.

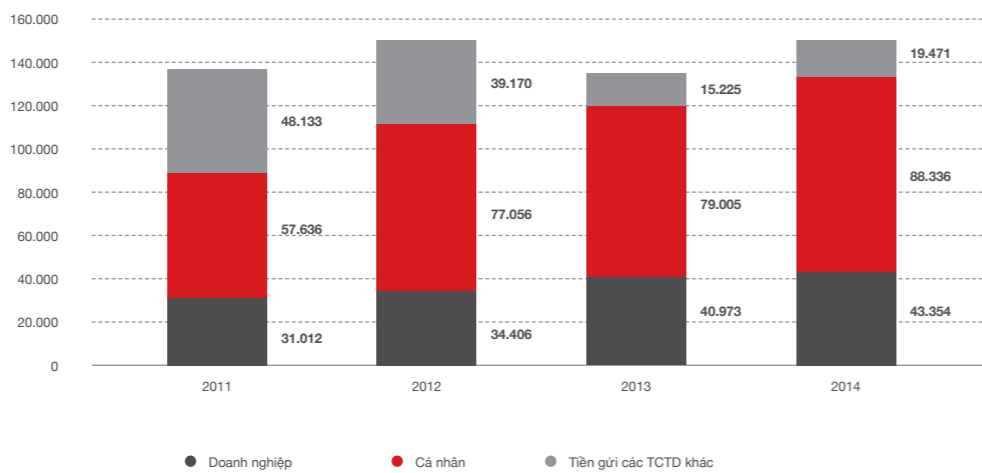
Tiền gửi khách hàng

Trong năm 2014, huy động khách hàng đã tăng 9,8% đạt 131,690 tỷ đồng; trong đó huy động khách hàng cá nhân tăng 11,8% và huy động khách hàng doanh nghiệp tăng trên 5,8%.

Cho vay theo ngành nghề kinh doanh (tỷ đồng)



Huy động phân theo đối tượng khách hàng (tỷ đồng)



Dịch vụ Tài chính Cá nhân

Không ngừng đầu tư vào phát triển sản phẩm, tối ưu hóa quy trình và nền tảng công nghệ để đáp ứng nhiều hơn nữa nhu cầu của khách hàng cá nhân

Chiến lược kinh doanh năm 2014

“Khách hàng là trên hết” – giá trị đầu tiên trong năm giá trị cốt lõi của Techcombank cũng là trọng tâm phát triển của mảng dịch vụ ngân hàng và tài chính cá nhân trong năm 2014. Cam kết không ngừng tăng cường các tiện ích cho khách hàng khi sử dụng sản phẩm, dịch vụ đã được chúng tôi hiện thực hóa thông qua tất cả các hoạt động trọng tâm:

- ◆ **Thấu hiểu khách hàng:** phân nhóm khách hàng dựa vào sự am hiểu sâu sắc nhu cầu khách hàng, từ đó phát triển các sản phẩm và dịch vụ đặc trưng, phù hợp.
- ◆ **Phát triển sản phẩm:** nâng cấp và phát triển bộ sản phẩm toàn diện nhằm mang tới cho khách hàng những sản phẩm tối ưu và tân tiến nhất.
- ◆ **Cải tiến chất lượng dịch vụ:** cung cấp các dịch vụ chất lượng cao thông qua việc hoàn thiện mô hình dịch vụ tại chi nhánh cũng như nâng cấp các kênh giao dịch điện tử.
- ◆ **Tối ưu hóa quy trình:** giảm thiểu thời gian xử lý nghiệp vụ và các quy trình vận hành nội bộ nhằm đem lại mức độ thuận tiện cao nhất cho khách hàng.

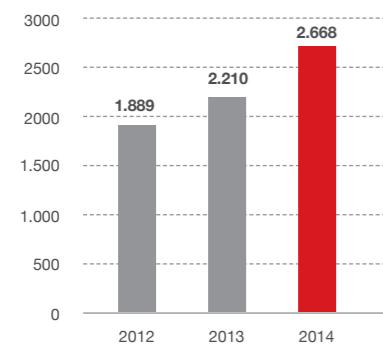
Những thành tựu đã đạt được trong năm 2014

Trong năm 2014, cùng với việc mở rộng cơ sở khách hàng, cải thiện hoạt động tín dụng và phát triển mạng lưới đối tác, mảng dịch vụ tài chính cá nhân đã có nhiều dấu hiệu tích cực:

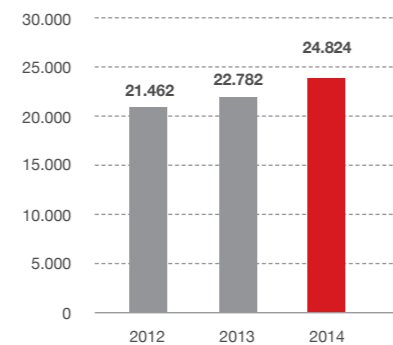
- ◆ Tổng thu nhập hoạt động (TOI) tăng 21%, đạt mức 2.688 tỉ đồng.
- ◆ Cơ sở khách hàng ưu tiên tăng 20% so với 2013.
- ◆ Doanh số cho vay đạt mức 32.807 tỉ đồng trong đó tháng 03/2014 đã lập kỷ lục về doanh số cho vay mới đạt mức 3.722 tỷ đồng.
- ◆ Danh mục cho vay đạt mức 24.824 tỉ đồng tính đến 31/12/2014, tương đương mức tăng trưởng 8% so với cùng kỳ năm ngoái.
- ◆ Huy động tăng 11% so với năm 2013.



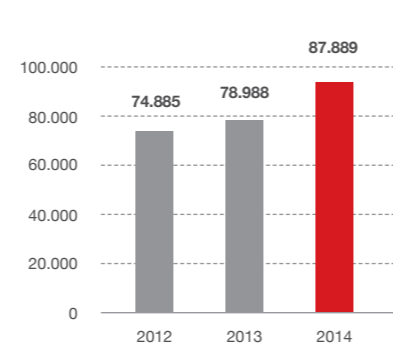
Tổng thu nhập từ hoạt động (tỷ đồng)



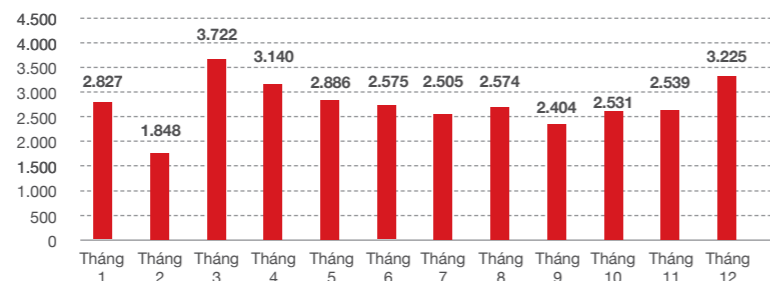
Danh mục cho vay (tỷ đồng)



Danh mục huy động (tỷ đồng)



Giải ngân mới trong năm (tỷ đồng)



Năm 2014, chất lượng danh mục cho vay của Techcombank tiếp tục được cải thiện cùng với nỗ lực tối đa trong việc giảm nợ quá hạn. Thêm vào đó, nhiều quy trình nghiệp vụ trọng yếu cũng đã được tập trung cải tiến, cắt giảm đáng kể thời gian chờ của khách hàng đồng thời tăng năng suất của đội ngũ bán hàng. Trong số đó có thể kể đến quy trình thẩm định và phê duyệt các khoản vay đặc biệt dành cho cán bộ nhà nước đã được

Techcombank cải tiến đáng kể, góp phần đáp ứng nhu cầu không nhỏ của một bộ phận khách hàng thuộc phân khúc này.

Bên cạnh đó, năm vừa qua, nâng cấp công nghệ tiếp tục trở thành trọng tâm của chúng tôi nhằm mục đích củng cố thêm lợi thế cạnh tranh của Techcombank. Nhận thức được việc sử dụng điện thoại thông minh đang trở thành xu thế, chúng tôi

đã không ngừng nỗ lực để giới thiệu tới khách hàng dịch vụ F@stMobile – một ứng dụng công nghệ mới cho phép khách hàng thực hiện các giao dịch ngân hàng mọi lúc, mọi nơi trên chiếc điện thoại của mình. Đây là minh chứng cho cam kết mạnh mẽ của Techcombank trong việc mang đến cho khách hàng những sản phẩm và dịch vụ ưu việt nhất.



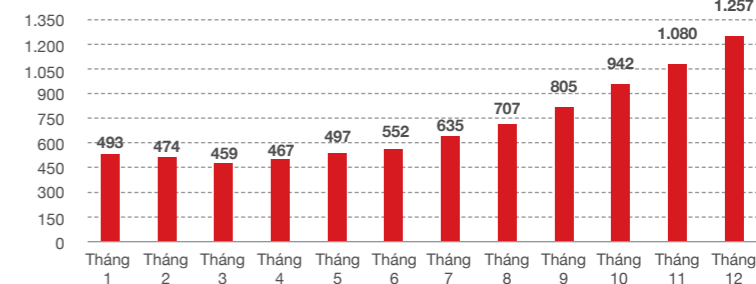
Cho vay mua ô tô

Năm vừa qua, sản phẩm Cho vay mua ô tô đã đạt mức tăng trưởng ấn tượng với khoảng 3.131 khoản vay trị giá 1.187 tỉ đồng, tăng 245% so với năm trước.

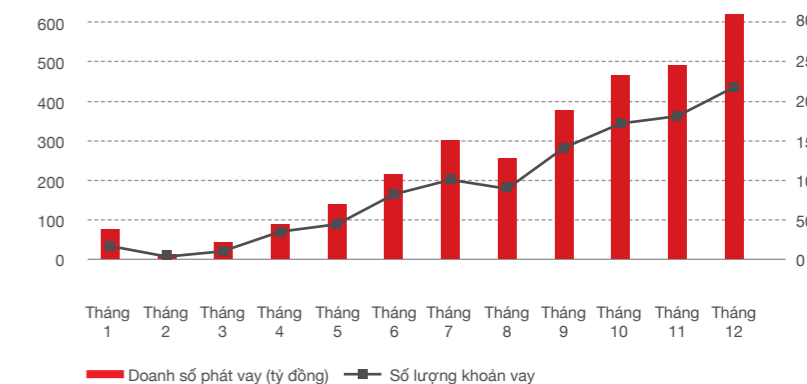
Để có được thành tựu này, chúng tôi đã liên tục đẩy mạnh việc hợp tác với các đối tác trong ngành. Năm 2014 đánh dấu quan hệ hợp tác của Techcombank với các đối tác chính, trong đó có HTC, THACO và Mitsubishi, phát triển lên tầm cao mới thông qua việc tạo ra nhiều chương trình liên kết đặc biệt dành cho khách hàng, qua đó tăng cường sức hút của các sản phẩm hiện có của Techcombank.

Ngoài ra, phát triển các dòng sản phẩm vẫn là ưu tiên hàng đầu của chúng tôi. Bên cạnh việc tăng cường các ưu đãi cho khách hàng, trong năm 2014, Techcombank còn chú trọng nâng cấp các chương trình hiện có để đảm bảo luôn mang tới khách hàng những giá trị vượt trội.

Biến động danh mục cho vay ô tô (tỷ đồng)



Giải ngân mới cho vay ô tô





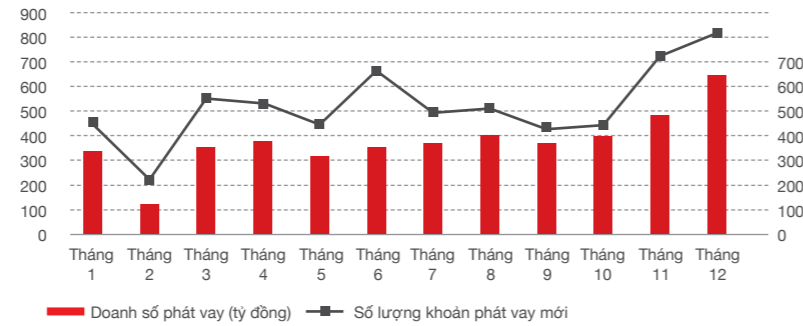
Vay mua bất động sản

Theo dữ liệu năm 2014, danh mục vay mua bất động sản đạt mức 9.596 tỉ đồng, với 4.458 khoản vay mới đạt tổng giá trị 6.385 tỉ đồng.

Một trong những điểm sáng của chúng tôi trong năm vừa qua là sự tăng cường quan hệ hợp

tác chiến lược giữa Techcombank với một trong những nhà kinh doanh bất động sản hàng đầu Việt Nam. Một số lượng đáng kể các căn hộ trong các dự án lớn của Tập đoàn này đã được phân phối thông qua sản phẩm vay mua bất động sản của Techcombank.

Biến động giải ngân cho vay mua bất động sản



Dịch vụ Thẻ

Danh mục thẻ tín dụng của Techcombank chứng kiến sự phát triển ổn định với tốc độ tăng trưởng hơn 69% trong năm 2014 với hơn 89.284 thẻ tín dụng đã được phát hành, tăng 63% so với năm trước. Con số ấn tượng đó nâng tổng số lượng thẻ đã phát hành trên toàn hệ thống Techcombank tính đến cuối năm 2014 lên 147.719 thẻ, tăng 92% trong giai đoạn 2012-2014.

Bên cạnh đó, Techcombank là ngân hàng có giá trị giao dịch qua thẻ Visa Credit lớn thứ hai trong số các ngân hàng nội địa tại Việt Nam, cùng mức

tăng trưởng tổng giá trị giao dịch qua thẻ Visa Credit tăng 31% so với năm trước. Về giá trị giao dịch qua thẻ Visa Debit, Ngân hàng xếp thứ hai toàn quốc với số lượng thẻ Visa Debit tăng 79% trong giai đoạn 2012-2014.

Cũng trong năm 2014, chúng tôi đã cho ra mắt thị trường sản phẩm mới mang tên Dream Card với hạn mức rút tiền lên tới 100% hạn mức tín dụng, qua đó trở thành Ngân hàng đầu tiên trên thị trường phát hành loại thẻ này.

Dịch vụ Ngân hàng Ưu tiên

Phân khúc khách hàng ưu tiên của Techcombank chứng kiến sự phát triển ổn định trong năm 2014. Thành công của chúng tôi trong việc giới thiệu các sản phẩm mới cùng việc cải tiến chất lượng dịch vụ đã góp phần mở rộng cơ sở khách hàng, tăng mức độ sử dụng sản phẩm cũng như các giải pháp tài chính. Khách hàng ưu tiên của Techcombank là những khách hàng đầu tiên trên thị trường được tham gia giao dịch các sản phẩm cấu trúc và đầu tư trái phiếu doanh nghiệp, được phát triển bởi bộ phận giải pháp tài chính của Công ty Chứng khoán Kỹ Thương – Techcom Securities. Bên cạnh đó, năng lực đội ngũ bán hàng của chúng tôi cũng đã được củng cố nhằm mục tiêu cung cấp cho khách hàng ưu tiên các dịch vụ tốt nhất. Hiện nay, đội ngũ chuyên viên bán hàng này đã đạt con số 146 người, tăng 8% so với năm ngoái.

Năm 2014 cũng là năm phát triển mạnh mẽ của tài khoản thanh toán khi thu nhập lãi thuần từ số dư tài khoản trung bình tăng 55% so với năm 2013. Số dư tiền gửi cũng tăng gần 80% nhờ nỗ lực không ngừng trong cải tiến các sản phẩm và dịch vụ. Các

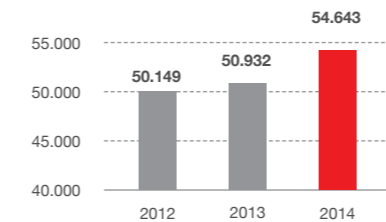
sản phẩm có giá trị gia tăng của Techcombank đều được khách hàng ủng hộ tích cực với 15% khách hàng sử dụng dịch vụ Internet Banking, 57% khách hàng sử dụng thẻ ghi nợ và thẻ tín dụng. Số lượng khách hàng ưu tiên tăng hơn 20%, đạt mức hơn 53.000 khách hàng – một con số ấn tượng trong năm 2014.

Với những nỗ lực không ngừng để phát triển mảng bán lẻ trong năm 2014, Techcombank vinh dự đón nhận 3 giải thưởng danh giá: “Ngân hàng Bán lẻ Tốt nhất Việt Nam”, “Ngân hàng Điện tử Tốt nhất Việt Nam” do Global Banking & Finance Review trao tặng, và “Ngân hàng Bán lẻ Việt Nam của năm” do Asian Banking and Finance trao tặng. Hơn thế nữa, với dịch vụ thẻ Visa đồng thương hiệu Vietnam Airlines Techcombank và dịch vụ cho vay mua ô tô có tính cạnh tranh cao, Techcombank đã lọt vào Top 10 “Hàng tốt – Dịch vụ hoàn hảo 2014”, chương trình do Hội Bảo vệ người tiêu dùng Việt Nam và báo Người tiêu dùng đồng tổ chức vào tháng 7/2014.

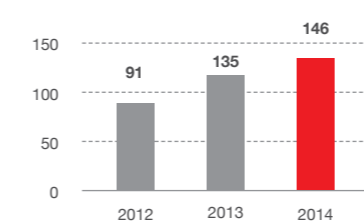
Mục tiêu và Định hướng năm 2015

Trong năm 2015, Techcombank tiếp tục phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm để đáp ứng nhiều hơn nữa nhu cầu của khách hàng thông qua đầu tư phần lớn nguồn lực vào phát triển các sản phẩm ưu việt, tối ưu hóa quy trình và nâng cấp nền tảng công nghệ. Trong năm tới, ưu tiên của chúng tôi đối với mảng bán lẻ là phát triển các kênh phân phối mới, tối ưu hóa mạng lưới bán hàng thông qua việc xây dựng chiến lược khách hàng theo phân khúc mục tiêu – trong đó cần nhắc kỹ lưỡng nhu cầu và kỳ vọng của khách hàng từng phân khúc đối với các sản phẩm và dịch vụ. Với những sáng kiến trên, chúng tôi tin tưởng việc hoàn thành xuất sắc mục tiêu chủ đạo là phát triển quan hệ bền chặt và lâu dài với khách hàng cũng như tăng cường mức độ gắn kết của khách hàng đối với Techcombank.

Số dư tiền gửi dịch vụ Priority (tỷ đồng)



Số lượng Chuyên viên QHKK ưu tiên



Dịch vụ Khách hàng Doanh nghiệp

Không ngừng đổi mới, sáng tạo trong phương thức vận hành, quản lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tối đa các nhu cầu tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động tìm hiểu chuyên sâu về đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp và kinh nghiệm thị trường của đội ngũ nhân sự

Năm 2014 ghi nhận thành quả của sự đổi mới trong tư duy chiến lược cũng như việc triển khai các hoạt động kinh doanh mảng Khách hàng doanh nghiệp (KHDN). Với mục tiêu mang đến các dịch vụ tài chính phù hợp nhu cầu kinh doanh thực tế của doanh nghiệp trong các ngành nghề khác nhau ở các phân khúc khác nhau, đồng thời đảm bảo tăng trưởng an toàn, bền vững cho cả khách hàng và ngân hàng, Techcombank đã có nhiều sáng kiến tiêu biểu mang lại hiệu quả kinh doanh cho mảng KHDN trong năm qua:

- ◆ Tái cơ cấu các bộ phận chức năng nhằm phát huy tối đa thế mạnh nguồn nhân lực: Nhận thức con người là động lực của thành công chúng tôi tích cực xây dựng và củng cố đội ngũ nhân sự chuyên nghiệp, am hiểu sâu sắc về thị trường trong các mảng Phân tích và Quản trị kinh doanh, Chính sách, Chiến lược, Marketing kinh doanh và đặc biệt là Phát triển sản phẩm.
- ◆ Phát triển hệ thống sản phẩm, chính sách phù hợp với từng ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo tính cạnh tranh trên thị trường thông qua việc triển khai hơn 20 sản phẩm trong năm 2014, trong đó có 13 sản phẩm chuyên biệt theo ngành, chủ yếu tập trung vào các ngành kinh tế trọng điểm như Dược & vật tư y tế, Nhựa, Dầu khí, Thức ăn chăn nuôi, Thực phẩm & Đồ uống...; 2 sản phẩm đại chúng phục vụ nhu cầu cơ bản của doanh nghiệp là Cho vay siêu tốc trong 12h và Cho vay mua ô tô Doanh nghiệp; 8 giải pháp tài chính dành cho chuỗi cung ứng dựa trên các quan hệ hợp tác chặt chẽ với các đối tác lớn là các công ty đầu ngành tại Việt Nam.
- ◆ Hoàn thiện các quy trình, chính sách nhằm đảm bảo an toàn cho hoạt động kinh doanh của khách hàng và ngân hàng, giảm thời gian xử lý nghiệp vụ, trong đó có mô hình kinh doanh riêng biệt cho từng phân khúc khách hàng, mô hình xác định giá cho vay nhằm quản lý giá hiệu quả hơn và cạnh tranh hơn, quy trình phát triển sản phẩm – “Cây sản phẩm” đảm bảo sản phẩm đạt mức thích ứng cao nhất với thị trường, quy trình quản lý nợ, kiểm soát sau giải ngân và kiểm soát phát hành bảo lãnh, chính sách chăm sóc, ưu đãi tài chính và phí tài chính cho khách hàng doanh nghiệp thân thiết cũng như khách hàng truyền thống.
- ◆ Triển khai các công cụ quản lý chất lượng, hiệu quả bán nhằm xây dựng đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp và hiểu khách hàng, bao gồm mô hình bán hàng tiêu chuẩn nhằm quản lý hoạt động và năng suất bán, mô hình tiếp thị giúp đội ngũ bán hiểu và tư vấn phù hợp với từng đối tượng khách hàng, công cụ 360 độ nhằm đánh giá hiệu quả kinh doanh theo nhiều cấp độ, mô hình đào tạo đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp – Red force.
- ◆ Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp trực tiếp thông qua các chương trình ưu đãi lãi suất VND, USD với tổng giá trị giải ngân xấp xỉ 8.000 tỷ đồng cùng với các hoạt động tư vấn tài chính doanh nghiệp liên kết với các Sở, Ban, Ngành, Hiệp hội, các tổ chức phi chính phủ trên toàn quốc.



Thành tựu

Với giá trị cốt lõi “Cam kết hành động”, Techcombank đã triển khai mạnh mẽ những đổi mới trong chiến lược và hành động cụ thể nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng sản phẩm, dịch vụ, mang lại sự hài lòng cao nhất cho khách hàng doanh nghiệp, góp phần gia tăng giá trị cho ngân hàng cũng như lợi ích cho cổ đông. Chúng tôi đã đạt được những chỉ số tài chính ấn tượng, vượt kế hoạch đã đề ra của mảng KHDN:

- ◆ Lợi nhuận trước thuế đạt 450 tỷ đồng, tăng 251% so với kế hoạch
- ◆ TOI đạt 1.262 tỷ, tăng 15% so với kế hoạch
- ◆ Thu nhập lãi thuần vượt 18% so với kế hoạch
- ◆ Thu nhập phí thuần vượt 16% so với kế hoạch

Ngoài ra, việc kiểm soát hiệu quả chi phí (hệ số chi phí trên thu nhập giảm mạnh còn 62%) và kiểm

soát nợ quá hạn cũng góp phần không nhỏ trong thành quả kinh doanh trong mảng KHDN.

Để có được thành tựu này, chúng tôi đã “liên tục cải tiến” trong phương thức vận hành, quản lý nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, đáp ứng tối đa các nhu cầu tài chính doanh nghiệp thông qua các hoạt động tìm hiểu chuyên sâu về đặc thù kinh doanh của doanh nghiệp và kinh nghiệm thị trường của đội ngũ nhân sự. Bên cạnh việc tập trung phát triển sản phẩm mang tính cạnh tranh, Techcombank cũng đồng thời hoàn thiện các mô hình quản trị nhằm giảm thiểu thời gian xử lý nghiệp vụ, tối ưu hóa các quy trình hoạt động, đặc biệt đối với các quy trình liên quan đến phê duyệt tín dụng, giải ngân, quản lý tài sản bảo đảm... Cuối năm 2014, các quy trình cấp tín dụng cho từng phân khúc khách hàng mục tiêu đã được hoàn tất nhằm mang lại sự đơn giản và tiện lợi hơn cho doanh nghiệp. Song song với đó, mô hình giá vay (Pricing model) cho khách hàng doanh nghiệp cũng được áp dụng, nhằm tạo sự đơn giản và chủ

động cho khách hàng khi được lựa chọn lãi suất phù hợp với tình hình kinh doanh thực tế.

Với phương châm “hỗ trợ doanh nghiệp lớn mạnh không ngừng”, Techcombank không chỉ dừng lại với các ưu đãi tài chính mà hướng đến chăm sóc toàn diện cho doanh nghiệp thông qua các chương trình liên kết với các cơ quan chính phủ ở nhiều cấp nhằm cung cấp những thông tin đầy đủ về kinh tế vĩ mô, chính sách, luật kinh doanh... và các giải pháp tài chính phù hợp nhất với doanh nghiệp. Năm qua, Techcombank đã phối hợp với Sở Công thương TP.HCM, UBND một số Quận trên địa bàn TP.HCM, UBND các tỉnh như Hà Nam, Quảng Ninh và các Hiệp hội như Hiệp hội Nhựa Việt Nam (VPA), Hiệp hội Doanh nghiệp vừa và nhỏ ở một số tỉnh phía Bắc tổ chức các chương trình bán hàng bình ổn giá, hỗ trợ doanh nghiệp và tiểu thương trên địa bàn, ưu đãi lãi suất cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Các hoạt động này đều nhận được sự hưởng ứng và đánh giá cao từ các doanh nghiệp cũng như các cơ quan truyền thông.



Với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm được thể hiện trong mọi hoạt động, chúng tôi tin tưởng sẽ góp phần hiện thực hóa sứ mệnh và tầm nhìn trở thành Ngân hàng Tốt nhất và Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam trong tương lai không xa.



Định hướng kinh doanh 2015

Cùng với định hướng chung của Ngân hàng trong việc cung cấp các sản phẩm ưu việt, phù hợp với nhu cầu và đáp ứng kỳ vọng khách hàng, chúng tôi đặt mục tiêu tiếp tục nâng cao năng lực cạnh tranh, tăng thị phần, tập trung vào nâng cao chất lượng nguồn nhân lực nhằm tạo sự đột phá trong năm 2015:

- ◆ **Chiến lược:** nâng cao năng lực cạnh tranh trong việc cung cấp sản phẩm tài chính doanh nghiệp chất lượng cao thông qua các phương pháp tiếp cận chuyên biệt với từng ngành nghề, khách hàng mục tiêu và lựa chọn chi nhánh theo tiêu chuẩn để phục vụ từng phân khúc khác nhau.
- ◆ **Thị trường:** đẩy mạnh công tác thị trường để hiểu khách hàng, phát triển sản phẩm phù hợp, thiết lập mô hình tiếp thị hiệu quả; triển khai các

chương trình, chính sách để hướng các khách hàng giao dịch chính với Techcombank.

- ◆ **Sản phẩm & Dịch vụ:** tăng cường tín dụng vào các ngành trọng tâm để đảm bảo an toàn kinh doanh; từng bước triển khai các chính sách cho vay dựa trên dòng tiền và uy tín của khách hàng; chú trọng phát triển các giải pháp tài chính theo chuỗi cung ứng.
- ◆ **Nguồn lực & Tổ chức:** rà soát và đào tạo thường xuyên cho đội ngũ bán hàng để nâng cao hơn nữa chất lượng phục vụ khách hàng; xây dựng tiêu chuẩn phục vụ khách hàng ở các phân khúc cho chi nhánh.
- ◆ **Hệ thống vận hành:** cải tiến thời gian xử lý các quy trình liên quan đến tín dụng thông qua việc loại bỏ các giai đoạn không cần thiết, đơn giản hóa thủ tục giấy tờ và xây dựng quy trình xử

lý riêng cho các khách hàng VIP, có cơ chế đo lường độc lập.

- ◆ **Quản trị rủi ro:** Cải tiến chính sách tín dụng liên quan đến việc thẩm định, tài sản đảm bảo, và ứng xử khác nhau đối với khách hàng mới, khách hàng hiện hữu; xây dựng cơ chế phê duyệt từng phần, phê duyệt trước và phê duyệt có điều kiện.

Với phương châm lấy khách hàng làm trọng tâm được thể hiện trong mọi hoạt động, chúng tôi tin tưởng sẽ góp phần hiện thực hóa sứ mệnh và tầm nhìn trở thành Ngân hàng Tốt nhất và Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam trong tương lai không xa.

Ngân hàng Bán buôn

Chú trọng thiết kế chi tiết từng gói giải pháp nhằm đáp ứng nhu cầu tổng quan của khách hàng

Nằm trong định hướng đưa Techcombank trở thành nhà cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói và ưu việt tới khách hàng, chúng tôi đã và đang tiếp tục đẩy mạnh mảng Ngân Hàng Bán Buôn (NHBB) phát triển bền vững theo đúng lộ trình của Chiến lược phát triển đến năm 2020, với mục tiêu xây dựng cấu trúc ổn định trong năm 2015 trong đó tập trung khai thác tối đa tiềm năng khách hàng hiện tại, tăng cường mở rộng nền tảng khách hàng lõi, phát triển hệ thống quản trị xuyên suốt cùng cơ chế tín dụng phù hợp theo từng nhóm khách hàng. Các kết quả trong năm 2014 đã và đang từng bước chứng minh rằng việc xây dựng một Khối NHBB độc lập và mạnh mẽ là một bước đi chiến lược sáng suốt của ban lãnh đạo trong mục tiêu lớn đưa Techcombank trở thành Ngân hàng thương mại cổ phần tốt nhất Việt Nam – với mô hình kinh doanh của Khối NHBB phát triển với tầm cỡ khu vực Châu Á.

Định hướng phát triển

NHBB trong những năm tiếp theo sẽ tập trung phát triển vào các nhóm khách hàng bao gồm:

- ◆ Doanh nghiệp lớn và siêu lớn
- ◆ Doanh nghiệp quy mô trung bình
- ◆ Doanh nghiệp đa quốc gia/có vốn đầu tư nước ngoài
- ◆ Khách hàng định chế tài chính/các định chế tài chính phi ngân hàng

Các nhóm khách hàng này được phân chia theo khu vực miền Bắc, Trung, Nam và theo các cụm vùng nhằm tăng cường khả năng quản lý và khai thác theo từng địa bàn. Việc xác định rõ phân khúc

khách hàng và địa bàn sẽ giúp chúng tôi xây dựng chiến lược phát triển KHBB phù hợp hòa chung với chiến lược phát triển bền vững của toàn Ngân hàng.

Định hướng phát triển NHBB tập trung vào các hoạt động sau:

- ◆ Tạo ra sự khác biệt trong sản phẩm và dịch vụ cho mỗi phân khúc, thiết lập cơ cấu tổ chức nhằm định vị giá trị khách hàng tối ưu cho tất cả các khách hàng ở mỗi phân khúc mục tiêu
- ◆ Định hướng tập trung phát triển các giải pháp về Ngân hàng giao dịch, trước mắt là các giải pháp Quản lý dòng tiền, Hệ thống tài trợ chuỗi cung ứng trực tuyến (SCF), Thanh toán quốc tế/ tài trợ dựa trên các nền tảng công nghệ hiện đại
- ◆ Kết hợp chặt chẽ với các giải pháp của mảng Nguồn Vốn và thị trường tài chính và mảng Ngân hàng Đầu tư nhằm xây dựng các giải pháp tài chính cao cấp và hiệu quả cho khách hàng
- ◆ Tập trung vào bán chéo với các Khối kinh doanh khác nhằm tạo ra chuỗi giá trị cho ngân hàng; khai thác hiệu quả cao nhất từ chuỗi khách hàng

Thành tựu đạt được trong năm 2014

Trong năm 2014, mặc dù nền kinh tế còn gặp nhiều khó khăn và thị trường tài chính chưa phục hồi hoàn toàn, Techcombank vẫn kiên trì định hướng phát triển NHBB của mình và đạt được những thành tựu quan trọng.

Năm 2014 chúng tôi đã hoàn thiện cấu trúc hoạt động của NHBB theo hướng các khách hàng doanh nghiệp được chăm sóc toàn diện bởi các cán bộ quản lý quan hệ khách hàng cao cấp (RM) thuộc Khối NHBB, đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữ RM NHBB và các

bộ phận khác. RM đóng vai trò tư vấn, đề xuất thiết kế và triển khai các giải pháp sản phẩm được thiết kế riêng biệt cho từng khách hàng doanh nghiệp trong tổng thể giải pháp của Ngân hàng.

Một trong các mảng kinh doanh trọng tâm của chúng tôi là Ngân Hàng Giao Dịch đã được đầu tư và hoàn thành xây dựng các nền tảng phần cứng hiện đại bao gồm: (1) Dịch vụ ngân hàng điện tử - OCB (Online Commercial Banking), (2) Hệ thống tài trợ chuỗi cung ứng trực tuyến - SCF (Supply Chain Financing) và (3) Dịch vụ thu hộ (Cash Collection). Các dự án này sẽ tạo ra nền tảng công nghệ vững chắc nhằm đẩy mạnh các sản phẩm dịch vụ về quản lý dòng tiền, tài trợ thương mại và sản phẩm chuỗi, v.v. Các khách hàng của Techcombank qua đó cũng sẽ được hưởng các tiện ích hiện đại nhất trên thị trường và cho phép triển khai các sản phẩm cấu trúc mang lại các giá trị gia tăng lớn hơn cho khách hàng. Chúng tôi kỳ vọng các dự án này sẽ phát huy được hiệu quả kinh doanh thực tế trong năm 2015.

Năm vừa qua, các giải pháp NHBB cũng đã được kết hợp chặt chẽ với các giải pháp Ngân hàng Đầu tư và Nguồn vốn nhằm mang tới cho khách hàng các nhiều hơn các lựa chọn tài chính. Trong đó, chúng tôi đã kết hợp hiệu quả để phát hành thành công trái phiếu cho các khách hàng doanh nghiệp đầu ngành tại Việt Nam và cung cấp các sản phẩm tài chính giúp ngăn ngừa rủi ro do biến động về giá, tỷ giá, lãi suất cho các khách hàng doanh nghiệp lớn.

Bên cạnh đó, Techcombank cũng xây dựng các chương trình gắn kết Khách hàng bán buôn, đem lại giá trị gia tăng lớn cho khách hàng:

- ◆ Tham gia chương trình “Trao đổi thông tin và hỗ trợ cho doanh nghiệp Hàn Quốc tìm kiếm cơ hội

đầu tư kinh doanh tại Việt Nam” theo biên bản ghi nhớ giữa Cục Đầu tư nước ngoài, Bộ Kế hoạch và Đầu tư với và Techcombank

- ◆ Chương trình hợp tác toàn diện giữa khối NHBB với các khách hàng đầu ngành trong đó có bất động sản, hàng không, hàng tiêu dùng, sản xuất và lắp ráp ô tô
- ◆ Các chương trình tri ân nhiều ý nghĩa cho khách hàng như chương trình Loyalty dành cho khách hàng doanh nghiệp

Kế hoạch 2015

Bước sang năm 2015, chúng tôi tiếp tục thực hiện định hướng phát triển NHBB theo đúng lộ trình đã đề ra với năm trụ cột cơ bản:

- 1) Khách hàng là trung tâm
- 2) Quản lý hiệu quả, tăng năng suất
- 3) Quản lý khẩu vị rủi ro chặt chẽ kết hợp với với chính sách giá phù hợp
- 4) Bán chéo và thúc đẩy bán mạnh mẽ
- 5) Phát triển con người và xây dựng văn hóa doanh nghiệp.

Theo đó, khách hàng luôn giữ vai trò trung tâm và cao nhất trong mô hình hoạt động của NHBB. Từng gói giải pháp được thiết kế chi tiết nhằm đáp ứng nhu cầu tổng quan của khách hàng. Chính sách bán hàng, chính sách giá và khẩu vị rủi ro được xây dựng phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Để làm được điều đó, chúng tôi tin tưởng rằng phát triển con người và văn hóa doanh nghiệp tạo nên nền tảng vô

cùng quan trọng. Techcombank đang từng bước đào tạo, tuyển dụng và xây dựng một đội ngũ RM chuyên nghiệp, nhạy bén có khả năng tư vấn cho khách hàng các gói sản phẩm cao cấp, phức tạp và đặc thù đối với các khách hàng bán buôn như cấu trúc vốn tối ưu, tài chính cấu trúc, bảo hiểm giá trong dài hạn... Không chỉ có khả năng tư vấn các sản phẩm có độ phức tạp cao, đội ngũ RM cũng có khả năng chăm sóc những khách hàng tập đoàn lớn với hoạt động kinh doanh đa dạng trong nhiều lĩnh vực khác nhau với nhiều nhu cầu dịch vụ tài chính khác nhau. Đội ngũ cán bộ vận hành cũng đang từng bước phát triển theo hướng chuyên môn hóa và có kỹ năng cao để đáp ứng được yêu cầu của khách hàng doanh nghiệp lớn.

Giải pháp Ngân hàng Giao Dịch, một trong phân khúc trọng tâm đã được xác định của Techcombank, sẽ tiếp tục là mũi nhọn phát triển của chúng tôi trong năm 2015. Các giải pháp về tài trợ thương mại, quản lý dòng tiền và tài trợ chuỗi có chất lượng cao được kì vọng sẽ tạo ra bước đột phá và tính khác biệt lớn trong các gói giải pháp toàn diện của NHBB dành cho các khách hàng doanh nghiệp.

Dựa trên nền tảng hỗ trợ vững chắc, mảng NHBB cũng giữ vai trò kết nối các đơn vị kinh doanh khác của Techcombank nhằm đẩy mạnh các hoạt động bán chéo, thúc đẩy bán, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng doanh nghiệp cũng như phát huy thế mạnh của một ngân hàng bán lẻ hàng đầu Việt Nam, góp phần đưa Techcombank trở thành nhà cung cấp dịch vụ tài chính trọn gói và ưu việt nhất trên thị trường.

Nguồn vốn và Thị trường Tài chính

Tiếp tục hoàn thiện quy trình hoạt động, phương thức kinh doanh và đặc biệt là văn hóa kinh doanh để đáp ứng tốt nhất nhu cầu từ đơn giản đến phức tạp của khách hàng

Thực hiện giá trị cốt lõi “Liên tục cải tiến” để cung cấp các sản phẩm tài chính ưu việt tới khách hàng đồng thời tối ưu hóa cơ hội từ thị trường tài chính, năm vừa qua mảng Nguồn vốn và Thị trường tài chính Techcombank đã ghi dấu ấn rõ nét trong việc nâng cấp quy mô hoạt động theo chuẩn quốc tế, đa dạng hóa các sản phẩm phục vụ nhu cầu từ đơn giản đến phức tạp của khách hàng đối với các mảng ngoại hối, tiền tệ, trái phiếu, hàng hóa, và các sản phẩm cấu trúc, phái sinh, từ đó góp phần giúp Techcombank gặt hái được những thành công đáng ghi nhận trên thị trường tài chính trong và ngoài nước.

Định hướng kinh doanh

Tổ chức hoạt động theo các bộ phận chức năng bao gồm: Ngoại hối và hàng hóa, Kinh doanh lãi suất, Kinh doanh và sản phẩm cấu trúc, Đầu tư và kinh doanh nợ, chúng tôi hướng đến mục tiêu số một trong mảng kinh doanh nguồn vốn thông qua việc:

- ◆ Xây dựng và tổ chức hoạt động kinh doanh chuyên nghiệp, hiệu quả cao và ngang tầm khu vực và quốc tế
- ◆ Nghiên cứu và tận dụng tối đa thông tin từ thị trường để chuyển hóa thành các cơ hội kinh doanh và sinh lợi
- ◆ Phát triển các giải pháp ưu việt và chuyên nghiệp, đáp ứng yêu cầu khách hàng của mọi đối tượng khách hàng
- ◆ Quản lý rủi ro hiệu quả nhờ các giải pháp nhận diện sớm cũng như giảm thiểu mọi bất ngờ có thể xảy ra

Các hoạt động và thành tựu đạt được

Định hướng kinh doanh nhất quán dẫn dắt chúng tôi thực hiện nhiều kế hoạch và hoạt động quan

trọng trong năm 2014, trong đó có dự án “Chuyển đổi Khối Nguồn vốn” với mục tiêu chính là nâng tầm hoạt động của Khối để trở thành số một tại Việt Nam, sánh ngang với các tiêu chuẩn quốc tế và khu vực. Để thực hiện kỳ vọng này, hai chuyên gia nước ngoài với nhiều năm kinh nghiệm trên thị trường tài chính quốc tế và khu vực đã sát cánh cùng chúng tôi triển khai các nhiệm vụ cụ thể như nâng cao năng lực của đội ngũ kinh doanh cũng như gia tăng khả năng nhận biết và quản lý rủi ro thị trường, nâng cao năng lực các đơn vị hỗ trợ như tài chính, vận hành, quản trị rủi ro để hỗ trợ cho sự phát triển nhanh chóng của Khối. Theo đó, các quy trình hoạt động, phương thức kinh doanh và đặc biệt là văn hóa kinh doanh đang có sự chuyển biến rõ rệt theo hướng hoàn thiện và hiệu quả hơn.

Bên cạnh đó, ý thức được rằng công nghệ thông tin là yếu tố quan trọng có khả năng tạo nên thành công đột phá cho Ngân hàng nói chung cũng như mảng kinh doanh Nguồn vốn nói riêng, năm 2014 chúng tôi tiếp tục đầu tư mạnh cho mảng công nghệ. Ngoài hệ thống màn hình máy tính hiện đại, các hệ thống giao dịch, thông tin điện tử tiêu chuẩn quốc tế như Bloomberg, Reuters, Debtwire, chúng tôi đã tiên phong ứng dụng hệ thống giao dịch của

Mysis để thực hiện và quản lý giao dịch từ khâu tiếp xúc khách hàng đến hỗ trợ vận hành, giúp nâng cao hiệu quả giao dịch, quản lý trạng thái, quản trị rủi ro, quản trị dữ liệu và báo cáo sau khi được triển khai.

Những sáng kiến hỗ trợ và thúc đẩy kinh doanh nói trên tạo điều kiện cho chúng tôi phát triển các sản phẩm mới nhằm đáp ứng nhu cầu ngày một khắt khe của khách hàng. Năm 2014 đánh dấu việc Techcombank liên tiếp thực hiện nhiều các giao dịch phái sinh giá xăng dầu cho khách hàng cũng như giao dịch hoán đổi lãi suất và hoán đổi lãi suất giữa hai đồng tiền cho các đối tác là định chế tài chính lớn trong nước. Đây là các sản phẩm phái sinh lãi suất và tỷ giá mang lại khách hàng và đối tác của Techcombank các giải pháp quản trị rủi ro thị trường mà trước nay chưa từng có trên thị trường tài chính Việt Nam. Bên cạnh đó, Techcombank cũng là ngân hàng đầu tiên tại Việt Nam ra mắt sản phẩm đầu tư liên kết trái phiếu cho khách hàng bao gồm cả khách hàng cá nhân.

Về mảng kinh doanh trái phiếu doanh nghiệp và các sản phẩm đầu tư liên kết với rủi ro tín dụng, Techcombank đang là ngân hàng tiên phong trong việc tạo lập thị trường và cấu trúc các sản phẩm với mục tiêu quản lý danh mục hiệu quả. Trong năm qua, chúng tôi cũng đã thành lập nhóm kinh doanh với các định chế tài chính nhằm mở rộng các hoạt động cũng như tăng cường các giao dịch với các định chế tài chính trong và ngoài nước.

Mang trong mình giá trị cốt lõi “Khách hàng là trên hết” – thể hiện qua các sản phẩm đáp ứng yêu cầu khắt khe của các đối tượng khách hàng cũng như phù hợp với xu thế thị trường, năm 2014 chúng tôi đã liên tiếp đạt được các giải thưởng và chứng nhận từ nhiều tổ chức uy tín trong và ngoài nước, đồng thời tiếp tục cải thiện vị thế của Techcombank trên thị trường tài chính Việt Nam. Về thị phần giao dịch ngoại hối với khách hàng, Techcombank vươn lên vị trí ngân hàng lớn thứ ba sau 2 ngân hàng thương mại cổ phần nhà nước với quy mô hoạt động và tổng tài sản lớn hơn Techcombank nhiều lần. Về lĩnh vực kinh doanh trái phiếu chính phủ, Techcombank được Bộ Tài chính đánh là ngân

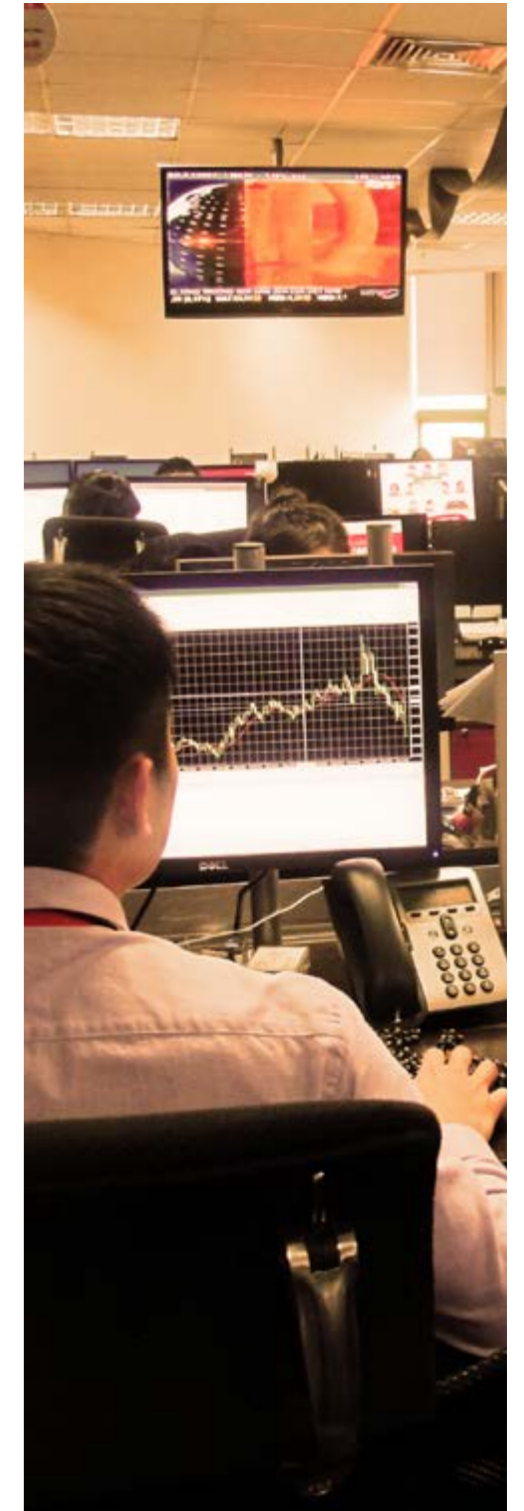
hàng giao dịch trên thị trường sơ cấp tốt thứ hai – một thành tựu lớn khi năm 2013, chúng tôi chỉ nằm trong top 10.

Định hướng năm 2015

Năm 2015, Techcombank tiếp tục chú trọng vào việc đẩy mạnh hoạt động kinh doanh nguồn vốn và giao dịch với khách hàng nhằm nâng cao tỷ trọng doanh thu từ phí trên tổng doanh thu, mở rộng thị phần và cải thiện xếp hạng của các mảng hoạt động của mình trên thị trường cũng như phát triển các thị trường mới và sản phẩm để cung cấp cho khách hàng và đổi các lựa chọn ưu việt nhất. Khối Nguồn vốn tiếp tục phối hợp với các khối kinh doanh khác của Ngân hàng để vươn ra các thị trường mới và phát triển thêm các sản phẩm mới, hướng tới mục tiêu đưa Techcombank trở thành nhà cung cấp các giải pháp tài chính trọn gói và ưu việt cho cả các khách hàng doanh nghiệp cũng như khách hàng cá nhân.

Song song với việc đẩy mạnh kinh doanh, dự án Chuyển đổi Khối Nguồn vốn tiếp tục được thực hiện để cải thiện các quy trình, báo cáo và nâng cao hiệu quả công việc, năng lực cán bộ. Chiến lược 7 năm bao gồm cả chiến lược nhân sự và lương thưởng, đãi ngộ cũng sẽ được hoàn thiện nhằm tạo định hướng vững chắc trong hoạt động và nhất quán với chiến lược chung của toàn Ngân hàng. Năm 2015, chúng tôi bước vào giai đoạn triển khai hệ thống Mysis với các hoạt động đào tạo cho người dùng và tích hợp vào hệ thống của Ngân hàng. Sau khi triển khai thành công, Techcombank sẽ là một trong số rất ít các ngân hàng tại Việt Nam đ

Với những gì đã và đang làm được, mảng kinh doanh nguồn vốn và thị trường tài chính, Techcombank tự hào góp phần vào sức mạnh tổng hợp của toàn Ngân hàng để thực hiện sứ mệnh cung cấp sản phẩm tài chính ưu việt tới khách hàng và hiện thực hóa tầm nhìn trở thành Ngân hàng Tốt nhất và Doanh nghiệp hàng đầu tại Việt Nam.



Ngân hàng Đầu tư

Thực hiện giá trị cốt lõi “Khách hàng là trên hết” và “Liên tục cải tiến”, chúng tôi tiên phong thị trường trong việc phát triển và phân phối các sản phẩm đầu tư và dịch vụ ngân hàng đầu tư nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng

Mang trong mình sứ mệnh cung cấp các dịch vụ tài chính trọn gói và toàn diện tới khách hàng, Techcombank là một trong những ngân hàng đi đầu và năng động nhất trong việc phát triển và cung cấp các sản phẩm, dịch vụ mới đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng trong điều kiện thị trường tài chính Việt Nam ngày càng cạnh tranh và bắt kịp với xu hướng chung của thế giới. Năm 2014 là năm Techcombank hướng tới việc phát triển kinh doanh theo chiều sâu, chú trọng vào khai thác cơ sở khách hàng hiện có qua việc cung cấp các sản phẩm có chất lượng và mang tính đột phá cho khách hàng. Vì lẽ đó, 2014 đánh dấu bước phát triển vượt bậc của nghiệp vụ đầu tư và ngân hàng đầu tư, được Techcombank cung cấp cho các khách hàng doanh nghiệp lớn và khách hàng cá nhân cao cấp của mình thông qua hai công ty con 100% vốn là Công ty TNHH Chứng Khoán Kỹ Thương – Techcom Securities và Công ty Quản lý Quỹ Ngân hàng Kỹ Thương – Techcom Capital.

Định hướng phát triển

Ngân hàng đầu tư là nghiệp vụ đã khá phổ biến tại các nước phát triển trên thế giới nhưng còn khá mới mẻ tại thị trường tài chính Việt Nam. Nhận thấy nhu cầu về các dịch vụ bảo lãnh và tư vấn phát hành, tư vấn sáp nhập và mua lại (M&A), tư vấn tài chính doanh nghiệp, đang ngày một tăng đối với các doanh nghiệp lớn và sẽ trở thành xu thế tất yếu của thị trường trong thời gian tới, đội ngũ ngân hàng đầu tư của Techcom Securities đã sớm được thành lập và kiện toàn, với mục tiêu mang đến dịch vụ tài chính chuyên nghiệp cũng như trở thành nhà tư vấn đáng tin cậy đối với khách hàng doanh nghiệp. Khách hàng của chúng tôi bao gồm các tập đoàn, tổng công ty và các doanh nghiệp đầu ngành tại Việt Nam trong nhiều lĩnh vực như kinh doanh bất động sản, tiêu dùng, hàng không và sản xuất ô tô. Bên

cạnh đó, chúng tôi xác định việc phát triển các sản phẩm cấu trúc và đầu tư cho khách hàng cá nhân cũng là một hướng đi mũi nhọn nhằm mang lại trải nghiệm mới về tiết kiệm cho khách hàng bên cạnh các dịch vụ ngân hàng thương mại truyền thống đã khá phổ biến như hiện nay. Các sản phẩm đang và sẽ được cung cấp, bao gồm các sản phẩm đầu tư trái phiếu, tiền gửi kèm quyền mua bất động sản/cổ phiếu, quỹ mở đầu tư cổ phiếu/ trái phiếu, mang lại cho nhà đầu tư cá nhân những lựa chọn dịch vụ tài chính đa dạng linh hoạt theo nhu cầu quản lý tài chính của mỗi cá nhân.

Thế mạnh trọng tâm

Phân khúc khách hàng mục tiêu của mảng ngân hàng đầu tư được ban lãnh đạo Ngân hàng và các công ty con xác định rõ ngay từ đầu khi thành lập: Khách hàng doanh nghiệp với doanh thu hàng năm trên 1.000 tỷ đồng và Khách hàng cá nhân có tài sản tài chính trên 1 tỷ đồng. Việc khai thác những phân khúc khách hàng mục tiêu này đòi hỏi đội ngũ Ngân hàng đầu tư phải thực sự là những chuyên gia am hiểu sâu sắc nhu cầu của khách hàng cũng như có khả năng phân tích và cung cấp cho khách hàng những giải pháp tài chính tối ưu nhất. Sở hữu đội ngũ hơn 40 chuyên gia được đào tạo bài bản với tổng số trên 200 năm kinh nghiệm về đầu tư, tài chính, kế toán, ngân hàng, bảo hiểm, thuế, pháp chế, tại các môi trường tài chính hàng đầu trong nước và thế giới, trong đó đội ngũ tư vấn doanh nghiệp được đánh giá là đội ngũ mạnh nhất trên thị trường Việt Nam hiện nay, chúng tôi tự tin về khả năng cung cấp dịch vụ chuyên nghiệp, hiệu quả và đúng thời điểm cho khách hàng. Bên cạnh đó, chúng tôi còn xây dựng được đội ngũ phát triển sản phẩm cũng như nghiên cứu và phân tích của công ty bao gồm các chuyên gia giàu kinh nghiệm trong các lĩnh vực như tư vấn thuế, phân tích tài chính

doanh nghiệp, quản lý đầu tư,... trong số đó phần đông đều sở hữu chứng chỉ phân tích đầu tư quốc tế CFA và Chứng chỉ kế toán công chứng ACCA, cho phép chúng tôi luôn tiên phong giới thiệu các sản phẩm mới trên thị trường và đưa ra những báo cáo phân tích chuyên sâu về công ty cũng như những đánh giá toàn diện về ngành tại Việt Nam. Hơn nữa, những thương vụ của Techcom Securities được đảm bảo chặt chẽ về mặt pháp lý nhờ việc phối hợp hiệu quả với các công ty Tư vấn luật hàng đầu và đội ngũ tư vấn Luật tại Ngân hàng. Ngoài ra, một thế mạnh không kém phần quan trọng của chúng tôi là khả năng không kém phần chuyên nghiệp nhờ kinh nghiệm lâu năm trên thị trường vốn và thị trường tài chính Việt Nam cũng như kế thừa mạng lưới khách hàng và đối tác rộng lớn từ Ngân hàng mẹ Techcombank.

Thành tựu đạt được

Tận dụng lợi thế kinh nghiệm và nền tảng kiến thức sâu rộng về thị trường vốn tại Việt Nam, năm 2014, đội ngũ Ngân hàng đầu tư của Techcom Securities đã tư vấn phát hành trái phiếu cho nhiều doanh nghiệp lớn tại Việt Nam với tổng khối lượng phát hành hơn 20.000 tỷ đồng. Doanh thu từ hoạt động tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành mang về cho Techcom Securities vị trí hàng đầu trong tổng số gần 100 công ty chứng khoán tại Việt Nam, bỏ xa đối thủ thứ hai và chiếm gần 50% tổng doanh thu từ hoạt động tư vấn, bảo lãnh, đại lý phát hành của toàn thị trường. Một số thương vụ tiêu biểu bao gồm việc tư vấn và thu xếp phát hành thành công 6.800 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp bằng đồng nội tệ cho một công ty trong ngành khai thác khoáng sản vào tháng 3/2014 và 3.000 tỷ đồng trái phiếu doanh nghiệp bằng nội tệ cho một tập đoàn kinh doanh bất động sản vào tháng 9/2014. Đây được xem là những thành tích tiêu biểu trên thị trường vốn tại

Việt Nam và Techcom Securities trở thành một trong số những nhà khởi tạo tích cực nhất thị trường giao dịch trái phiếu sơ cấp và thứ cấp tại Việt Nam. Bên cạnh đó, năng lực tư vấn mua lại và sáp nhập của Techcom Securities cũng đã bước đầu được khẳng định khi chúng tôi đóng vai trò tư vấn chính trong thương vụ mua lại thành công một công ty tài chính của Techcombank.

Mặt khác, lợi thế về thương hiệu cũng như mạng lưới khách hàng cá nhân cao cấp của Techcombank cho phép đội ngũ ngân hàng đầu tư phát triển và phân phối ra thị trường sản phẩm Đầu tư trái phiếu linh hoạt TCBond trong quý 3/2014, đánh dấu sản phẩm cấu trúc đầu tiên trên thị trường cho phép khách hàng cá nhân tiếp cận với kênh đầu tư Trái phiếu doanh nghiệp với rủi ro có thể chấp nhận được. Việc phân phối sản phẩm thông qua Kênh dịch vụ Ngân hàng ưu tiên của Techcombank, một mặt, cho phép các khách hàng hiện có của Ngân hàng tham gia và sử dụng sản phẩm ưu việt và tiên phong trên thị trường, mặt khác, đem lại cho Techcombank cơ hội thu hút các khách hàng mới cũng như giúp khách hàng cá nhân làm quen với các sản phẩm đầu tư trên thị trường, từ đó từng bước mở rộng đối tượng tham gia thị trường giao dịch trái phiếu doanh nghiệp sang bộ phận khách hàng cá nhân.

Năm 2014 cũng là một năm bước ngoặt đối với Techcom Securities khi công ty được tăng vốn chủ sở hữu lên 1.200 tỷ đồng thời vốn điều lệ đạt 1.000 tỷ đồng, trở thành một trong 10 công ty chứng khoán có vốn điều lệ lớn nhất tại Việt Nam. Việc tăng vốn điều lệ và đóng góp ngày một nhiều của vốn chủ sở hữu trong cơ cấu vốn của Techcom Securities thể hiện niềm tin của Techcombank đối với sự phát triển của mảng nghiệp vụ Ngân hàng đầu tư cũng

như cam kết vững chắc của Ban lãnh đạo Ngân hàng trong việc phát triển và cung cấp dịch vụ tài chính toàn diện và ưu việt tới khách hàng.

Định hướng năm 2015

Năm 2015 hứa hẹn là năm đánh dấu bước phát triển mới trong mảng môi giới và đầu tư chứng khoán của Techcom Securities với việc ra đời sản phẩm chứng khoán online TCInvest. Đây là dịch vụ đầu tư chứng khoán dành cho các nhà đầu tư chuyên nghiệp trên nền tảng công nghệ hiện đại tiêu chuẩn quốc tế, được Techcom Securities đầu tư phát triển từ đầu năm 2014. Dịch vụ chứng khoán online TCInvest cho phép khách hàng giao dịch hầu hết các sản phẩm tài chính bao gồm cổ phiếu, trái phiếu, các sản phẩm quỹ và cấu trúc,... một cách thuận tiện, nhanh chóng và mọi lúc mọi nơi trên cả loại hình website và điện thoại di động. Đồng thời, nhà đầu tư cũng được cung cấp các hỗ trợ tài chính kịp thời và linh hoạt cũng như các báo cáo tư vấn khách quan đến từ đội ngũ phân tích chuyên nghiệp của Techcom Securities.

Trong năm 2015, song song với việc tối ưu hóa các quy trình nghiệp vụ theo hướng thay thế tất cả các công việc bàn giấy bằng các phần mềm và máy móc chuyên dụng, Techcombank, thông qua hai công ty con của mình là Techcom Capital và Techcom Securities, tiếp tục bền vững hóa nghiệp vụ tư vấn phát hành cũng như đẩy mạnh phát triển các sản phẩm cấu trúc phục vụ cho khách hàng cá nhân. Bên cạnh đó, mạng lưới phân phối khách hàng cũng sẽ được mở rộng để tạo đà cho các chiến lược phát triển tiếp theo liên quan đến mảng nghiệp vụ này, góp phần hiện thực hóa tầm nhìn của Techcombank – trở thành Ngân hàng Tốt nhất và Doanh nghiệp Hàng đầu Việt Nam.



Báo Cáo Thường Niên 2014

Con người & Cộng đồng



Phát triển Nguồn nhân lực

Tạo dựng môi trường làm việc tốt nhất nhằm thu hút và giữ chân nhân tài, bồi đắp nội lực vững vàng sẵn sàng cho sự phát triển của Techcombank ở tầm cao mới

Con người là nhân tố quan trọng tạo nên thành công cho Techcombank, chính vì vậy chúng tôi không ngừng đầu tư vào chiến lược phát triển nhân sự, mà trọng tâm là xây dựng một môi trường làm việc tốt nhất cho các cán bộ nhân viên dựa trên ba khía cạnh (1) Thu hút và Giữ chân nhân tài; (2) Đào tạo và Phát triển; (3) Khen Thưởng và Ghi nhận. Việc triển khai hiệu quả chiến lược này đòi hỏi lộ trình thực hiện và những mục tiêu theo 3 giai đoạn cụ thể:

- ◆ **Giai đoạn 1:** Xây dựng nền tảng cơ bản về chính sách và hệ thống
- ◆ **Giai đoạn 2:** Xây dựng năng lực và thay đổi tư duy
- ◆ **Giai đoạn 3:** Tinh chỉnh và tái thiết kế

Theo đó, năm 2014 là năm hoạt động phát triển nguồn nhân lực mang nhiều dấu ấn đậm nét cho sự thay đổi mạnh mẽ của giai đoạn 3 - “Tinh chỉnh và tái thiết kế” với việc triển khai nhiều giải pháp để cải thiện và nâng cao tính hiệu quả của chính sách, quy trình nhân sự, đặc biệt về lĩnh vực đào tạo, tuyển dụng. Bên cạnh đó, việc nâng cao năng lực và tư duy của tổ chức và cá nhân cũng được chúng tôi đẩy mạnh thực hiện thông qua các hoạt động xây dựng và triển khai các dự án chiến lược, tạo nên những kết quả đáng ghi nhận trong năm 2014.

Xây dựng môi trường làm việc thu hút nhân tài và chú trọng phát triển tiềm năng

Các chính sách về tuyển dụng và đãi ngộ được xây dựng, cải thiện đã làm thay đổi đáng kể về chất lượng nguồn nhân lực. Trước hết, chúng tôi thực

hiện tuyển dụng thông qua nhiều kênh nhằm thu hút nhân viên có trình độ, kinh nghiệm, và nhân sự cấp cao trong ngành. Trong đó, đáng chú ý là việc Techcombank xây dựng và triển khai thành công Chương trình Tuyển dụng tập trung cho Khối Bán hàng & Kênh phân phối và Chương trình Giới thiệu Nhân tài rinh giải thưởng.

Bên cạnh đó, việc sửa đổi, bổ sung các quy định về bổ nhiệm, chế độ đãi ngộ nhằm thu hút và giữ chân nhân tài cũng được rà soát, sửa đổi cho phù hợp với định hướng và tình hình thực tế.

Những hoạt động này đã giúp mang lại kết quả đặc biệt khả quan khi công tác bổ nhiệm từ nguồn nội bộ tăng 30% so với năm 2013; việc tuyển dụng nhân tài có kinh nghiệm, kỹ năng làm việc tăng 31%; đa số CBNV đều có trình độ cử nhân trở lên, trong đó Thạc sĩ, Tiến sĩ chiếm 5% tổng số cán bộ nhân viên toàn Ngân hàng.

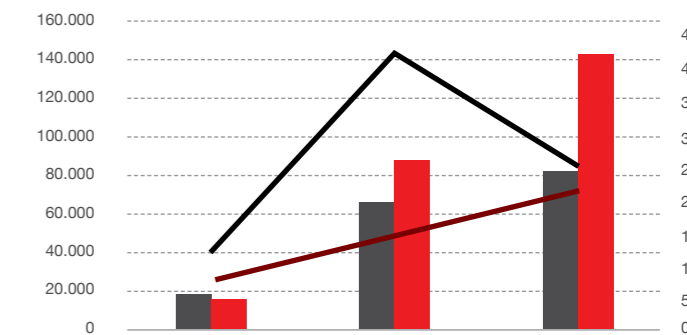
Nâng cao năng lực nhân sự với các chương trình đào tạo được đầu tư bài bản, chuyên nghiệp

Trong năm 2014, Techcombank tiếp tục chú trọng đầu tư cho đào tạo với nguồn ngân sách tăng 79% so với năm trước nhằm đổi mới và phát triển hoạt động đào tạo, trong đó đặc biệt chú trọng hình thức đào tạo online (E-learning) với các chương trình, khóa học đa dạng, phong phú về cả nội dung và hình thức. E-learning thực sự đã phát huy những ưu điểm vượt trội, tối ưu hóa hệ thống hiện có và sử dụng chi phí đào tạo hiệu quả, giúp cán bộ nhân viên có thể lựa chọn thời gian, khóa học linh hoạt, phù hợp với yêu cầu của công việc.

Các dự án đào tạo trọng điểm về một số lĩnh vực mũi nhọn trong hoạt động kinh doanh như tín dụng,

quản trị rủi ro và nâng cao năng lực lãnh đạo tiếp tục được chúng tôi duy trì và phát triển như dự án nâng cao năng lực quản trị rủi ro – Omega hay chương trình đào tạo kỹ năng lãnh đạo – Techcomlead. Đây là những chương trình đào tạo có uy tín và được thiết kế riêng cho cán bộ tại Techcombank, đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả không chỉ về nội dung mà cả cách thức đào tạo.

Ngoài ra, với vai trò là nền tảng hỗ trợ tích cực tuyển kinh doanh, hoạt động đào tạo năm vừa qua đã tăng cường chú trọng đối tượng là đội ngũ bán hàng thông qua dự án “Red Force - Đào tạo chiến binh RM”, được triển khai vào quý IV/2014, nhằm củng cố chất lượng cho đội ngũ tuyển đầu. Cùng với các dự án này, các chương trình phát triển tài năng cũng được thiết kế và triển khai đồng bộ. Trong đó, Future Leader – Nhà lãnh đạo tương lai, NGO - Quản trị viên tập sự được coi là những công cụ giúp củng cố và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực một cách toàn diện và chuyên sâu, đồng thời đáp ứng mục tiêu phát triển nguồn nhân lực kế cận cho chiến lược dài hạn của Ngân hàng, đáp ứng tốt hơn nhu cầu về chất lượng nguồn nhân lực của các đơn vị trên toàn hệ thống.



	2012	2013	2014
Số lượt học	16.661	67.056	87.686
Tổng giờ đào tạo online	15.723	91.852	144.407
Bình quân giờ/người	7	14	21
Số khóa học	17	41	24

Sự phát triển của công tác đào tạo online tại Techcombank



Khen thưởng và ghi nhận những cá nhân, đơn vị có thành tích vượt trội

Ghi nhận và đãi ngộ xứng đáng CBNV dựa trên hiệu quả công việc của họ, với mục tiêu tạo môi trường cạnh tranh tích cực, công bằng, thúc đẩy lộ trình phát triển sự nghiệp của mỗi cá nhân là một trong những nhiệm vụ trọng tâm mà Techcombank đã và đang triển khai thực hiện.

Năm 2014, phát huy những điểm mạnh vốn có của các chương trình được tổ chức hàng năm, chương trình thưởng CBNV có thành tích cao tiếp tục được thực hiện. Theo đó, CBNV có thành tích hai năm liên tiếp được xếp loại xuất sắc, bên cạnh phần thưởng hàng năm, sẽ được vinh danh và ghi nhận với những phần thưởng đặc biệt xứng đáng, có giá trị cao cả về vật chất lẫn tinh thần.

Không chỉ dừng ở đó, năm 2014, chúng tôi bắt đầu triển khai Hệ thống tích lũy điểm thưởng đối với

thành tích và đóng góp của từng CBNV trong các phong trào thi đua của các đơn vị cũng như đảm bảo việc xét thưởng thi đua được thực hiện dân chủ, công bằng. Điều này góp phần lớn trong việc phát huy mạnh mẽ sức sáng tạo của CBNV toàn hệ thống. Trong năm vừa qua đã có 277 tập thể, 106 cá nhân nhận giải Bạc, Vàng, Bạch kim được khen thưởng với tổng ngân sách 10 tỷ đồng, trong đó 3 tỷ đồng được dành riêng để trao thưởng cho các sáng kiến cải tiến và đóng góp vào mục tiêu cung cấp cho khách hàng các sản phẩm, dịch vụ tốt hơn.

Triển khai 2 dự án trọng điểm giúp phát triển nghề nghiệp và quản lý hiệu quả công việc của mỗi cá nhân

Năm 2014 đánh dấu việc Techcombank xây dựng và triển khai hai dự án lớn nhằm củng cố các công cụ quản lý và hệ thống đánh giá nhân sự, bao gồm: Phân cấp năng lực cán bộ nhân viên (“Job Cat”) và

Hệ thống quản lý hiệu quả công việc theo lĩnh vực kết quả chính - KRA (“PMS”).

Nếu như “Job Cat” là dự án hoàn toàn mới với mục tiêu chuẩn hóa yêu cầu năng lực, xây dựng lộ trình phát triển nghề nghiệp cho từng nhóm vị trí và tăng cường hiệu quả đào tạo phát triển trên phạm vi toàn ngân hàng thì PMS được triển khai để thay thế hệ thống đánh giá hiệu quả công việc cũ nhờ tính ưu việt đã được chứng minh. PMS là một bộ cơ chế bao gồm các quy trình và các công cụ được thiết kế nhằm gia tăng khả năng, hành vi ứng xử của CBNV để đạt được mục tiêu của tổ chức; thực hiện hoạch định chiến lược theo mô hình thác nước, kết nối giữa các mục tiêu cá nhân và mục tiêu chung của tổ chức. Đồng thời, thông qua Hệ thống này, việc đánh giá hiệu quả công việc sẽ được thực hiện liên tục, toàn diện, từ chi tiết đến tổng thể bởi các cấp quản lý.



Gia tăng mức độ gắn kết giữa nhân viên và Ngân hàng, xây dựng văn hóa tổ chức mạnh để tạo lợi thế cạnh tranh vượt trội

Tại Techcombank, chúng tôi duy trì các chính sách phúc lợi nhằm hỗ trợ và tạo điều kiện cho CBNV được chăm sóc sức khỏe thường xuyên và liên tục, qua đó góp phần gia tăng sự gắn kết của CBNV đối với Ngân hàng. Trong năm 2014, bảo hiểm sức khỏe dành cho CBNV đã tiếp tục được triển khai với phí bảo hiểm tăng gần 120% so với năm trước.

Cũng trong năm 2014, ý thức về ý nghĩa của việc xây dựng Văn hóa tổ chức đối với sự phát triển bền vững của toàn hàng, Techcombank đã đẩy mạnh và tổ chức nhiều hoạt động đa dạng, có ý nghĩa nhằm đề cao một môi trường làm việc thân thiện, cân bằng mà ở đó sự gắn kết và hỗ trợ được thể hiện mạnh mẽ ở mọi cấp và bộ phận trong Ngân hàng qua nhiều chương trình cụ thể:

◆ **WeLEAD** – thấp lửa dẫn đầu, xây dựng văn hóa làm gương của đội ngũ cán bộ lãnh đạo

◆ **WeACT** – chung sức hành động tăng sự kết nối hỗ trợ hiệu quả giữa Hội sở và Chi nhánh

◆ **WeGOOD** - xây dựng văn hóa cảm ơn đa chiều, thúc đẩy và lan tỏa sự cố vũ rộng khắp và niềm tin đối với những việc làm tốt, con người tốt trong ngân hàng

Bên cạnh đó, các hoạt động Hội thanh niên, Công đoàn đã thu hút sự tham gia tích cực và nhiệt tình của nhiều CBNV, giúp phát triển các sở thích cá nhân cũng như cân bằng công việc và cuộc sống. Các hoạt động phát triển văn hóa doanh nghiệp đã thực sự góp phần thúc đẩy phát triển kinh doanh, gia tăng sức mạnh tập thể và tăng cường sự gắn kết giữa mỗi cá nhân với Ngân hàng, được minh chứng bởi con số 90% CBNV toàn ngân hàng khẳng định các hoạt động cải thiện mức độ gắn kết nhân viên (EES) là có hiệu quả trong tổng số 95% CBNV tham gia khảo sát.

Kế hoạch năm 2015

“Năm 2015, Techcombank triển khai nhiều dự án lớn nhằm đẩy mạnh việc phát triển nguồn nhân lực, đảm bảo mỗi CBNV có các cơ hội để thể hiện năng lực bản thân, lộ trình thăng tiến rõ ràng và

được ghi nhận và đãi ngộ xứng đáng”. Nhằm hiện thực hóa mục tiêu phát triển nguồn nhân lực theo định hướng chiến lược đó, trong năm 2015 chúng tôi tiếp tục hành trình thành công của năm 2014 với ba nhiệm vụ trọng tâm:

- ◆ Tiếp tục cải thiện và nâng cao tính hiệu quả của các chính sách, quy trình nhân sự trong đó chú trọng lĩnh vực tuyển dụng và bổ nhiệm, đào tạo và phát triển.
- ◆ Phối hợp thúc đẩy dự án Xây dựng Văn hóa tổ chức; tiếp tục hoàn thiện và triển khai hai dự án chiến lược: Job Cat và PMS để đánh giá và phát triển toàn diện năng lực của mỗi cá nhân.
- ◆ Xây dựng và củng cố kỹ năng quản lý nguồn nhân lực cho các cấp Lãnh đạo nhằm nâng cao năng lực quản lý toàn diện cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo các cấp.

Với việc triển khai các dự án trọng điểm, chúng tôi hướng tới mục tiêu **“đóng góp vào việc thúc đẩy sự TĂNG TRƯỞNG vững mạnh của Ngân hàng ở hiện tại lẫn tương lai thông qua việc phát triển nguồn nhân lực CHẤT LƯỢNG CAO”**.



Thành tích và ghi nhận

Tự hào nhận được 23 giải thưởng uy tín trong và ngoài nước trong năm 2014, trong đó có giải Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng Bán lẻ Tốt nhất Việt Nam, Ngân hàng Quản lý Tiền tệ Tốt nhất Việt Nam và Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất Việt Nam, chúng tôi cam kết không ngừng nỗ lực để đáp ứng tốt nhất các nhu cầu về sản phẩm và dịch vụ của khách hàng



Ngân hàng Quản lý Tiền tệ Tốt nhất Việt Nam 2013
Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất Việt Nam 2013



Thương hiệu mạnh Việt Nam 2013
Giải thưởng Tin và Dừng (cho sản phẩm thẻ Visa Techcombank Vietnam Airline và sản phẩm cho vay mua ô tô)



Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất Việt Nam 2013
Ngân hàng Đối tác Hàng đầu Việt Nam 2014



Ngân hàng Bán lẻ Tốt nhất Việt Nam 2014
Ngân hàng Thương mại Tốt nhất Việt Nam 2014
Ngân hàng Điện Tử Tốt nhất Việt Nam 2014
Ngân hàng có Dịch vụ Khách hàng Tốt nhất Việt Nam 2014



Ngân hàng Phát hành Tốt nhất Việt Nam 2013



Ngân hàng Tài trợ Thương mại Tốt nhất Việt Nam 2014



Ngân hàng Ngoại hối Nội địa của Năm
Ngân hàng Tài trợ Thương mại Nội địa của Năm
Ngân hàng Bán lẻ Nội địa của Năm



Ngân hàng Tốt nhất Việt Nam



Ngân hàng Quản lý Tiền tệ Tốt nhất Việt Nam



Hàng Tốt - Dịch vụ Hoàn hảo 2014



Ngân hàng có Dịch vụ Internet Banking được yêu thích nhất Việt Nam

Ngân hàng được quan tâm nhất Việt Nam



Thương hiệu được Yêu thích nhất ASEAN

Sản phẩm dịch vụ chất lượng ASEAN (cho sản phẩm vay mua ô tô)



Thương hiệu Quốc Gia

Trách nhiệm với Cộng Đồng

Những chương trình hỗ trợ cộng đồng của Techcombank không chỉ thể hiện trách nhiệm xã hội của Doanh nghiệp, đó còn là tấm lòng thiện nguyện chung của tập thể cán bộ, nhân viên Techcombank

Là một đơn vị hoạt động trong lĩnh vực tài chính, chúng tôi ý thức rõ ràng tầm quan trọng và sự cần thiết trong việc đóng góp vào sự phát triển bền vững và lâu dài của cộng đồng. Thời gian qua, Techcombank đã triển khai nhiều chương trình cụ thể kết nối với cộng đồng và coi trách nhiệm với cộng đồng là một trong những ưu tiên trong chiến lược phát triển của mình. Trong năm 2014, Techcombank tiếp tục đóng góp hơn 120 tỷ đồng triển khai các chương trình hỗ trợ cộng đồng tập trung vào 3 trọng tâm chính là giáo dục, môi trường và chăm sóc sức khỏe cộng đồng: vì một tương lai tươi sáng cho thế hệ trẻ; vì một nền tảng chăm sóc sức khỏe tốt hơn cho cộng đồng; vì một môi trường sống trong lành và tốt đẹp hơn.

Nhiều chương trình cụ thể

Trong lĩnh vực giáo dục, năm nay, Techcombank tiếp tục dành tặng 1,8 tỷ đồng cho chương trình khăn đỏ đến trường, trao tặng gần 1.300 suất học bổng cùng các đồ dùng học tập thiết yếu, cho các em có hoàn cảnh khó khăn tại 100 trường thuộc 35 tỉnh/ thành phố trên cả nước. Với thông điệp “Mọi trẻ em đều có quyền được đi học”, Khăn đỏ đến trường đã trở thành chương trình thường niên của Techcombank triển khai từ năm 2011. Sau 3 năm triển khai, Chương trình “Khăn đỏ đến trường” đã trao gần 5.000 suất học bổng tại 44 tỉnh thành trên cả nước với tổng số tiền ước tính khoảng 5,5 tỷ đồng.

“Khăn đỏ đến trường” với hình ảnh chiếc khăn quàng đỏ, thấp sáng ước mơ đến trường của các

em nhỏ khó khăn trên cả nước đã trở thành hình ảnh thân thương gắn liền với Techcombank và những trách nhiệm với cộng đồng. Với ý nghĩa đó, “Khăn đỏ đến trường” còn có sự tham gia nhiệt tình của tập thể cán bộ nhân viên ngân hàng. Không chỉ đóng góp tài chính, cán bộ nhân viên Techcombank còn trực tiếp tham gia vào quá trình tìm kiếm, đề xuất những gương học sinh nghèo hiếu học tại địa phương vào danh sách nhận học bổng.

Không dừng lại ở đó, trong năm 2014, chúng tôi đã dành 3,1 tỷ đồng tài trợ xây dựng trường học chức năng mầm non huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang, 1,2 tỷ đồng tài trợ xây trường mẫu giáo Nghĩa Lam và Trường THCS Trần La Hạ - Quảng Ngãi.

Trong lĩnh vực chăm sóc sức khỏe cộng đồng, trong năm 2014, Techcombank đã hỗ trợ Bệnh viện ung thư Đà Nẵng 10 tỷ đồng để đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, nâng cấp các thiết bị khám chữa bệnh để đáp ứng nhu cầu khám và điều trị cho nhân dân khu vực miền Trung – Tây Nguyên, đặc biệt giải quyết khó khăn cho các bệnh nhân nghèo bị ung thư. Ngoài ra, Techcombank cũng đã tham gia đóng góp tài trợ Bệnh viện Hữu nghị đa khoa tỉnh Nghệ An, các Quỹ bệnh nhân ung thư - Ngày mai tươi sáng...

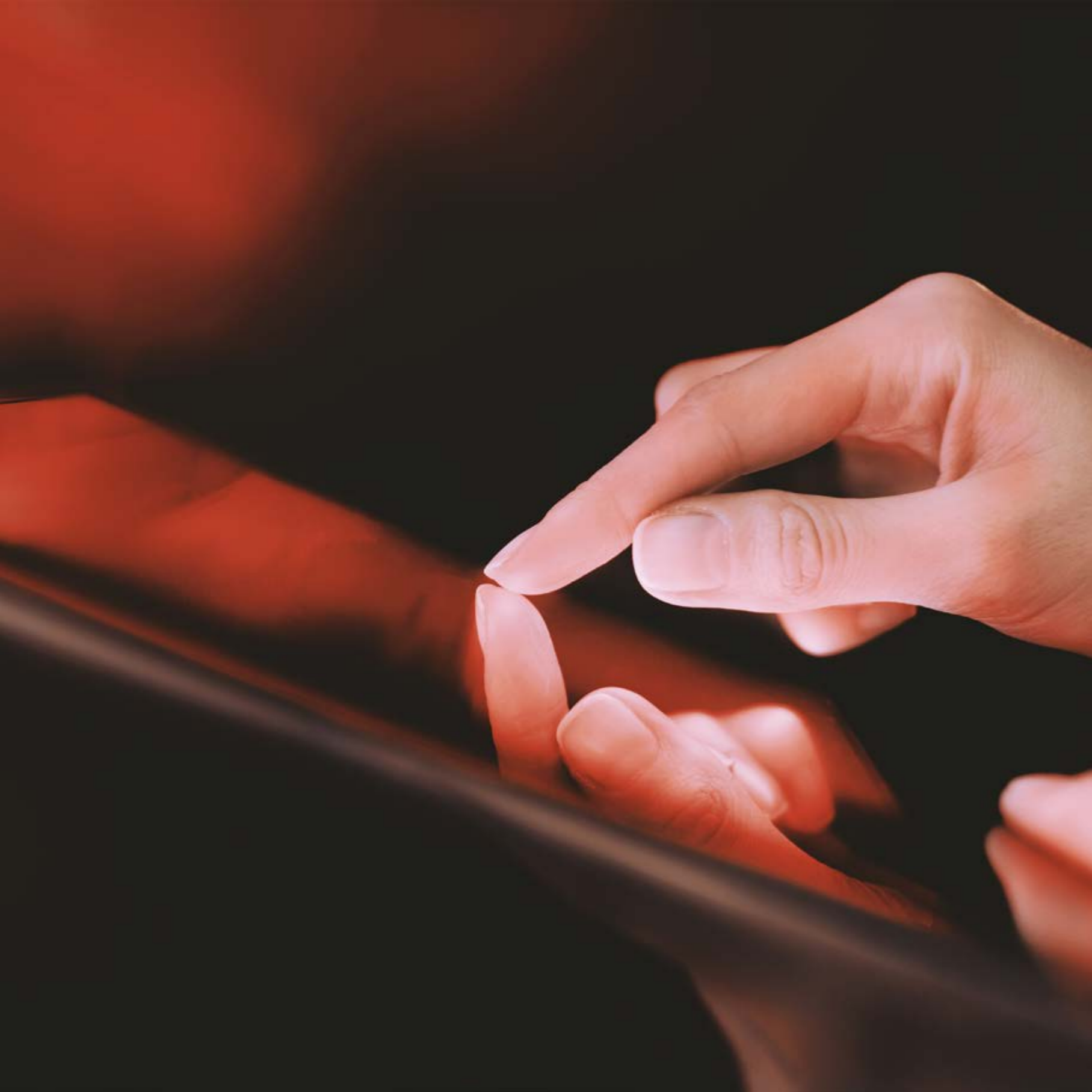
Trong năm 2014, chúng tôi cũng dành nhiều nguồn kinh phí hỗ trợ các chương trình an sinh xã hội tại các địa phương như Hậu Giang, Hà Nam, Nghệ An, Vĩnh Phúc, Quảng Ngãi, Quảng Ninh... với số tiền hỗ trợ hơn 78 tỷ đồng.

Đằng sau những con số

Năm 2014, kết quả kinh doanh tích cực của Techcombank đã thể hiện nỗ lực của tập thể ban lãnh đạo và tập thể hơn 7.200 cán bộ nhân viên. Không chỉ đóng góp vào sự lớn mạnh của tổ chức, chúng tôi tự hào đã đóng góp vào những chương trình cụ thể góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của cộng đồng. Điểm đặc biệt trong những chương trình này của Techcombank là sự tham gia đóng góp của toàn bộ cán bộ nhân viên trên toàn hệ thống, không chỉ thông qua việc tài trợ vật chất mà còn thể hiện cái tâm thiện nguyện của tất cả cán bộ công nhân viên tại Techcombank.

Đằng sau những con số và hành trình đến với cộng đồng, chúng tôi nhìn thấy niềm vui và hi vọng của các cô giáo, học sinh nơi vùng cao khi nhận được kinh phí hỗ trợ để xây dựng trường mầm non, niềm tin và quyết tâm của các bạn học sinh khi đón nhận những phòng học mới hiện đại, niềm xúc động của những người bệnh cùng sự quyết tâm của đội ngũ y bác sĩ khi được trang bị thêm máy móc chữa bệnh. Đó chính là động lực để những nỗ lực vì cộng đồng của chúng tôi sẽ không dừng lại. Bởi lẽ, chúng tôi luôn hiểu rằng Doanh nghiệp chỉ phát triển bền vững khi xã hội phát triển bền vững.





Báo Cáo Thường Niên 2014

**Những thể mạnh
trọng tâm**



Công nghệ và Vận hành

Kiên định với định hướng đầu tư phát triển nền tảng công nghệ để tạo lợi thế cạnh tranh cho Ngân hàng

Công nghệ thông tin tiếp tục là nhân tố cốt lõi trong việc hiện thực hóa tầm nhìn của Ngân hàng: trở thành nhà cung cấp dịch vụ tài chính tốt nhất tại Việt Nam. Chúng tôi tin tưởng rằng việc tiếp tục đầu tư vào công nghệ là hết sức cần thiết trong việc cung cấp cho khách hàng của Techcombank các dịch vụ tài chính toàn diện và giải pháp ngân hàng hàng đầu.

Chính vì vậy, trong năm 2014 Khối Vận hành và Công nghệ đã đưa ra hàng loạt sáng kiến nhằm cung cấp cho khách hàng các sản phẩm sáng tạo cùng dịch vụ đơn giản, nhanh chóng thông qua năng lực vượt trội về phân tích và quản trị rủi ro.

Đầu tư chiến lược cho mục tiêu tăng trưởng và chuyển đổi

Với chiến lược cốt lõi của Ngân hàng, trên 40 dự án đã được khởi xướng trong năm 2014 nhằm đảm bảo phát triển đa dạng sản phẩm và dịch vụ, sẵn sàng đáp ứng nhu cầu của các phân khúc khách hàng mục tiêu: Khách hàng thu nhập cao, Khách hàng thu nhập khá, Khách hàng doanh nghiệp vừa và nhỏ (SME) và Khách hàng Ngân hàng giao dịch. Đã có trên 15 dự án được triển khai thành công trong năm 2014 và những dự án còn lại sẽ tiếp tục thực hiện trong năm 2015.

Đối với mảng kinh doanh Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính cá nhân, chúng tôi đã triển khai hàng loạt những giải pháp sáng tạo như Mobile Wallet, Mobivi Virtual Card, JCB Card & Mobile POS trên nền tảng Điện thoại thông minh và ứng dụng Priority Mobile Sales trên nền tảng máy tính bảng.

Nhằm cung cấp thêm các tiện ích cho khách hàng, chúng tôi đã giới thiệu giải pháp Mobile Wallet trên nền tảng điện thoại di động thông minh, cho phép người dùng có thể thực hiện giao dịch thanh toán thông qua mạng xã hội mình yêu thích một cách

an toàn và thuận tiện mà không cần phải mang theo tiền mặt hay ví bên mình. Người nhận tiền có thể rút tiền hoặc thực hiện các giao dịch mua hàng với giá trị nhỏ thông qua mạng lưới các đơn vị chấp nhận thẻ rộng khắp. Trong năm 2015 tới, ứng dụng ngân hàng điện tử trên điện thoại di động thông minh sẽ được củng cố với các tính năng chuyển tiền, nạp tiền, thanh toán và các chức năng thẻ, thể hiện cam kết “liên tục cải tiến” và “khách hàng là trên hết” của Ngân hàng. Ngoài ra, với nỗ lực theo đuổi và tìm kiếm thêm nhiều tiện ích cho khách hàng, chúng tôi đã giới thiệu các giải pháp khác trên nền tảng thẻ như thẻ đồng thương hiệu Techcombank Mobivi cho khách hàng trả lương, cung cấp tiện ích mua sắm trên mạng với giá cả hấp dẫn; cùng với đó JCB Card đã được bổ sung vào danh sách các thẻ thanh toán quốc tế tiện ích mà Ngân hàng hiện đang cung cấp cho khách hàng.

Ngoài ra, những yêu cầu đặc biệt của các khách hàng doanh nghiệp lớn và vừa đã được đáp ứng thông qua nền tảng Tài trợ chuỗi cung ứng được triển khai năm 2014. Tài trợ chuỗi cung ứng cung cấp các sản phẩm tài trợ khoản phải thu, phải trả và giúp các doanh nghiệp quản lý tốt hơn vốn lưu động cũng như các yêu cầu về dòng tiền hàng ngày. Hơn nữa, Tài trợ chuỗi cung ứng, khi được hỗ trợ bởi giải pháp Mobile POS, có khả năng đưa ra các ý tưởng tích hợp cho các giao dịch thanh toán qua các kênh của các phân khúc khách hàng (Cá nhân, Doanh nghiệp vừa và nhỏ, Ngân hàng giao dịch). Giải pháp này giúp đơn giản hóa hoạt động thanh toán và thu hộ chỉ với việc sử dụng điện thoại thông minh như một “điểm bán hàng” (POS – point of sale). Bên cạnh đó các quy trình tài trợ thương mại liên quan đến thư tín dụng xuất khẩu cũng được tự động hóa nhằm giảm nhân lực vận hành đồng thời tăng năng suất cũng như giảm thiểu thời gian cung ứng dịch vụ tới 20%.

Nhận thức được rằng việc hỗ trợ mạnh mẽ cho lực lượng kinh doanh cũng như các đơn vị hỗ trợ sẽ giúp nâng cao sự hài lòng của khách hàng, năm 2014 chúng tôi đưa vào vận hành ứng dụng Priority Mobile Sales trên nền tảng máy tính bảng, cho phép chuyên viên khách hàng chủ động theo dõi nhu cầu của khách hàng ưu tiên ở bất kỳ nơi nào họ muốn. Đây là một giải pháp tổng thể giúp tiếp cận khách hàng tiềm năng, theo dõi bán hàng và cập nhật các chiến dịch bán. Ứng dụng này còn cung cấp trực tuyến cho đội ngũ quản lý cấp cao bảng báo cáo giúp theo dõi hiệu quả bán hàng tại từng thời điểm. Ngoài ra, thế hệ tiếp theo của hệ thống Data Warehouse đã được triển khai gồm Mô hình dữ liệu doanh nghiệp (Enterprise Data Model) và Kho dữ liệu chuyên biệt (Data Marts), cho phép người dùng của Khối Khách hàng cá nhân và Khối tài chính Chiến lược tự phân tích khách hàng và dữ liệu tài chính mà không cần có sự tham gia của bộ phận công nghệ thông tin, giúp cải thiện đáng kể năng suất lao động. Hệ thống Data Warehouse là một cấu phần quan trọng giúp chúng tôi chuẩn bị cho những yêu cầu về tuân thủ sắp tới theo Quy định của Basel II, đảm bảo rằng mỗi giải pháp mà Ngân hàng đang triển khai ngày hôm nay đều mang tính dài hạn và đáp ứng với các yêu cầu trong tương lai. Thêm vào đó, các tiện ích về quản trị rủi ro tín dụng cũng được nâng cấp với quy trình thu nợ tích hợp giữa chi nhánh, các Hub thu nợ và Đơn vị Quản lý thu nợ tập trung.

Cơ sở hạ tầng vững mạnh với mức độ sẵn sàng cao

Cùng với chiến lược công nghệ thông tin, chúng tôi đã chuẩn hóa, tập trung hóa và củng cố kho lưu trữ, các kho dữ liệu và máy chủ thư điện tử nhằm cải thiện chất lượng dịch vụ hạ tầng công nghệ. Trong năm 2014, mức độ sẵn sàng của hệ thống hạ tầng công nghệ chủ chốt được cải thiện và đạt mức 99,9%, tỷ lệ ảo hóa máy chủ đạt 80%. Việc sử dụng công nghệ ảo hóa trong quản lý nguồn lực hạ tầng công nghệ giúp giảm chi phí đầu tư vào hạ tầng, tăng năng suất lao động và giảm thời gian xây dựng cơ sở hạ tầng cho các dự án từ 3 -6 tháng xuống còn 3-5 ngày làm việc, góp phần giảm thiểu thời hạn đưa sản phẩm/ dịch vụ ra thị trường, giảm thiểu chi phí dịch vụ cho khách hàng nội bộ.

An ninh được tăng cường

Hệ thống An ninh Thông tin như các hệ thống Ngăn chặn xâm nhập Mạng lưới và An ninh Dữ liệu đã được củng cố nhằm chủ động phát hiện và ngăn ngừa bất kỳ sự tấn công nguy hại nào, nhằm đảm bảo tính bảo mật, toàn vẹn và sẵn sàng của các quy trình dữ liệu khách hàng thông qua các kênh ngân hàng khác nhau.

Hợp tác vì sự thành công của các Khối kinh doanh

Trong năm 2014, các bộ phận của Khối Công nghệ và Vận hành đã tiếp tục đồng hành cùng các khối kinh doanh để nâng cao tinh thần phối hợp và đảm bảo rằng Công nghệ thông tin sẽ trở thành một phần không thể thiếu của chiến lược kinh doanh, qua đó tối ưu hóa lợi nhuận kinh doanh nhờ việc ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động. Định hướng của Khối đã thay đổi từ chức năng công nghệ đơn thuần sang tập trung nhiều vào tư vấn kinh doanh và các dịch vụ tư vấn.

Năng suất vận hành vượt trội

Trong năm 2015, mảng Vận hành của chúng tôi đã tận dụng tối đa các lợi thế của hệ thống và hỗ trợ Công nghệ thông tin. Tỷ lệ tự động hóa của mảng này được cải thiện qua các năm và kỳ vọng sẽ cải thiện nhiều hơn nữa trong năm 2015. Điều đó giúp cho bản thân Khối Vận hành và Công nghệ tăng được năng suất lao động thêm hơn 20% vào năm 2014, rút ngắn thời gian xử lý giao dịch và đạt được tỉ lệ hoàn thành các yêu cầu đúng thời hạn (SLA) của toàn Khối là 99,15% trong điều kiện lượng giao dịch tăng đáng kể và số lượng nhân sự không đổi.

Định hướng năm 2015

Năm tới chúng tôi tiếp tục xây dựng hệ thống ngân hàng lấy khách hàng là trọng tâm dựa trên nguyên tắc chính là cung cấp các sản phẩm và dịch vụ cho khách hàng tại bất kỳ thời điểm nào, bằng bất kỳ cách nào và ở bất kỳ đâu thông qua các kênh ngân hàng mà khách hàng yêu thích.

Chúng tôi sẽ tích hợp toàn bộ thông tin về giao dịch và mối quan hệ giữa khách hàng với Ngân hàng thông qua Hệ thống quản lý dữ liệu chủ (MDM),

Quản lý quan hệ khách hàng (CRM), các phân tích tiên tiến và các quy trình kết nối cho toàn bộ các kênh phân phối và dòng sản phẩm. Dự án này sẽ giúp chúng tôi hiểu hơn các nhu cầu tài chính của khách hàng, biết khách hàng đã có những gì, còn cần gì và chúng tôi có thể cung cấp thêm những lợi ích gì cho khách hàng. Cán bộ nhân viên Ngân hàng cũng sẽ được trang bị tốt hơn khi xử lý các yêu cầu về truy vấn và dịch vụ của khách hàng một khi họ có cái nhìn tổng thể về khách hàng trên hệ thống. Tương tự như vậy, khách hàng cũng có thể khởi tạo yêu cầu qua một kênh và hoàn thiện yêu cầu này qua các kênh khác miễn là họ thấy thuận tiện.

Các sáng kiến khác cũng được tiếp tục triển khai trong năm 2015 bao gồm Hệ thống Nguồn vốn, Hệ thống Quản lý các hạn mức và tài sản đảm bảo, Mô hình Phân bổ chi phí và lợi nhuận, Ngân hàng doanh nghiệp trực tuyến, Tự động hóa quy trình tín dụng trên nền tảng Quản lý quy trình nghiệp vụ (BPM) và Hệ thống Kinh doanh vàng và ngoại hối (Foreign Exchange-Vision & Gold Trading). Hệ thống ngân hàng lõi cũng sẽ được nâng cấp nhằm đáp ứng mục tiêu tăng trưởng nhanh hơn cũng như hỗ trợ các sáng kiến liên quan đến mô hình chi nhánh và giao dịch viên chi nhánh. Việc thực hiện các sáng kiến này sẽ củng cố thêm năng lực của đội ngũ cán bộ, đẩy mạnh chức năng công nghệ thông tin cũng như tăng cường vai trò hỗ trợ của công nghệ thông tin đối với các chiến lược kinh doanh.

Ngoài ra, với sức mạnh và lợi thế hiện có, Khối Vận hành và Công nghệ cam kết phối hợp cùng với các khối kinh doanh trên toàn hệ thống để cải thiện các quy trình tín dụng tổng thể, tăng tỷ lệ tự động hóa và giảm 20% thời gian cung cấp dịch vụ (TAT) so với năm 2014.

Chúng tôi sẽ tiếp tục phát huy và tối ưu hóa tiềm năng của mảng công nghệ thông tin nhằm góp phần đưa hệ thống nền tảng và dịch vụ của Techcombank trở thành sự lựa chọn mỗi ngày của toàn bộ các phân khúc khách hàng mục tiêu.

Dịch vụ Ngân hàng Trực tuyến

Không ngừng phát triển những sản phẩm, dịch vụ mang hàm lượng công nghệ cao nhằm giúp khách hàng giảm thời gian giao dịch với ngân hàng, và thêm thời gian dành cho gia đình, bạn bè

Với hơn 40% dân số sử dụng Internet, Việt Nam là thị trường tiềm năng để ứng dụng các công cụ thanh toán tích hợp các ứng dụng công nghệ thông tin vào hệ thống ngân hàng. Đáp ứng nhu cầu và đòi hỏi ngày càng cao của khách hàng, ngân hàng điện tử đang là mục tiêu hướng tới của các ngân hàng Việt Nam, trở thành một trong những “thước đo” chính cho sức mạnh của một ngân hàng. Thông qua các tính năng, dịch vụ hiện có, người dùng có thể đánh giá được khả năng đáp ứng nhu cầu khách hàng của ngân hàng cũng như khả năng tối ưu hóa hoạt động thông qua nền tảng công nghệ.

Internet banking

Được ghi nhận là một trong những tổ chức luôn đi đầu trên thị trường về Công nghệ ngân hàng, Techcombank đã tận dụng lợi thế này để tối ưu hóa hoạt động, nâng cao chất lượng dịch vụ, cải tiến quy trình vận hành, phát triển những kênh giao dịch mới và xây dựng những sản phẩm ấn tượng, giàu tính cạnh tranh trên thị trường. Trong đó, dịch vụ ngân hàng điện tử (Internet Banking) của chúng tôi được đánh giá là một trong những dịch vụ dẫn đầu thị trường trên cả 3 tiêu chí: tiện ích – an toàn – thực hiện nhanh chóng và ổn định. Khách hàng cá nhân đã có thể thực hiện mọi giao dịch tài khoản và tiết kiệm thông thường thông qua giao diện Ngân hàng trực tuyến nhanh chóng, tiện lợi và tối ưu hóa chi phí, trong khi mức độ an toàn vẫn được đảm bảo với giải pháp xác thực bằng mật khẩu SMS OTP hoặc token key.

Không những thế, chúng tôi là một trong những ngân hàng đầu tiên tích hợp tính năng thanh toán vào nền tảng giao dịch trực tuyến, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng không sử dụng tiền mặt của khách hàng. Một số tính năng nổi bật có thể kể đến bao gồm nạp tiền điện thoại trả trước, thanh toán hóa

đơn tiền điện, điện thoại, thuê bao internet ADSL, phí bảo hiểm, phí dịch vụ... cũng như mua sắm hàng hóa, vé máy bay trực tuyến. Bên cạnh đó, Internet Banking của chúng tôi còn cho phép khách hàng đặt lệnh thanh toán tự động để thanh toán các phí dịch vụ cần thiết đều đặn và đúng hạn theo lịch đặt trước.

Tiện ích hơn nữa dành cho các khách hàng đang sử dụng các sản phẩm dịch vụ khác của ngân hàng như thẻ thanh toán, thẻ tín dụng của Techcombank là toàn bộ các chức năng quản lý giao dịch, yêu cầu hỗ trợ, cài đặt tính năng cho thẻ đã được tích hợp trên nền tảng Internet Banking của Techcombank, cho phép khách hàng không cần tới chi nhánh vẫn có thể đặt lệnh.

Với những tiện ích do Internet banking mang lại, không hề ngạc nhiên khi tốc độ tăng trưởng người sử dụng năm 2014 so với 2013 đạt 41%, trong đó, số lượng khách hàng sử dụng thường xuyên dịch vụ năm đã tăng 33% so với năm 2013. Lượng giao dịch trung bình/ tháng trên kênh Internet Banking năm 2014 cũng tăng 16% so với năm trước, trong đó cũng ghi nhận sự tăng vọt giao dịch thanh toán trực tuyến lên tới 32%.

Mobile banking

Cùng với sự phát triển của các thiết bị điện tử di động như điện thoại thông minh, máy tính bảng, ngân hàng điện tử trên thiết bị di động (Mobile Banking) được xem như là một kênh giao dịch mới đối với các khách hàng trong xu thế hiện nay. Không đứng ngoài xu thế này, năm 2014, chúng tôi đã có những bước đi đáng kể trong việc xây dựng một chiến lược toàn diện và lâu dài hơn về dịch vụ tài chính trên điện thoại di động, trong đó nền tảng công nghệ, chức năng và đặc biệt là sự

thân thiện trong khâu tiếp cận công nghệ dành cho khách hàng là đòn bẩy để thúc đẩy các giao dịch tài chính ngân hàng trên điện thoại di động.

Tháng 11 vừa qua, với việc ra mắt dịch vụ Chuyển tiền qua mạng xã hội qua Mobile Banking của Ngân hàng, Techcombank trở thành Ngân hàng đầu tiên giới thiệu dịch vụ tân tiến này tới khách hàng, đánh dấu một bước ngoặt mới trong việc chuyển và nhận tiền cũng như thanh toán các giao dịch trực tuyến trên thị trường Việt Nam. Người chuyển tiền không cần có số tài khoản của người hưởng mà vẫn có thể chuyển chính xác tới họ thông qua một số dịch vụ mạng xã hội phổ biến như Facebook hay Google Plus, thậm chí là qua tin nhắn điện thoại di động. Điều này đã làm thay đổi suy nghĩ của nhiều người về giao dịch ngân

hàng theo hướng tích cực, cắt giảm tối đa những thủ tục thường thấy cho phương thức chuyển tiền truyền thống. Đặc biệt hơn, dịch vụ này của chúng tôi còn có khả năng tùy biến theo người dùng, cho phép họ gửi kèm những thông điệp bằng hình ảnh, đoạn phim hay đoạn ghi âm tới người nhận. Với hướng đi đúng đắn trên thị trường dịch vụ Mobile Banking, Techcombank kỳ vọng sẽ trở thành ngân hàng có số lượng người sử dụng Mobile Banking lớn nhất thị trường và là ngân hàng dẫn đầu về việc thanh toán không dùng tiền mặt trên các thiết bị di động.

Với việc liên tục đầu tư và đẩy mạnh các hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt như thẻ thanh toán, Internet Banking, Mobile Banking, trong năm vừa qua, Techcombank liên tục nhận được đánh

giá cao từ phía khách hàng cũng như các tổ chức quốc tế uy tín. Chúng tôi đã vinh dự được tổ chức Global Banking & Finance Review trao tặng giải Ngân hàng Điện tử Tốt nhất Việt Nam 2014, và lọt “Top 5 ngân hàng có dịch vụ Internet banking được yêu thích nhất” do Báo điện tử VnExpress tổ chức.

Trong năm 2015, những sản phẩm và dịch vụ ngân hàng điện tử sẽ tiếp tục được cải tiến để phù hợp với nhu cầu của người tiêu dùng cùng những tính năng và công cụ hỗ trợ tiện ích nhất.





Báo Cáo Thường Niên 2014

**Đội ngũ Quản trị
vững mạnh**



Mô hình quản trị ngân hàng

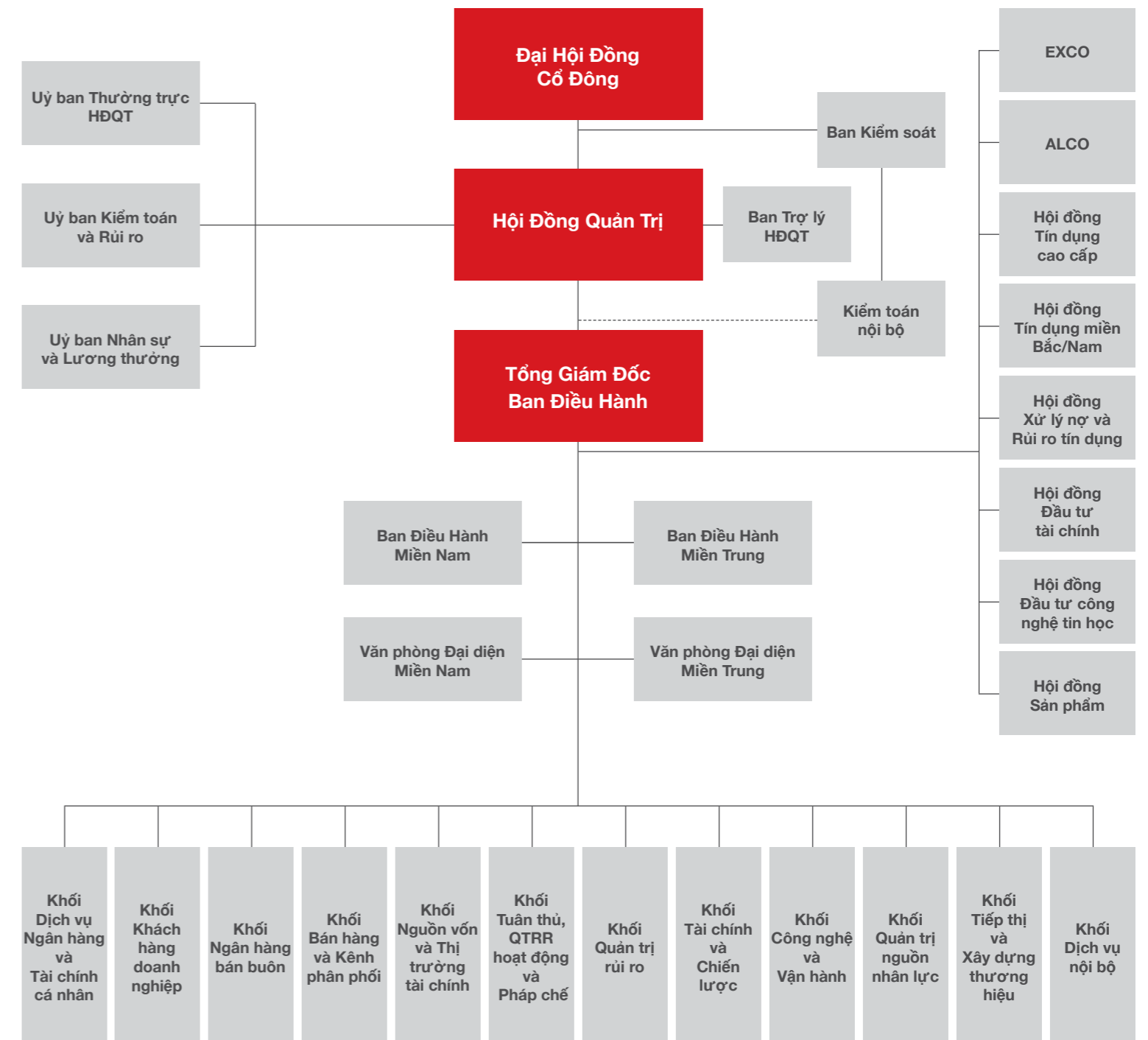
Chúng tôi tổ chức mô hình quản trị Ngân hàng dựa trên:

- ◆ Các bộ luật theo quy định của pháp luật Việt Nam và các quy định liên quan đến hoạt động của Ngân hàng
- ◆ Quy định của Ngân hàng nhà nước Việt Nam cho các Tổ chức tín dụng Việt Nam
- ◆ Đội ngũ lãnh đạo kết hợp giữa các chuyên gia ngân hàng trong nước và nước ngoài.

Hội Đồng Quản Trị thừa ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông cam kết thực hiện vai trò và trách nhiệm của mình trên cương vị đại diện cho ngân hàng Techcombank. Hội Đồng Quản Trị điều hành thông qua việc giám sát, rà soát và cung cấp các hướng dẫn trong quá trình thiết lập định hướng chiến lược.

Hội Đồng Quản Trị thành lập các Ủy ban nhằm thực hiện một cách có hiệu quả các nhiệm vụ được giao. Các Ủy ban được tổ chức nhằm nâng cao năng lực của Hội Đồng Quản Trị và phát triển chuyên môn đa dạng của lãnh đạo cao cấp trong Ngân hàng.

Trong năm 2014, chúng tôi chú trọng năng lực làm việc tập thể của Ban Điều Hành trên cơ sở phát huy kỹ năng riêng của từng thành viên vì lợi ích chung của ngân hàng. Cơ cấu tổ chức toàn hệ thống được duy trì ổn định nhằm hướng tới các hoạt động vận hành và kinh doanh ngân hàng bền vững trong khi tiếp tục phát triển các sáng kiến mới phù hợp với văn hóa bản địa và thông lệ quốc tế.



Mô hình quản trị ngân hàng

Hội Đồng Quản Trị

HĐQT là cơ quan quản trị Techcombank với các thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Techcombank để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Techcombank, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên

HĐQT bao gồm 7 thành viên trong đó có: Chủ tịch HĐQT, 2 Phó Chủ tịch, 1 thành viên độc lập HĐQT và 1 thành viên HĐQT kiêm nhiệm chức danh Quyền Tổng Giám đốc. Chủ tịch và các phó chủ tịch HĐQT do các thành viên HĐQT bầu hoặc bãi miễn với đa số phiếu bằng thẻ thức bỏ phiếu kín hoặc biểu quyết. Nhiệm kỳ của HĐQT là 5 năm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá 5 năm.



Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Thiệu Quang

Phó Chủ tịch

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiệu Quang tham gia HĐQT Techcombank từ năm 1999. Ông là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Cảnh Sơn

Phó Chủ tịch

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Cảnh Sơn là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới tháng 03 năm 2009. Từ tháng 4 năm 2009 tới nay ông là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank.



Ông Nguyễn Đăng Quang

Thành viên

Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với nhiều vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 4 năm 2014. Từ tháng 5 năm 2014 tới nay ông là Thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Thành viên

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12 năm 2012 đến nay, và kiêm Quyền Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 08 năm 2013.



Ông Lee Boon Huat

Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân kinh doanh (ngành kế toán) tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin), ông Lee Boon Huat đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ủy ban tiền tệ Singapore và các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải, Ngân hàng Thương Mại Hoàng gia, Ngân hàng Hóa học, Ngân hàng Standard Chartered. Từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 4 năm 2014 ông Lee Boon Huat là thành viên độc lập của HĐQT Techcombank. Từ tháng 5 năm 2014 đến nay ông là Thành viên HĐQT.



Ông Nguyễn Đoàn Hùng

Thành viên độc lập

Tốt nghiệp chuyên ngành Anh Văn tại Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và Thạc sỹ khoa học về Quản lý tài chính tại Trường Đại học Luân Đôn. Ông Nguyễn Đoàn Hùng đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đã từng đảm nhiệm các vị trí sau: Trưởng Ban Nghiên cứu và phát triển thị trường vốn - Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Chánh Văn phòng - Văn phòng Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Vụ trưởng - Vụ Quản lý ngoại hối - Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Giám đốc dự khuyết Ngân hàng Thế giới, Phó Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Ông là Thành viên độc lập của Hội Đồng Quản Trị Techcombank từ tháng 5/2014.

Ủy ban Thường trực Hội Đồng Quản Trị

Ủy ban Thường trực Hội Đồng Quản Trị (UBTT HĐQT) là cơ quan được Hội Đồng Quản Trị thành lập để thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo phân cấp, ủy quyền của Hội Đồng Quản Trị.

Thành viên

Thành phần UBTT HĐQT gồm 6 thành viên: Chủ tịch HĐQT, 2 Phó Chủ tịch HĐQT và một số thành viên khác của HĐQT. Thông tin chi tiết về thành viên của Ủy ban Thường trực HĐQT như sau:



Ông Hồ Hùng Anh
Chủ tịch

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Thiệu Quang
Thành viên

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiệu Quang tham gia HĐQT Techcombank từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Cảnh Sơn
Thành viên

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Cảnh Sơn là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới tháng 03 năm 2009. Từ tháng 4 năm 2009 tới nay ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank.



Ông Nguyễn Đăng Quang
Thành viên

Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với nhiều vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 4 năm 2014. Từ tháng 5 năm 2014 tới nay ông là Thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Đỗ Tuấn Anh
Thành viên

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12 năm 2012 đến nay, và kiêm Quyền Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 08 năm 2013.



Ông Lee Boon Huat
Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân kinh doanh (ngành kế toán) tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin), ông Lee Boon Huat đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ủy ban tiền tệ Singapore và các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia, Ngân hàng Hóa học, Ngân hàng Standard Chartered. Từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 4 năm 2014 ông Lee Boon Huat là thành viên độc lập của HĐQT Techcombank. Từ tháng 5 năm 2014 đến nay ông là Thành viên HĐQT.

Ban Kiểm Soát

Ban Kiểm Soát là cơ quan giám sát hoạt động của Ngân hàng theo quy định pháp luật và Điều lệ Ngân hàng, với các thành viên được bầu bởi Đại hội đồng cổ đông.

Thành viên

Ban Kiểm Soát có 4 thành viên bao gồm: Trưởng Ban Kiểm Soát và các thành viên Ban Kiểm Soát, trong đó có một phần hai tổng số thành viên là thành viên chuyên trách. Thông tin chi tiết về thành viên của Ban Kiểm Soát như sau:



Ông Hoàng Huy Trung

Trưởng Ban Kiểm Soát

Tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế chuyên ngành ngân hàng tại Trường Đại học kinh tế quốc dân và Cử nhân kinh tế chuyên ngành tài chính ngân hàng tại Học Viện Tài chính, ông Hoàng Huy Trung đã có nhiều năm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Techcombank. Từ tháng 12 năm 2012 đến nay, ông Hoàng Huy Trung là Trưởng Ban Kiểm Soát, kiêm nhiệm thành viên chuyên trách Techcombank.



Bà Nguyễn Thu Hiền

Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Tài chính Tin dụng tại Liên Bang Nga, từ năm 1999 bà Nguyễn Thu Hiền đã đảm nhiệm nhiều vị trí trong lĩnh vực kế toán và kiểm soát tại Ngân hàng. Từ tháng 12 năm 2012 đến nay, bà Nguyễn Thu Hiền là thành viên Ban Kiểm Soát chuyên trách Techcombank.



Ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes

Thành viên

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản trị kinh doanh chuyên ngành Tài chính, ngân hàng và Tiếp thị - Đại học Klagenfurt, ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng và đảm nhiệm các vị trí quản lý quan trọng tại các tổ chức tài chính, doanh nghiệp lớn. Từ tháng 4 năm 2012 đến nay, ông Mag Rer Soc Oec Romauch Hannes là thành viên Ban Kiểm Soát Techcombank.



Bà Bùi Thị Hồng Mai

Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân chuyên ngành Kế toán. Bà Bùi Thị Hồng Mai có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính kế toán. Từ tháng 4 năm 2010 đến nay, bà Bùi Thị Hồng Mai là thành viên Ban Kiểm Soát Techcombank.

Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng

Ủy ban Nhân sự và Lương thưởng (NORCO) là cơ quan được HĐQT thành lập để thực thi một số chức năng, nhiệm vụ về nhân sự và lương thưởng do HĐQT phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện.

Thành viên

Có 5 thành viên trong Ủy ban NORCO. Thông tin chi tiết về thành viên của Ủy ban NORCO như sau:



Ông Hồ Hùng Anh

Chủ tịch

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05 năm 2008 tới nay.



Ông Nguyễn Đăng Quang

Thành viên

Tốt nghiệp Tiến sĩ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với nhiều vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 4 năm 2014. Từ tháng 5 năm 2014 tới nay ông là Thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Nguyễn Thiệu Quang

Thành viên

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiệu Quang tham gia HĐQT Techcombank từ năm 1999. Ông là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Thành viên

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12 năm 2012, và kiêm Quyền Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 08 năm 2013 đến nay.



Ông Nguyễn Cảnh Sơn

Thành viên

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Cảnh Sơn là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới tháng 03 năm 2009. Từ tháng 4 năm 2009 tới nay ông là Phó Chủ tịch HĐQT Techcombank.

Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro

Ủy ban Kiểm toán và Rủi ro (ARCO) là cơ quan được HĐQT thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ do HĐQT phân công và/ hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động ngân hàng.

Thành viên

Thành phần ARCO bao gồm 8 người. Thông tin chi tiết về các thành viên ARCO như sau:



Ông Nguyễn Thiều Quang

Chủ tịch

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Thiều Quang tham gia HĐQT Techcombank từ năm 1999. Ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới nay.



Ông Hồ Hùng Anh

Phó Chủ tịch

Tốt nghiệp kỹ sư điện tử tại Liên Bang Nga, ông Hồ Hùng Anh tham gia quản trị Ngân hàng với các vị trí khác nhau trong Hội đồng Quản trị Ngân hàng từ năm 2004. Ông là Chủ tịch HĐQT Techcombank từ tháng 05 năm 2008 tới nay.



Bà Nguyễn Thị Thiên Hương

Thành viên thường trực

Tốt nghiệp cử nhân Khoa học, cử nhân Kinh tế, Thạc sỹ Quản trị kinh doanh MBA, bà Nguyễn Thị Thiên Hương có nhiều năm kinh nghiệm làm việc tại Ngân hàng với các chức vụ khác nhau như: Phụ trách phòng Dự án & Đầu tư chứng khoán, Trưởng phòng Tín dụng Hội sở, Phó Tổng Giám đốc. Từ tháng 07 năm 2009 đến nay, bà là Thành viên Thường trực ARCO.



Ông Nguyễn Đăng Quang

Thành viên

Tốt nghiệp Tiến sỹ kỹ thuật về vật lý hạt nhân và trình độ sau đại học về Quản trị Tài chính tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Đăng Quang tham gia điều hành và quản trị Ngân hàng với nhiều vị trí khác nhau từ năm 1995. Ông là Phó chủ tịch thứ nhất HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 đến tháng 4 năm 2014. Từ tháng 5 năm 2014 tới nay ông là Thành viên HĐQT Techcombank.



Ông Lee Boon Huat

Thành viên

Tốt nghiệp Cử nhân kinh doanh (ngành kế toán) tại Viện Công nghệ Tây Australia (nay là Đại học Curtin), ông Lee Boon Huat đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ủy ban tiền tệ Singapore và các tổ chức tài chính lớn như: Ngân hàng Hồng Kông Thượng Hải, Ngân hàng Thương mại Hoàng gia, Ngân hàng Hóa học, Ngân hàng Standard Chartered. Từ tháng 12 năm 2012 đến tháng 4 năm 2014 ông Lee Boon Huat là thành viên độc lập của HĐQT Techcombank. Từ tháng 5 năm 2014 đến nay ông là Thành viên HĐQT.



Ông Nguyễn Đoàn Hùng

Thành viên

Tốt nghiệp chuyên ngành Anh Văn tại Trường Đại học Ngoại ngữ Hà Nội và Thạc sỹ khoa học về Quản lý tài chính tại Trường Đại học Luân Đôn. Ông Nguyễn Đoàn Hùng đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính, ngân hàng và đã từng đảm nhiệm các vị trí sau: Trưởng Ban Nghiên cứu và phát triển thị trường vốn - Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Chánh Văn phòng - Văn phòng Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Vụ trưởng - Vụ Quản lý ngoại hối - Ngân hàng nhà nước Việt Nam, Giám đốc dự khuyết Ngân hàng Thế giới, Phó Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước Việt Nam. Ông là Thành viên độc lập của Hội Đồng Quản Trị Techcombank từ tháng 5/2014.



Ông Nguyễn Cảnh Sơn

Thành viên

Tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng tại Liên Bang Nga, ông Nguyễn Cảnh Sơn là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 5 năm 2008 tới tháng 03 năm 2009. Từ tháng 4 năm 2009 tới nay ông là Phó chủ tịch HĐQT Techcombank.



Ông Đỗ Tuấn Anh

Thành viên

Tốt nghiệp Thạc sỹ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12 năm 2012 đến nay, và kiêm Quyền Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 08 năm 2013.

Ban Điều Hành

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm thực hiện các kế hoạch phát triển của ngân hàng và báo cáo tình hình hoạt động, theo cơ chế trung thành với lợi ích của Techcombank.

Thông tin cập nhật đến ngày 15/01/2015



Ông Đỗ Tuấn Anh

Quyền Tổng Giám đốc kiêm Thành viên Hội Đồng Quản Trị

Tốt nghiệp Thạc sĩ Quản lý tài sản đầu tư tại Đại học tổng hợp Quản lý Singapore và cử nhân Ngoại ngữ - Đại học Ngoại ngữ Hà Nội. Ông Đỗ Tuấn Anh đã có nhiều năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực ngân hàng và đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Techcombank và các tổ chức, doanh nghiệp khác. Ông Đỗ Tuấn Anh là thành viên HĐQT Techcombank từ tháng 12 năm 2012 đến nay, và kiêm Quyền Tổng Giám đốc Techcombank từ tháng 08 năm 2013.



Ông Murat Yuldashev

Giám đốc Điều hành

Tốt nghiệp Thạc sĩ Vật lý tại Al-Farabi, Đại học Quốc gia Almaty Kazakh, ông Murat đã nghiên cứu khoa học tại Học viện Khoa học Kazakhstan hơn 10 năm trước khi chuyển hướng sự nghiệp sang đầu tư chứng khoán và ngân hàng. Sau khi hoàn thành Chương trình Quản lý Tài chính và Thị trường Chứng khoán, ông đã giữ nhiều vị trí quản lý trong các công ty đầu tư và ngân hàng lớn tại Kazakhstan, các nước CIS và Thổ Nhĩ Kỳ. Kinh nghiệm chính của ông là ngân hàng bán lẻ. Ông gia nhập Techcombank từ tháng 08 năm 2013 với vị trí Giám đốc Điều hành.



Ông Vikesh Mirani

Giám đốc Tài chính Tập đoàn

Tốt nghiệp cử nhân Thương Mại (Hạng ưu) Đại học Maharishi Dayanand Saraswati tại Ấn Độ, đang sở hữu các bằng chứng nhận Kế toán viên cao cấp của Học viện kế toán chuyên nghiệp Ấn Độ và một số chứng chỉ quốc tế khác như Học viên ưu tú của Khóa "Tin học ứng dụng" và "Lãnh đạo doanh nghiệp cao cấp". Ông đã có hơn 20 năm kinh nghiệm và từng giữ nhiều vị trí quản lý tại các ngân hàng lớn như: Emirates NBD, Emirates Bank International, HSBC, Standard Chartered Bank và ABN AMRO. Ông gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Tài chính Tập đoàn từ tháng 11 năm 2012.



Ông Nguyễn Cảnh Vinh

Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn

Tốt nghiệp Đại học Xây dựng, Đại học Kinh tế Quốc dân, Thạc sĩ Đại học Latrobe và từng giữ chức vụ Giám đốc Trung tâm Giao dịch Hội sở Techcombank, Giám đốc Kinh doanh Vùng 1, Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối. Tiếp sau đó, ông được điều động, bổ nhiệm vào chức vụ Giám đốc Khối Ngân hàng bán buôn từ tháng 11 năm 2014.



Ông Phạm Quang Thắng

Giám đốc Khối Tuân Thủ, Quản trị Rủi ro Hoạt động và Pháp chế

Tốt nghiệp Thạc sĩ tại Trường Đại học công nghệ Swinburne, Ông từng giữ chức vụ Kế toán trưởng Ngân hàng Techcombank; Giám đốc Trung tâm quản lý nguồn vốn; Phó Tổng giám đốc phụ trách Kế toán tài chính, Kế hoạch và chiến lược, Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp; Giám đốc Khối Phê duyệt tín dụng. Ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Tuân thủ, Quản trị Rủi ro Hoạt động và Pháp chế từ tháng 01 năm 2014.



Ông Phan Thanh Sơn

Giám đốc Khối Nguồn vốn và Thị trường Tài Chính

Tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế tại Trường Đại học Kinh Tế Quốc Dân và từng giữ nhiều chức vụ về quản lý Thị trường Thế giới tại Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam, Citibank Việt Nam, Citigroup Global Markets Ltd Hongkong. Ông từng là Phó Tổng giám đốc Ngân hàng Tiên Phong trước khi gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Khối Nguồn vốn và thị trường tài chính từ tháng 1 năm 2011



Ông Phùng Quang Hưng

Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối

Ông Hưng tốt nghiệp ngành CNTT tại ĐHBK Hà Nội năm 1995 và bằng MBA Kinh tế quốc tế của Đại học Washington State, Hoa Kỳ năm 2001. Trong 19 năm làm việc, ông từng giữ nhiều vị trí khác nhau ở nhiều ngân hàng quốc tế như Giám đốc Vận Hành và Công nghệ tại Ngân hàng ABN AMRO Việt Nam; Business partner tại Ngân hàng National Australia London và được bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ Techcombank từ tháng 9 năm 2010. Sau đó, Ông được điều động và bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối Techcombank từ tháng 11 năm 2014.



Ông Anil Kumar Parimoo

Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro

Tốt nghiệp Cử nhân Khoa học tại trường Đại học Kashmir, sở hữu nhiều bằng chứng nhận như Bank Indonesia Risk Management cấp bởi GARP, Assiatship từ Indian Institution of Banking and Finance, ông có 24 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng và làm việc ở nhiều ngân hàng lớn như State Bank of India, ABN AMRO, Bank Danamon. Ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro từ tháng 06 năm 2012.



Ông Sagyndyk Kussainov

Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng và Tài chính Cá nhân

Tốt nghiệp Đại học Tổng hợp Xây dựng quốc gia Kazakhstan và Đại học Tổng hợp Kinh tế Quốc gia Kazakhstan, Ông có 19 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực ngân hàng đặc biệt là trong lĩnh vực bán lẻ tại Kazakhstan, Nga, Ukraine, Belarus, Georgia, and Armenia, từng giữ vị trí Chủ tịch BTA Ipoteka và Giám đốc Kinh doanh bán lẻ tại ngân hàng BTA, thành viên danh dự của Hiệp hội Bất động sản Mát xơ va. Ông được bổ nhiệm vị trí Giám đốc Khối DVNH & TCCN từ tháng 09 năm 2013



Bà Phạm Vũ Minh Đan (Alexis)

Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực

Tốt nghiệp Trường Đại học Nanyang Technological tại Singapore, bà có hơn 10 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực nhân sự chuyên nghiệp ở tập đoàn đa quốc gia British American Tobacco (BAT), từng đảm nhiệm nhiều vị trí quan trọng trong mảng Quản trị Nguồn nhân lực của các tập đoàn trong nước cũng như khu vực. Bà đảm nhiệm vị trí Giám đốc Nhân tài Khu vực Châu Á – Thái Bình Dương tại BAT trước khi được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Quản trị Nguồn nhân lực từ tháng 01 năm 2015.



Ông Nguyễn Đăng Thanh

Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp

Tốt nghiệp cử nhân Đại học Kinh tế Thành phố Hồ Chí Minh, Ông từng giữ nhiều vị trí quản lý trong 13 năm làm việc tại Sacombank như Giám đốc Marketing, Giám đốc Nhân sự, Phó giám đốc Chi nhánh Sài Gòn, Trưởng phòng Kế hoạch, Giám đốc Khối Điều hành, Giám đốc Trung tâm thẻ và Phó Tổng giám đốc phụ trách kinh doanh. Ông Đăng Thanh gia nhập Techcombank với vị trí Giám đốc Kinh doanh miền Nam từ tháng 05 năm 2012 và là Thường trực Ban điều hành miền Nam từ đó. Vào tháng 10 năm 2013, Ông được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp.



Bà Kunsulu Kapbassova

Giám đốc Khối Tiếp thị và Xây dựng Thương hiệu

Tốt nghiệp Học viện Quản trị quốc gia Kazakhstan và nhiều chương trình đào tạo về quản lý tài chính của các tổ chức đào tạo Quốc tế. Bà có gần 20 năm kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, trong đó có 5 năm làm Giám đốc Marketing của Kazkometbank - ngân hàng lớn nhất Kazakhstan. Ngoài ra, Bà Kunsulu cũng đã từng đảm nhiệm các vị trí quản lý cao cấp khác như Phó Chủ tịch, Giám đốc điều hành, Giám đốc khối tín dụng cá nhân của các ngân hàng, tổ chức tài chính lớn nhất của Kazakhstan. Bà được bổ nhiệm làm Giám đốc Khối Tiếp thị và Xây dựng Thương hiệu Techcombank từ tháng 07 năm 2014.

Trách nhiệm của Ban Điều Hành đối với các báo cáo tài chính hợp nhất

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều Hành cần phải:

- ◆ Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- ◆ Thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- ◆ Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- ◆ Lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Điều Hành chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với hệ thống kế toán đã được áp dụng. Ban Điều Hành cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Điều Hành cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ CỦA BAN ĐIỀU HÀNH

Theo ý kiến của Ban Điều Hành các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Điều Hành:



Murat Yuldashev

Giám Đốc Điều Hành

Ngày 16 tháng 03 năm 2015

Ban Điều Hành Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (được gọi tắt là "Ngân hàng") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Quản trị Rủi ro

Tiếp tục đẩy mạnh xây dựng văn hóa rủi ro, nhận thức và quản trị rủi ro sâu rộng hơn trên toàn Ngân hàng thông qua các hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực đều đặn và liên tục

Nhận thức vai trò thiết yếu của quản trị rủi ro đối với hoạt động của một ngân hàng thương mại, Techcombank xây dựng chiến lược quản trị rủi ro dựa trên các nguyên tắc sau:

- ◆ An toàn trong hoạt động cho vay
- ◆ Đa dạng danh mục cho vay
- ◆ Đơn giản, thuận tiện trong quy trình
- ◆ Cam kết đầu tư vào phát triển con người và hệ thống
- ◆ Các chính sách thận trọng có tầm nhìn dài hạn.

Chiến lược này được chúng tôi xây dựng dựa trên nền tảng hệ thống quản trị rủi ro phù hợp với yêu cầu phát triển kinh doanh và mức độ rủi ro của ngân hàng từng thời kỳ, qua đó nâng cao việc phòng ngừa, giảm thiểu và kiểm soát rủi ro, đồng thời gắn chặt chiến lược quản trị rủi ro với chiến lược kinh doanh chủ chốt của ngân hàng và đảm bảo tính thích ứng của chiến lược với những thay đổi của môi trường bên ngoài. Cùng với việc áp dụng những công cụ tiên tiến cùng các chuẩn mực quốc tế, công tác quản trị rủi ro được chúng tôi áp dụng trong mọi khía cạnh hoạt động ngân hàng với mục tiêu cuối cùng là đảm bảo tính an toàn trong các giao dịch ngân hàng của khách hàng và đảm bảo tính bền vững trong kinh doanh của Techcombank.

Thành tựu nổi bật trong năm 2014

Năm 2014, mặc dù nền kinh tế tiếp tục phải đối mặt với nhiều thách thức, chất lượng danh mục Techcombank đã được cải thiện đáng kể so với

năm 2013 thông qua nhiều biện pháp tăng cường quản trị rủi ro và kiểm soát chất lượng tín dụng. Ngân hàng tiếp tục giảm rủi ro cho bằng cân đối bằng mức trích lập dự phòng phù hợp và bán hơn 1700 tỷ đồng nợ xấu cho VAMC trong năm 2014. Số dư tín dụng được kiểm soát trong phạm vi khẩu vị rủi ro và biên độ chấp nhận rủi ro của ngân hàng. Tỷ lệ an toàn vốn năm 2014 của ngân hàng là 15,65%, cao hơn nhiều so với mức quy định của Ngân hàng nhà nước là 9%. Chúng tôi cũng đã thực hiện quản lý chặt chẽ các rủi ro thanh khoản, rủi ro thị trường, rủi ro hoạt động. Nhờ việc kiểm soát thường xuyên và liên tục, trong năm 2014 Techcombank không nảy sinh rủi ro bất ngờ đáng kể nào.

Để có được những thành công như trên, chúng tôi liên tục cải tiến để đưa hệ thống quản trị rủi ro lên trình độ cao hơn, đồng thời tăng cường phát triển nguồn nhân lực, đẩy mạnh văn hóa rủi ro cũng như tổ chức lại cơ cấu hoạt động của khối QTRR năm 2014. Theo đó, các hoạt động QTRR được cấu trúc theo từng phân khúc kinh doanh nhằm đảm bảo công tác QTRR được cập nhật chủ động hơn và đáp ứng tốt hơn nhu cầu phát triển kinh doanh. Bên cạnh đó, các chính sách qui trình và hệ thống khung QTRR cũng được cải tiến theo hướng quản trị hiệu quả hoạt động kinh doanh và nâng cao tính minh bạch trong hoạt động, đảm bảo thành công của các hoạt động kinh doanh phải được xem xét trong biên độ chấp nhận rủi ro của Ngân hàng. Chúng tôi cũng chú trọng đào tạo và phát triển lực lượng cán bộ theo chuẩn mực quốc tế và nâng cao văn hóa quản trị rủi ro ở các đơn vị kinh doanh.

Dưới đây là các dự án quản trị rủi ro trọng điểm chúng tôi đã thực hiện trong năm 2014:



Tăng cường Khung quản trị rủi ro

Trong năm 2014, Ngân hàng tiếp tục tăng cường Khung quản trị rủi ro bằng việc duy trì hoạt động các Nhóm công tác Quản trị rủi ro (RWG), Nhóm Công tác Quản trị rủi ro Hoạt động (ORWG). Các Nhóm công tác này nhận diện, đánh giá và quản lý tất cả các rủi ro trọng yếu mà ngân hàng phải đối mặt và nêu bật những kế hoạch hành động/khuyến nghị tới Ban điều hành, Hội đồng quản trị.

Khung Khẩu vị rủi ro

Techcombank đã hoàn thiện Khung Khẩu vị Rủi ro mới nhằm hỗ trợ việc chấp nhận rủi ro một cách chọn lọc và hợp lý, đồng thời xác định các ngưỡng biên độ chịu rủi ro của Ngân hàng để làm phương tiện theo dõi rủi ro và ý thức được trách nhiệm quản

trị rủi ro. Khung Khẩu vị Rủi ro phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của Techcombank, với những nguyên tắc quản trị rủi ro cốt lõi như tăng trưởng bền vững, bằng cân đối lành mạnh và rủi ro phải tương thích với thu nhập.

Dự án Basel II

Là một trong 10 ngân hàng được Ngân hàng Nhà nước lựa chọn để triển khai và áp dụng các tiêu chuẩn quản trị rủi ro theo chuẩn mực Basel 2, cùng với sự tư vấn của công ty Ernst and Young, một trong những công ty tư vấn hàng đầu thế giới trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, Techcombank đã hoàn thành toàn bộ giai đoạn đánh giá chênh lệch và đưa ra kế hoạch tổng thể cho các năm tiếp theo.

Văn hóa rủi ro

Mặc dù “Văn hóa rủi ro” là một khái niệm mới, nhưng Techcombank đã nỗ lực tiếp cận và xây dựng văn hóa nhận thức, chịu trách nhiệm và quản lý rủi ro tại tất cả các cấp và các đơn vị trong Ngân hàng từ năm 2014 thông qua các hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực để đảm bảo nguyên tắc “Ba tuyến phòng thủ rủi ro” liên tục được triển khai và mở rộng. Mục tiêu hướng tới là tất cả các lĩnh vực hoạt động của ngân hàng, từ các khối kinh doanh đến các khối hỗ trợ và kiểm toán nội bộ cần phải đảm bảo sự hài hòa giữa công tác quản trị rủi ro với việc cung cấp dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng, và tạo ra lợi nhuận trên cơ sở cân đối giữa rủi ro và lợi nhuận.

Mô hình xếp hạng rủi ro tín dụng

Trong năm 2014, Ngân hàng cũng tiếp tục xây dựng và nâng cấp hệ thống chấm điểm và xếp hạng tín dụng nội bộ đối với các khách hàng cá nhân và doanh nghiệp. Cụ thể, Techcombank xây dựng thêm một mô hình xếp hạng mới cho đối tượng khách hàng phân khúc MSME, dự kiến được triển khai trên toàn hệ thống vào đầu năm 2015.

Bên cạnh đó, chúng tôi đã lên kế hoạch cho dự án thuê tư vấn nước ngoài kiểm định chất lượng của hệ thống xếp hạng của Ngân hàng và thực hiện những điều chỉnh phù hợp nếu cần thiết, tạo tiền đề cho việc thực hiện phân loại nợ theo phương pháp định tính theo lộ trình của Ngân hàng Nhà Nước trong kế hoạch áp dụng chuẩn Basel 2 tại Việt Nam.

Các hoạt động thu hồi nợ

Trong năm 2014, hệ thống quản lý và thu hồi nợ đã được tập trung hoá với các chức năng, chính sách và quy trình rõ ràng thông qua việc triển khai 6 mô hình quản lý thu hồi nợ cho từng phân khúc khách hàng. Chúng tôi cũng đã quản lý và rà soát chất lượng tín dụng một cách hiệu quả thông qua hệ thống cảnh báo sớm và cơ chế rà soát tín dụng, quản lý nợ có vấn đề. Bên cạnh đó, các hoạt động thu nợ tập trung vào công tác kiểm soát và giảm thiểu rủi ro có thể phát sinh, danh mục nợ có vấn đề cũng được định kỳ rà soát để có những giải pháp thích hợp.

Quản lý những yếu tố bất ngờ

Năm 2014, Techcombank tiếp tục xây dựng và triển khai kế hoạch kinh doanh liên tục (BCP), bao gồm việc đào tạo cho CBNV Techcombank tăng khả năng và sẵn sàng ứng phó với các sự cố bất ngờ xảy ra do những nguyên nhân khách quan hay thiên tai, như hỏa hoạn, lũ lụt, động đất, dịch bệnh, và khủng bố thông qua truyền thông và các buổi diễn tập sự kiện thảm họa. Chúng tôi cũng đã thiết lập các biện pháp ứng phó với các rủi ro vận hành khác, như việc gián đoạn nguồn cung cấp, sự cố hay lỗi của hệ thống máy tính.

Các mục tiêu chính trong năm 2015

Năm 2015, chúng tôi tiếp tục củng cố phần nền tảng vững chắc này của Ngân hàng đồng thời đảm

bảo các chiến lược tăng trưởng được triển khai phù hợp với biên độ chịu rủi ro của Ngân hàng. Các chủ đề chính trong chiến lược quản trị rủi ro năm 2015 bao gồm:

Triển khai dự án Basel 2

Với mục tiêu hoàn thành Phương pháp Tiêu chuẩn vào cuối năm, nội dung triển khai Basel II năm 2015 sẽ xoay quanh việc triển khai các yếu tố định tính, định lượng, triển khai hệ thống và tăng cường văn hóa rủi ro. Ngoài ra để hướng tới chuẩn Basel II tiên tiến hơn vào năm 2018, chúng tôi sẽ tiến hành thuê tư vấn kiểm định và nâng cấp mô hình tín dụng, nâng cấp mô hình VaR và mô phỏng động cho ALM đi kèm với phân tích hành vi khách hàng. Các công cụ quản lý rủi ro hoạt động như thu thập dữ liệu tổn thất (LED), tự đánh giá rủi ro và kiểm soát (RCSA) và các chỉ số rủi ro chính (KRI) cũng sẽ được hoàn thiện, bên cạnh việc nâng cấp quản trị chất lượng dữ liệu trong năm 2015.

Tăng cường Khung quản trị rủi ro

Techcombank sẽ tiếp tục tăng cường Khung quản trị rủi ro trong năm 2015 thông qua việc tăng cường phạm vi hoạt động và hiệu quả của các diễn đàn về quản trị rủi ro bao gồm Nhóm công tác Quản trị rủi ro (RWG), Khung quản trị rủi ro vận hành và tăng cường hoạt động của ARCO. Các nghiên cứu phân tích Gap Basel 2 cũng được tiến hành nhằm xây dựng kế hoạch tổng thể và lộ trình để hệ thống khung QTRR đạt chuẩn mực quốc tế.

Tiếp tục xây dựng văn hóa rủi ro

Phát huy những thành tựu đạt được trong công tác xây dựng Khung quản trị rủi ro cũng như những tiến bộ khả quan trong việc xây dựng văn hóa quản trị rủi ro toàn Ngân hàng, chúng tôi tiếp tục đẩy mạnh việc nâng cao nhận thức về quản trị rủi ro tới các cấp, các đơn vị trên toàn ngân hàng thông qua các hoạt động đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.

Cải tiến đối với quản trị danh mục và nhận diện rủi ro

Techcombank sẽ tiếp tục xây dựng và cải thiện công tác quản trị danh mục và nhận diện rủi ro thông qua việc nâng cấp Hệ thống cảnh báo sớm

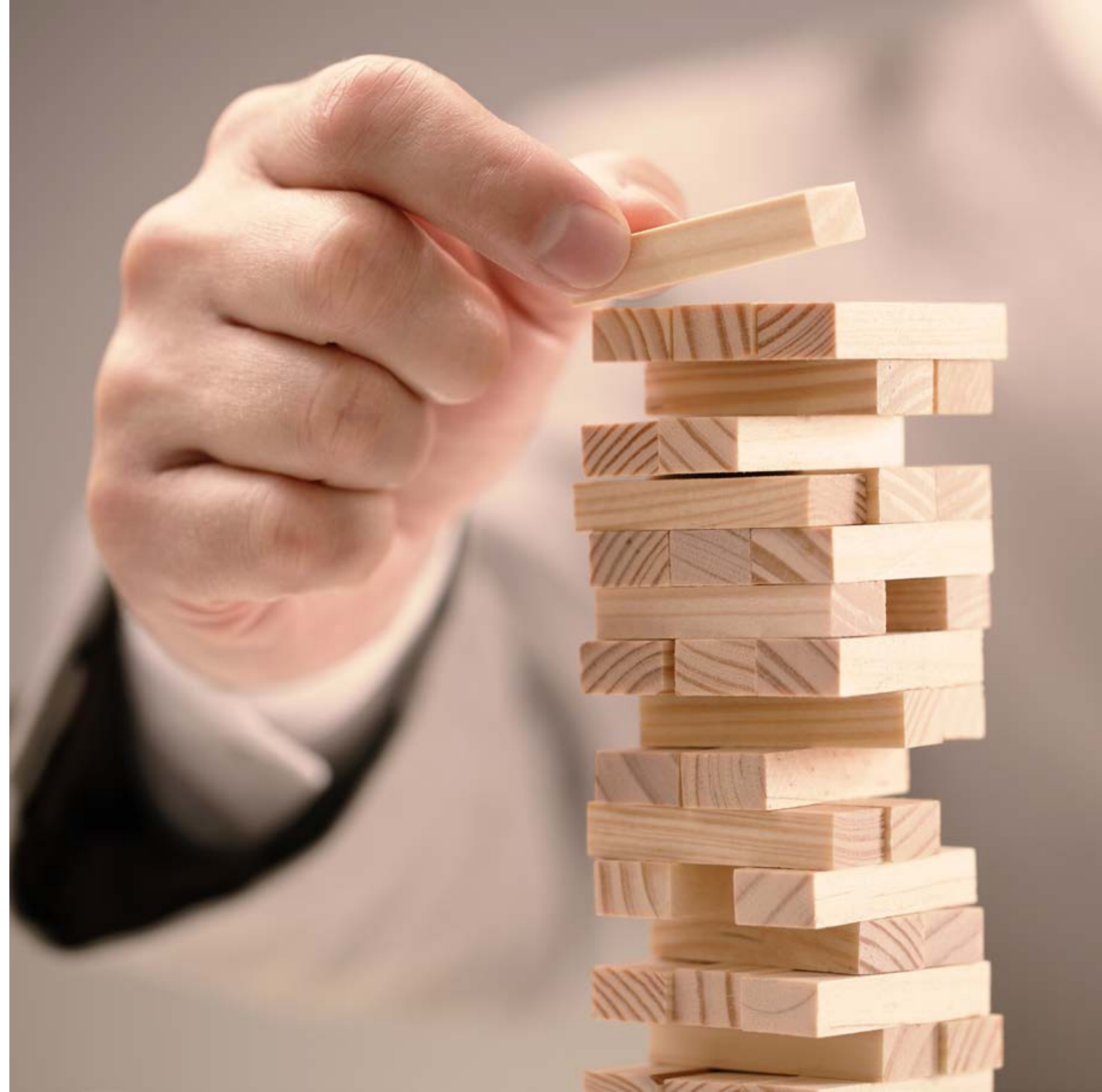
(EWS) nhằm đảm bảo rằng các vấn đề tín dụng tiềm tàng của khách hàng sẽ được nhận diện ở giai đoạn sớm nhất, xây dựng một kho dữ liệu để cải thiện tính toàn vẹn và chất lượng thông tin, đặc biệt là thông tin tín dụng, làm nền tảng vững chắc để xây dựng các mô hình tín dụng và các kỹ thuật tiên tiến để theo dõi khoản vay.

Phân loại nợ và xây dựng mô hình tín dụng

Chúng tôi tiếp tục phát triển và hoàn thiện hệ thống phân loại nợ và xếp hạng khách hàng, bao gồm việc xây dựng các mô hình xếp hạng tín dụng đối với từng phân khúc, tạo tiền đề cho những mô hình đánh giá tín dụng tiên tiến hơn và phù hợp với yêu cầu của Basel II, đồng thời giúp ngân hàng lượng hóa được các rủi ro gặp phải.

Đầu tư vào cơ sở hạ tầng rủi ro

Năm 2015, chúng tôi tiếp tục chú trọng đầu tư các hệ thống công nghệ mới để hỗ trợ cho công tác quản trị rủi ro của mình, bao gồm việc triển khai Hệ thống quản lý hạn mức tín dụng và tài sản bảo đảm, cải tiến Hệ thống Khởi tạo Khoản vay cho khách hàng doanh nghiệp, nâng cấp hệ thống theo dõi các giao dịch Treasury, và xây dựng Hệ thống thông tin quản lý khách hàng và tín dụng cho khách hàng Doanh nghiệp.



Quản lý Tuân thủ

Quản trị rủi ro dựa trên hoạt động quản lý tuân thủ hiệu quả trong nội bộ toàn hệ thống ngân hàng là một trong những trọng tâm của Ngân hàng nhằm hướng tới mục tiêu phát triển kinh doanh bền vững.

Techcombank tập trung toàn bộ hoạt động quản lý tuân thủ của hệ thống tại Khối Tuân thủ, Quản trị rủi ro hoạt động và Pháp chế, với định hướng dài hạn sau:

- ◆ Xây dựng hệ thống kiểm soát rủi ro hoạt động và rủi ro tuân thủ rõ ràng, hiệu quả, theo chuẩn mực quốc tế
- ◆ Phát triển hệ thống hỗ trợ pháp lý gắn chặt với kinh doanh, cảnh báo, đón đầu các cơ hội kinh doanh từ sự thay đổi pháp luật
- ◆ Định hướng ngân hàng tuân thủ nhất trong mắt nhà quản lý

Năm 2014

Với mục tiêu rõ ràng và hỗ trợ tích cực định hướng chung của Ngân hàng, năm 2014, mảng quản lý tuân thủ đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận, góp phần vào thành công chung của tuyến kinh doanh cũng như vận hành toàn hệ thống. Hệ thống kiểm soát được hoạt động đồng bộ và gắn kết trên cả 3 tuyến phòng thủ (các đơn vị kinh doanh/hỗ trợ, vận hành tại tuyến phòng thủ thứ nhất, các bộ phận có chức năng kiểm soát tại tuyến phòng thủ thứ hai, và Kiểm toán nội bộ từ tuyến phòng thủ thứ ba), đặc biệt với sự tham gia từ tuyến phòng thủ số một, 5 của bộ phận Vận hành chi nhánh và Kiểm soát tuân thủ Vùng đã góp phần tích cực trong việc nhận diện sớm rủi ro, giúp giảm thiểu đáng kể các vị phạm nghiêm trọng và từng bước kiểm soát việc khắc phục tổn thất.

Công tác quản trị rủi ro hoạt động cũng được định hình qua việc hoàn thiện công cụ chính sách, xây dựng lộ trình triển khai các quy định an toàn vốn Basel II (được ban hành bởi Ủy ban Basel về giám sát ngân hàng) cùng sự tăng cường giám sát, điều

phối xử lý khắc phục rủi ro cao góp phần cải thiện trạng thái Bản đồ nhiệt Rủi ro (Heatmap) toàn ngân hàng. Với các rủi ro có liên quan đến nhiều khối/đơn vị, bộ phận Quản trị rủi ro hoạt động đã giữ vai trò chủ trì phân định trách nhiệm, thống nhất hướng xử lý và là đầu mối tổng hợp thông tin, tiến độ thực hiện các giải pháp. Nhờ đó, trong năm 2014, các rủi ro phát sinh đều được nhận diện sớm và xử lý ngay từ giai đoạn đầu, toàn hệ thống không xuất hiện rủi ro hoạt động lớn.

Năm 2014 cũng là năm được đánh dấu với mục tiêu nâng cao văn hóa tuân thủ, quản trị rủi ro hoạt động tại tất cả các đơn vị trên toàn hệ thống. Mục tiêu này được triển khai thông qua hàng loạt các hoạt động truyền thông, đào tạo rộng khắp trên toàn hệ thống, sâu sát tới từng cấp chuyên viên. Hơn 30 buổi roadshow đào tạo trực tiếp tại 16 Vùng thuộc S&D; hơn 20 buổi đào tạo nội bộ với các chủ đề nghiệp vụ chuyên sâu như Giao dịch phái sinh, Bảo lãnh trong ngân hàng, chủ thể pháp lý trong giao dịch và các vấn đề trong giao dịch dân sự... với sự tham gia chia sẻ của các giảng viên nội bộ và

đại diện các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan đã được tổ chức thành công, góp phần nâng cao đáng kể nhận thức về quản trị rủi ro cũng như văn hóa tuân thủ tại các bộ phận từ kinh doanh đến hỗ trợ. Các giải thưởng về tuân thủ dành cho các cá nhân và tập thể tiêu biểu cũng đã được trao để ghi nhận những đóng góp tích cực từ những cá nhân, góp phần xây dựng nền tảng về ý thức tuân thủ của toàn ngân hàng

Những nỗ lực trên của các CBNV và bộ phận toàn ngân hàng đã giúp chỉ số tuân thủ năm 2014 được cải thiện rõ rệt. Tỷ lệ Rủi ro cao trong danh mục Rủi ro hoạt động toàn hàng được đẩy xuống mức thấp và kiểm soát tốt. Số liệu tổn thất giảm xuống đáng kể so với 2013 (58%), công tác thu hồi tổn thất cũng được thực hiện hiệu quả hơn với 97% giá trị tổn thất thu hồi được (so với mức 14% của năm 2013). Hoạt động kiểm soát tuân thủ đã thực sự góp phần tạo nên nền tảng vững chắc để từ đó thúc đẩy hoạt động bán hàng và cung cấp các dịch vụ tốt nhất tới khách hàng, hướng tới kinh doanh bền vững cho toàn hệ thống.

Kế hoạch 2015

Để tiếp tục hoàn thành mục tiêu Kiểm soát tuân thủ và quản trị rủi ro hoạt động, trong năm 2015, Ngân hàng tập trung vào các nhiệm vụ sau:

- ◆ Tiếp tục triển khai khung Quản trị Rủi ro Hoạt động theo chuẩn mực Basel và thông lệ quản trị tốt nhất qua việc hoàn tất xây dựng Khẩu vị Rủi ro Hoạt động, cải thiện các công cụ quản trị cơ bản như thu thập và quản lý Dữ liệu Tổn thất (LDC), Tự đánh giá Rủi ro và các Chốt Kiểm soát (RCSA), Chỉ số Rủi ro chính (KRI), thống nhất phương pháp luận và mô hình đánh giá Rủi ro của ba tuyến phòng thủ (gồm Kiểm toán nội bộ, Kiểm tra/Quản trị rủi ro hoạt động và các đơn vị kinh doanh), đối chiếu các mảng kinh doanh nghiệp vụ ngân hàng theo Basel.
- ◆ Đẩy mạnh công tác Kiểm tra cả về số lượng và chất lượng nhằm kiểm soát tốt hơn việc tuân thủ cũng như nhận diện sớm các rủi ro tiềm ẩn trong môi trường vĩ mô còn nhiều biến động. Trọng tâm này được thực hiện qua việc duy trì công tác kiểm tra trực tiếp đơn vị kinh doanh/mảng nghiệp vụ chiến lược hoặc tiềm ẩn rủi ro cao, cũng như hỗ trợ đào tạo, phối hợp cùng triển khai và kiểm soát chất lượng công tác của các chức danh kiểm tra, kiểm soát tại Tuyến phòng thủ thứ nhất.
- ◆ Tiếp tục hoàn thiện sự kết nối giữa tất cả các tuyến phòng thủ, kết nối với chiến lược phát triển của ngân hàng được triển khai qua việc

đầu tư vào công nghệ (Weblog, phần mềm chuyên dụng Quản trị Rủi ro Tuân Thủ (GRC) và/hoặc Quản trị Rủi ro Hoạt động) nhằm gia tăng hiệu quả công việc, đáp ứng mục tiêu quản trị tuân thủ/rủi ro hoạt động trung dài hạn của ngân hàng.

- ◆ Tiếp tục cải thiện Văn hóa, nhận thức tuân thủ hướng tới tất cả lĩnh vực hoạt động của ngân hàng và đảm bảo sự hài hòa giữa công tác tuân thủ, quản trị rủi ro hoạt động với việc cung cấp sản phẩm dịch vụ chất lượng cao cho khách hàng cũng như tạo ra lợi nhuận trên cơ sở cân đối giữa rủi ro và lợi nhuận.

Việc nâng cao ý thức tuân thủ, pháp lý, quản trị Rủi ro hoạt động toàn ngân hàng sẽ được thực hiện qua chiến lược truyền thông toàn diện, với sự phối hợp cùng Marketing và trên nền tảng tương tác hai chiều để chuyển tải kiến thức pháp luật, rủi ro hoạt động, các cảnh báo và bài học kinh nghiệm rộng khắp trên hệ thống. Cùng với chiến lược này là các biện pháp đào tạo, hội thảo, sát hạch năng lực tuân thủ theo từng chức danh, điều chỉnh các chỉ tiêu tuân thủ trong bộ chỉ tiêu đánh giá của các Khối kinh doanh/ hỗ trợ.





Báo Cáo Thường Niên 2014
Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính

Báo cáo kiểm toán độc lập	77
Bảng cân đối kế toán hợp nhất	78
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	81
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	82
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất	84

Kính gửi các Cổ đông

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN KỸ THƯƠNG VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Ngân hàng”) và các công ty con (gọi chung là “Techcombank”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Điều hành Ngân hàng phê duyệt phát hành ngày 16 tháng 3 năm 2015, được trình bày từ trang 6 đến trang 79.

Trách nhiệm của Ban Điều Hành

Ban Điều hành Ngân hàng chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Điều hành xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên các xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của đơn vị liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của ban điều hành, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Techcombank cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác và công ty kiểm toán này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hợp nhất đó trong báo cáo kiểm toán ngày 22 tháng 3 năm 2014.

Công ty TNHH KPMG Việt Nam

Giấy Chứng nhận Đầu tư số: 011043000345

Báo cáo kiểm toán số: 14-02-047/5



Trần Đình Vinh
Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 0339-2013-007-1

Hà Nội, ngày 16 tháng 3 năm 2015

Nguyễn Minh Hiếu
Kiểm toán viên
Số giấy CNĐKHN kiểm toán: 1572-2013-007-1

	Thuyết minh	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
A TÀI SẢN			
I Tiền mặt và vàng	5	2.723.642	2.291.494
II Tiền gửi tại Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”)	6	1.168.265	2.830.794
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	18.922.460	15.420.747
1. Tiền, vàng gửi tại các tổ chức tín dụng khác		9.588.234	11.856.655
2. Cho vay các tổ chức tín dụng khác		9.343.996	3.599.224
3. Dự phòng tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác		(9.770)	(35.132)
IV Chứng khoán kinh doanh	8	2.086.246	919.608
1. Chứng khoán kinh doanh		2.089.318	921.035
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh		(3.072)	(1.427)
VI Cho vay khách hàng		79.347.790	69.088.680
1. Cho vay khách hàng	10	80.307.567	70.274.919
2. Dự phòng rủi ro cho vay khách hàng	11	(959.777)	(1.186.239)
VII Chứng khoán đầu tư	12	54.978.730	49.845.591
1. Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		49.704.301	46.169.754
2. Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		6.197.583	3.693.837
3. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư		(923.154)	(18.000)
VIII Góp vốn, đầu tư dài hạn	13	693.788	128.625
4. Đầu tư dài hạn khác		697.630	128.625
5. Dự phòng giảm giá góp vốn đầu tư dài hạn		(3.842)	-
IX Tài sản cố định		1.036.505	1.032.737
1. Tài sản cố định hữu hình	14	657.032	656.656
a Nguyên giá		1.361.399	1.234.437
b Giá trị hao mòn lũy kế		(704.367)	(577.781)
3. Tài sản cố định vô hình	15	379.473	376.081
a Nguyên giá		624.331	552.644
b Giá trị hao mòn lũy kế		(244.858)	(176.563)
X Bất động sản đầu tư	16	1.389.389	1.421.469
a Nguyên giá		1.489.656	1.484.363
b Giá trị hao mòn lũy kế		(100.267)	(62.894)
XI Tài sản Có khác	17	13.554.979	15.916.918
1. Các khoản phải thu		10.376.418	10.345.060
2. Các khoản lãi, phí phải thu		3.341.124	5.256.518
3. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	31	17.498	28.578
4. Tài sản có khác		606.412	337.896
5. Dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác		(786.473)	(51.134)
TỔNG TÀI SẢN		175.901.794	158.896.663

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

	Thuyết minh	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
B NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU			
NỢ PHẢI TRẢ			
II Tiền gửi và vay các tổ chức tín dụng khác	18	19.471.408	15.224.974
1. Tiền gửi của các tổ chức tín dụng khác		7.846.677	4.565.048
2. Vay các tổ chức tín dụng khác		11.624.731	10.659.926
III Tiền gửi của khách hàng	19	131.689.810	119.977.924
IV Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	9	18.409	73.157
V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro		67.266	64.137
VI Phát hành giấy tờ có giá	20	6.253.623	5.643.295
VII Các khoản nợ khác	21	3.415.228	3.993.107
1. Các khoản lãi, phí phải trả		1.907.877	1.861.191
3. Các khoản phải trả và nợ khác		1.507.351	2.020.106
4. Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng		-	111.810
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ		160.915.744	144.976.594
VỐN CHỦ SỞ HỮU			
VIII Vốn và các quỹ	22	14.986.050	13.920.069
1. Vốn		8.878.079	8.878.079
a Vốn cổ phần		8.878.079	8.878.079
2. Các quỹ		4.551.560	4.372.389
5. Lợi nhuận chưa phân phối		1.556.411	669.601
TỔNG VỐN CHỦ SỞ HỮU		14.986.050	13.920.069
TỔNG NỢ PHẢI TRẢ VÀ VỐN CHỦ SỞ HỮU		175.901.794	158.896.663

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
I NGHĨA VỤ NỢ TIỀM ẨN	15.876.067	20.578.532
1. Bảo lãnh vay vốn	5.953	7.297
2. Thư tín dụng	8.535.196	9.240.217
3. Bảo lãnh khác	7.334.918	11.331.018
II CAM KẾT KHÁC	28.422.783	14.278.177
1. Cam kết cho vay chưa giải ngân	-	476
2. Cam kết khác	2.381.836	5.517.418
3. Các hợp đồng mua bán ngoại tệ chưa đến hạn	26.040.947	8.760.283

Người lập



Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người duyệt



Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán, Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Chiến lược



Đỗ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

	Thuyết minh	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự	23	12.931.617	13.281.305
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự	23	(7.158.987)	(8.945.643)
I Thu nhập lãi thuần	23	5.772.630	4.335.662
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ	24	1.665.405	1.150.038
4. Chi phí hoạt động dịch vụ	24	(542.822)	(413.795)
II Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	24	1.122.583	736.243
III Lãi/(lỗ) thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	25	22.898	(121.501)
IV Lãi thuần từ mua bán chứng khoán kinh doanh	26	97.227	105.137
V Lãi thuần từ mua bán chứng khoán đầu tư	27	77.654	160.910
5. Thu nhập từ hoạt động khác	28	985.922	738.646
6. Chi phí hoạt động khác	28	(977.475)	(324.514)
VI Thu nhập thuần từ hoạt động khác	28	8.447	414.132
VII Thu nhập từ góp vốn, mua cổ phần		4.993	17.253
VIII Chi phí hoạt động	29	(3.431.045)	(3.355.666)
IX Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh trước chi phí dự phòng rủi ro tín dụng		3.675.387	2.292.170
X Chi phí dự phòng rủi ro tín dụng	30	(2.258.366)	(1.413.964)
XI Tổng lợi nhuận trước thuế		1.417.021	878.206
7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	31	(324.083)	(213.146)
8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	31	(11.080)	(5.989)
XII Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	31	(335.163)	(219.135)
XIII Lợi nhuận sau thuế		1.081.858	659.071
XV Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	32	983	600

Người lập



Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người duyệt



Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán, Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Chiến lược

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này



Đỗ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH		
1. Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự nhận được	14.847.011	13.919.984
2. Chi phí lãi và các chi phí tương tự đã trả	(7.112.301)	(9.153.635)
3. Thu nhập từ hoạt động dịch vụ nhận được	1.122.583	736.243
4. Số tiền thực thu thuần từ hoạt động kinh doanh ngoại tệ, vàng và chứng khoán	197.779	144.546
5. Thu nhập khác nhận được	8.447	(1.294.019)
6. Tiền thu các khoản nợ đã được xử lý bằng nguồn rủi ro	54.826	63.392
7. Tiền chi trả cho nhân viên và hoạt động quản lý, công vụ	(3.104.451)	(1.292.795)
8. Tiền thuế thu nhập thực nộp trong năm	(217.534)	(38.545)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi về tài sản và nợ hoạt động	5.796.360	3.085.171
Những thay đổi về tài sản hoạt động		
9. Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	(2.908.996)	13.288.145
10. Chứng khoán đầu tư và chứng khoán kinh doanh	(5.621.629)	(1.171.702)
11. Các công cụ tài chính phái sinh và các tài sản tài chính khác	-	40.868
12. Cho vay và ứng trước cho khách hàng	(8.583.308)	(2.013.477)
13. Giảm nguồn dự phòng để bù đắp tổn thất các khoản	(1.451.867)	(1.377.891)
14. Tài sản hoạt động khác	(1.497.483)	4.619.273
Những thay đổi về nợ hoạt động		
16. Tiền gửi và vay từ các tổ chức tín dụng khác	4.246.434	(23.945.431)
17. Tiền gửi của khách hàng	11.711.886	8.515.636
18. Phát hành giấy tờ có giá	610.328	(4.807.548)
19. Các khoản vốn tài trợ, ủy thác, đầu tư cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	3.129	(63.816)
20. Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	(54.748)	73.157
21. Nợ hoạt động khác	(626.782)	(1.317.119)
22. Chi từ các quỹ	(2.216)	(436)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	1.621.108	(5.075.170)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ		
1. Mua sắm tài sản cố định	(187.647)	(202.299)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	11.434	677
4. Tiền mua sắm bất động sản đầu tư	(8.736)	(129.902)
7. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	(570.405)	(35.800)
9. Tiền thu cổ tức và lợi nhuận được chia từ các khoản đầu tư, góp vốn dài hạn	4.993	17.253
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ	(750.361)	(350.071)
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TRONG NĂM	870.747	(5.425.241)
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM ĐẦU NĂM	17.196.728	22.621.969
TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN TẠI THỜI ĐIỂM CUỐI NĂM (Thuyết minh 33)	18.067.475	17.196.728

Người lập

Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 3 năm 2015

Người duyệt

Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán, Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Chiến lược



Đỗ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành báo cáo tài chính hợp nhất này

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với các báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. ĐƠN VỊ BÁO CÁO

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Ngân hàng”) là một ngân hàng thương mại cổ phần được thành lập và đăng ký tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Ngân hàng được thành lập theo Giấy phép hoạt động Ngân hàng số 0040/NH-GP do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (“NHNNVN”) cấp ngày 6 tháng 8 năm 1993 và Giấy chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 055697 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 7 tháng 9 năm 1993. Thời gian hoạt động của Ngân hàng được gia hạn thành 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do NHNNVN cấp ngày 8 tháng 10 năm 1997.

Các hoạt động chính của Ngân hàng bao gồm huy động và nhận tiền gửi ngắn, trung và dài hạn từ các tổ chức và cá nhân; cung cấp tín dụng ngắn, trung và dài hạn dựa trên tính chất và khả năng cung ứng nguồn vốn của Ngân hàng; thực hiện các nghiệp vụ thanh toán và ngân quỹ và các dịch vụ ngân hàng khác được NHNNVN cho phép; thực hiện góp vốn, mua cổ phần, đầu tư trái phiếu và kinh doanh ngoại tệ theo quy định của pháp luật.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, vốn cổ phần của Ngân hàng là 8.878.079 triệu Đồng. Ngân hàng đã phát hành 887.807.871 cổ phiếu phổ thông với mệnh giá của mỗi cổ phiếu là 10.000 Đồng.

Hội sở chính của Ngân hàng đặt tại 191 Bà Triệu, Hà Nội. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng có một (1) Hội sở chính, hai (2) văn phòng đại diện, ba trăm mười hai (312) điểm giao dịch trên cả nước và ba (3) công ty con.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Ngân hàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và cho năm kết thúc cùng ngày bao gồm báo cáo tài chính của Ngân hàng và các công ty con (sau đây gọi chung là “Techcombank”).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Ngân hàng có ba (3) công ty con như sau:

Các công ty con	Giấy phép hoạt động	Hoạt động kinh doanh	% sở hữu của Ngân hàng
Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương	98/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 18/9/2008	Các hoạt động chứng khoán	100%
Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam	0104003519 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp ngày 18/6/2008	Quản lý nợ và khai thác tài sản	100%
Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương	40/UBCK-GP do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 21/10/2008	Quản lý quỹ	100%

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Techcombank có 7.419 nhân viên (ngày 31 tháng 12 năm 2013: 7.290 nhân viên).

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam áp dụng cho các Tổ chức Tín dụng do NHNNVN ban hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Các chuẩn mực và quy định pháp lý này có thể khác biệt trên một số khía cạnh trọng yếu so với các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các quốc gia khác. Do đó, báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và các luồng lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được thừa nhận rộng rãi ở các nước và các quyền tài phán khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm dành cho những đối tượng sử dụng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán của Việt Nam.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp trực tiếp.

(c) Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Techcombank từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và trình bày bằng Đồng Việt Nam, được làm tròn đến hàng triệu gần nhất (“triệu VND”).

3. CÁC THAY ĐỔI VỀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN

Ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán dưới đây, Techcombank đã áp dụng nhất quán các chính sách kế toán được đề cập tại Thuyết minh 4 cho tất cả các kỳ được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất này.

Techcombank đã áp dụng Thông tư số 02/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 21 tháng 1 năm 2013 quy định về việc phân loại các tài sản có, mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro và việc sử dụng dự phòng để xử lý rủi ro trong hoạt động của các tổ chức tín dụng và chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 02”) và Thông tư số 09/2014/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 3 năm 2014 về việc sửa đổi và bổ sung một số điều của Thông tư 02 (“Thông tư 09”) có hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 6 năm 2014 trên cơ sở phi hồi tố.

Việc áp dụng Thông tư 02 và Thông tư 09 ảnh hưởng đến những chính sách kế toán sau:

- Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác – phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng (Thuyết minh 4(d));
- Chứng khoán kinh doanh – dự phòng giảm giá (Thuyết minh 4(e));
- Cho vay khách hàng – phân loại nợ và trích lập dự phòng rủi ro tín dụng (Thuyết minh 4(h) và 4(i));
- Dự phòng rủi ro cho các cam kết ngoại bảng (Thuyết minh 4(k));
- Dự phòng giảm giá các chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 4(f)); và
- Dự phòng đối với số tiền chưa thu được từ các khoản nợ đã bán (Thuyết minh 4(p)).

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Techcombank áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất

(i) Công ty con

Các công ty con là những công ty mà Ngân hàng có khả năng quyết định các chính sách tài chính và chính sách hoạt động. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất từ ngày Ngân hàng có được quyền kiểm soát các công ty này. Báo cáo của công ty con sẽ không được hợp nhất từ ngày Ngân hàng không còn kiểm soát các công ty này.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư nội bộ, giao dịch và lợi nhuận chưa thực hiện trên giao dịch nội bộ giữa các công ty con và Ngân hàng được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Lỗ chưa thực hiện cũng được loại trừ, ngoại trừ trường hợp giao dịch thể hiện sự giảm giá của tài sản được chuyển giao. Các chính sách kế toán của các công ty con cũng được điều chỉnh khi cần thiết nhằm đảm bảo tính nhất quán với các chính sách kế toán được Ngân hàng áp dụng.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Tất cả các nghiệp vụ phát sinh được hạch toán theo nguyên tệ. Các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá áp dụng tại ngày lập bảng cân đối kế toán, các khoản mục phi tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra Đồng Việt Nam theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại tài khoản kinh doanh ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các giao dịch liên quan đến thu nhập/chi phí bằng ngoại tệ được hạch toán bằng Đồng Việt Nam trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, vàng, tiền gửi tại NHNNVN, tín phiếu Chính phủ và các giấy tờ có giá ngắn hạn khác đủ điều kiện tái chiết khấu với NHNNVN, tiền gửi tại các tổ chức tín dụng khác không kì hạn và đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày gửi và chứng khoán có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua.

Vàng được đánh giá lại tại thời điểm lập báo cáo tài chính và chênh lệch do đánh giá lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(d) Các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2014

Việc phân loại rủi ro tín dụng đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và trích lập dự phòng tương ứng được thực hiện theo quy định tại Thông tư 02 và Thông tư 09. Theo đó, Techcombank trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác theo phương pháp nêu tại Thuyết minh 4(i).

Theo Thông tư 02, Techcombank không cần phải trích lập dự phòng chung đối với các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác.

Trước ngày 1 tháng 6 năm 2014

Techcombank áp dụng Thông tư số 21/2012/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2012 về hoạt động cho vay, đi vay; mua, bán có kỳ hạn giấy tờ có giá giữa các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài (“Thông tư 21”) và Thông tư số 01/2013/TT-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 7 tháng 1 năm 2013 về sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 21. Theo đó Techcombank trích lập dự phòng cho các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác tương tự với phương pháp áp dụng cho việc tính dự phòng cho vay khách hàng theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN ngày 22 tháng 4 năm 2005 (“Quyết định 493”) và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN ngày 25 tháng 4 năm 2007 (“Quyết định 18”) của Thống đốc NHNNVN như được trình bày tại Thuyết minh 4(h).

Khi áp dụng thay đổi về chính sách kế toán này, Techcombank đã hoàn nhập dự phòng chung với số tiền 35.132 triệu VND cho các khoản tiền gửi (trừ tiền gửi thanh toán) và cho vay các tổ chức tín dụng khác trong năm. Đồng thời, Techcombank đã trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác trong năm với số tiền 9.770 triệu VND.

(e) Chứng khoán kinh doanh

(i) Phân loại và ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn, được mua với mục đích kinh doanh. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

(ii) Đo lường

Chứng khoán vốn kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đối với chứng khoán vốn kinh doanh chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên Upcom, dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ được hạch toán theo giá trị ghi sổ tại thời điểm xác định giá thị trường.

Chứng khoán nợ kinh doanh niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán xác định dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2014

Chứng khoán nợ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro tín dụng theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4(i).

Trước ngày 1 tháng 6 năm 2014

Chứng khoán nợ kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ dự phòng rủi ro dựa trên thời gian quá hạn của trái phiếu theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 07 tháng 12 năm 2009 về hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp tại doanh nghiệp (“Thông tư 228”) và Thông tư 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013 sửa đổi, bổ sung cho Thông tư 228 (“Thông tư 89”) như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
• Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Từ ba (03) năm trở lên	100%

Việc thay đổi chính sách kế toán này không có ảnh hưởng đối với báo cáo tài chính do Techcombank không nắm giữ chứng khoán kinh doanh là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết tại thời điểm trích lập dự phòng (30 tháng 11 năm 2014).

Dự phòng rủi ro đối với chứng khoán kinh doanh được đề cập ở trên sẽ được hoàn nhập khi việc tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi của chứng khoán kinh doanh là do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được ghi nhận. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập đến mức tối đa bằng giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi chưa lập dự phòng.

Lãi hoặc lỗ từ việc bán chứng khoán kinh doanh được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(iii) Dừng ghi nhận

Chứng khoán kinh doanh được dừng ghi nhận khi các quyền lợi nhận các luồng tiền từ các chứng khoán này đã chấm dứt hoặc Techcombank đã chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(f) Chứng khoán đầu tư

(i) Phân loại

Chứng khoán đầu tư bao gồm chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Techcombank ghi nhận ban đầu chứng khoán đầu tư theo giá gốc. Techcombank phân loại chứng khoán đầu tư tại thời điểm mua. Theo Công văn số 2601/NHNN-TCKT do NHNNVN ban hành ngày 14 tháng 4 năm 2009, đối với khoản mục chứng khoán đầu tư, Techcombank được phép phân loại lại tối đa một lần sau khi mua.

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn

Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn là chứng khoán nợ có kỳ hạn cố định và các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định được, mà Techcombank có ý định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn.

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán

Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán là chứng khoán nợ hoặc chứng khoán vốn được giữ trong thời gian không ấn định trước và có thể được bán trong mọi thời điểm.

(ii) Ghi nhận

Techcombank ghi nhận chứng khoán đầu tư vào ngày Techcombank nhận chuyển phần lớn rủi ro và lợi ích của việc sở hữu các chứng khoán này.

(iii) Đo lường

Chứng khoán vốn

Chứng khoán vốn sẵn sàng để bán niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá đóng cửa tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh và Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Đối với chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết nhưng được giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), dự phòng giảm giá chứng khoán được xác định là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Đối với chứng khoán vốn sẵn sàng để bán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (Upcom), dự phòng giảm giá chứng khoán được tính theo giá bình quân của ba báo giá của ba công ty chứng khoán lớn, có vốn điều lệ trên 300 tỷ đồng. Trong trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán, các chứng khoán sẽ được hạch toán theo giá trị ghi sổ tại thời điểm xác định giá thị trường.

Chứng khoán nợ

Chứng khoán nợ được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm các chi phí giao dịch và các chi phí có liên quan trực tiếp khác. Sau đó, chứng khoán nợ được ghi nhận theo giá gốc được phân bổ (chịu tác động của việc phân bổ giá trị chiết khấu và giá trị phụ trội) trừ đi dự phòng giảm giá. Giá trị phụ trội và giá trị chiết khấu phát sinh từ việc mua các chứng khoán nợ được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng tính từ ngày mua chứng khoán đến ngày đáo hạn của chứng khoán đó.

Lãi sau khi mua của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn niêm yết được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán được tính dựa trên tỷ suất sinh lợi được niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Techcombank xác định giá trị dự phòng của chứng khoán nợ sẵn sàng để bán và giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết còn lại (không bao gồm chứng khoán nợ doanh nghiệp sẵn sàng để bán và giữ đến ngày đáo hạn chưa niêm yết) theo quy định tại Thông tư số 228 và Thông tư 89 như được đề cập tại Thuyết minh 4(e).

Đối với chứng khoán nợ doanh nghiệp chưa niêm yết

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2014

Dự phòng giảm giá chứng khoán nợ đầu tư là trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết đã quá hạn được xác định theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 như được đề cập tại Thuyết minh 4(i).

Trước ngày 1 tháng 6 năm 2014

Techcombank xác định giá trị dự phòng của trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết theo quy định dựa trên thời gian quá hạn tại Thông tư 228 và Thông tư 89 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
<ul style="list-style-type: none">Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
<ul style="list-style-type: none">Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
<ul style="list-style-type: none">Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
<ul style="list-style-type: none">Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
<ul style="list-style-type: none">Từ ba (03) năm trở lên	100%

Khi áp dụng thay đổi về chính sách kế toán này, Techcombank đã trích lập dự phòng chung với số tiền 140.272 triệu VND và dự phòng cụ thể với số tiền là 319.247 triệu VND cho các khoản trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trong năm.

(iv) Trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam phát hành

Trái phiếu đặc biệt do Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam (“VAMC”) phát hành là giấy tờ có giá có thời hạn do VAMC phát hành để mua nợ xấu của Ngân hàng. Trái phiếu đặc biệt này được phân loại là chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn. Trái phiếu đặc biệt được ghi nhận theo mệnh giá vào ngày giao dịch và sau đó được phân ánh theo mệnh giá trừ dự phòng rủi ro. Mệnh giá của trái phiếu đặc biệt được phát hành tương ứng với khoản nợ xấu được bán và là số dư nợ gốc của khách hàng vay chưa trả trừ đi số tiền dự phòng cụ thể đã trích lập nhưng chưa sử dụng của khoản nợ xấu đó.

Thực hiện yêu cầu của Thông tư số 19/2013/TT-NHNN ban hành ngày 6 tháng 9 năm 2013 quy định về việc mua, bán và xử lý nợ xấu của Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng Việt Nam, Ngân hàng trích lập dự phòng rủi ro cho trái phiếu đặc biệt với tỷ lệ dự phòng tối thiểu hằng năm được tính bằng mệnh giá trái phiếu chia cho thời hạn của trái phiếu (hiện là 5 năm). Ngân hàng phân bổ chi phí dự phòng này định kỳ hàng tháng. Dự phòng rủi ro được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(g) Các khoản đầu tư dài hạn

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản góp vốn dài hạn vào các công ty khác và Techcombank không nắm quyền kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể. Các khoản đầu tư dài hạn này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc tại thời điểm đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư dài hạn khác

Dự phòng giảm giá cho các khoản đầu tư được lập trong trường hợp các tổ chức kinh tế này gặp thua lỗ, ngoại trừ trường hợp lỗ được dự báo trước trong kế hoạch kinh doanh của các đơn vị trước khi đầu tư. Dự phòng giảm giá được tính bằng tổng vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế (theo mệnh giá) trừ (-) vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ sở hữu của Techcombank (theo mệnh giá) tại tổ chức kinh tế. Dự phòng được hoàn nhập khi các giá trị có thể thu hồi của chứng khoán tăng trở lại sau khi lập dự phòng. Khoản dự phòng được ghi nhận hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(h) Cho vay khách hàng

Các khoản cho vay khách hàng được trình bày theo số dư nợ gốc trừ đi dự phòng rủi ro cho vay khách hàng.

Các khoản cho vay ngắn hạn là các khoản có thời hạn cho vay dưới 1 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay trung hạn có thời hạn cho vay từ 1 năm đến 5 năm tính từ ngày giải ngân. Các khoản cho vay dài hạn có thời hạn cho vay trên 5 năm tính từ ngày giải ngân.

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2014

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Thông tư 02 và Thông tư 09 như trình bày trong Thuyết minh 4(i).

Trước ngày 1 tháng 6 năm 2014

Việc phân loại nợ và lập dự phòng rủi ro tín dụng được thực hiện theo Quyết định số 493/2005/QĐ-NHNN (“Quyết định 493”) ngày 22 tháng 4 năm 2005 và Quyết định số 18/2007/QĐ-NHNN (“Quyết định 18”) ngày 25 tháng 4 năm 2007 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Dự phòng cụ thể tại ngày kết thúc niên độ kế toán theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18 được xác định dựa trên việc sử dụng các tỷ lệ dự phòng sau đây đối với khoản nợ vay gốc tại ngày 30 tháng 11 sau khi đã trừ đi giá trị tài sản đảm bảo được khấu trừ.

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1. Nợ đủ tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> Các khoản nợ cho vay trong hạn hoặc quá hạn dưới 10 ngày. 	0%
2. Nợ cần chú ý	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất (nếu khách hàng được đánh giá là đủ khả năng hoàn trả cả gốc lẫn lãi theo thời hạn đã được cơ cấu lại lần thứ nhất áp dụng đối với các khách hàng là doanh nghiệp và tổ chức). 	5%
3. Nợ dưới tiêu chuẩn	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất ngoại trừ các khoản cho vay có thời hạn trả nợ được cơ cấu lại đã được phân loại vào Nhóm 2 ở trên; hoặc Các khoản cho vay được miễn, giảm tiền lãi do khách hàng không có khả năng thanh toán tiền lãi theo hợp đồng. 	20%
4. Nợ nghi ngờ	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn dưới 90 ngày tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai. 	50%
5. Nợ có khả năng mất vốn	<ul style="list-style-type: none"> Quá hạn trên 360 ngày; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ nhất và quá hạn từ 90 ngày trở lên tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ nhất; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và đã bị quá hạn tính theo thời hạn trả nợ đã được cơ cấu lại lần thứ hai; Được cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba; hoặc Các khoản nợ khoanh, hay nợ chờ xử lý. 	100%

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Quyết định số 493 và Quyết định số 18.

Techcombank cũng áp dụng Quyết định số 780/QĐ-NHNN do NHNNVN ban hành ngày 23 tháng 4 năm 2012 (“Quyết định 780”) quy định về việc phân loại nợ đối với nợ được điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ theo đó các khoản nợ được giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ nếu hoạt động kinh doanh của khách hàng vay được đánh giá là có chiều hướng tích cực và khách hàng có khả năng trả nợ tốt sau khi điều chỉnh kỳ hạn trả nợ, gia hạn nợ.

Theo Quyết định số 493 và Quyết định số 18, Techcombank cũng phải trích lập và duy trì khoản dự phòng chung bằng 0,75% tổng giá trị dư nợ cho vay khách hàng được phân loại từ Nhóm 1 đến Nhóm 4 tại ngày 30 tháng 11.

Techcombank chưa xác định được ảnh hưởng của việc thay đổi chính sách kế toán này đối với các khoản cho vay khách hàng trong năm do sau khi thay đổi chính sách kế toán, Techcombank không còn tiếp tục phân loại nợ và trích lập rủi ro tín dụng cho các khoản cho vay khách hàng theo Quyết định 18 và Quyết định 493.

(i) *Phân loại nợ và mức trích, phương pháp trích lập dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng*

Việc phân loại nợ cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác, mua và ủy thác mua trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết, cho vay khách hàng và ủy thác cấp tín dụng (gọi chung là “các khoản nợ”) được thực hiện theo phương pháp định lượng được quy định tại Điều 10 của Thông tư 02.

Dự phòng cụ thể tại ngày 31 tháng 12 theo quy định của Thông tư 02 và Thông tư 09 được xác định bằng dư nợ sau khi trừ đi giá trị tài sản đảm bảo đã được khấu trừ nhân với tỷ lệ dự phòng theo việc phân loại nhóm nợ tại ngày 30 tháng 11. Tỷ lệ dự phòng cụ thể đối với từng nhóm nợ cụ thể như sau:

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
1. Nợ đủ tiêu chuẩn	(a) Nợ trong hạn và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ cả nợ gốc và lãi đúng hạn; hoặc (b) Nợ quá hạn dưới 10 ngày và được đánh giá là có khả năng thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi bị quá hạn và thu hồi đầy đủ nợ gốc và lãi còn lại đúng thời hạn.	0%
2. Nợ cần chú ý	(a) Nợ quá hạn từ 10 ngày đến 90 ngày; hoặc (b) Nợ điều chỉnh kỳ hạn trả nợ lần đầu.	5%
3. Nợ dưới tiêu chuẩn	(a) Nợ quá hạn từ 91 ngày đến 180 ngày; hoặc (b) Nợ gia hạn nợ lần đầu; hoặc (c) Nợ được miễn hoặc giảm lãi do khách hàng không đủ khả năng trả lãi đầy đủ theo hợp đồng tín dụng; hoặc (d) Nợ thuộc một trong các trường hợp sau đây chưa thu hồi được trong thời gian dưới 30 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi: <ul style="list-style-type: none"> Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 126 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 127 Luật các tổ chức tín dụng; hoặc Khoản nợ vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 5 Điều 128 Luật các tổ chức tín dụng. (e) Nợ trong thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra.	20%

Nhóm	Tình trạng quá hạn	Tỷ lệ dự phòng
4. Nợ nghi ngờ	(a) Nợ quá hạn từ 181 ngày đến 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn dưới 90 ngày theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai; hoặc (d) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian từ 30 ngày đến 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (e) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra đến 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được.	50%
5. Nợ có khả năng mất vốn	(a) Nợ quá hạn trên 360 ngày; hoặc (b) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần đầu quá hạn từ 90 ngày trở lên theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần đầu; hoặc (c) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ hai và quá hạn theo thời hạn trả nợ được cơ cấu lại lần thứ hai; hoặc (d) Nợ cơ cấu lại thời hạn trả nợ lần thứ ba trở lên, kể cả chưa bị quá hạn hoặc đã quá hạn; hoặc (e) Khoản nợ quy định tại điểm (d) của nợ Nhóm 3 chưa thu hồi được trong thời gian trên 60 ngày kể từ ngày có quyết định thu hồi; hoặc (f) Nợ phải thu hồi theo kết luận thanh tra nhưng quá thời hạn thu hồi theo kết luận thanh tra trên 60 ngày mà vẫn chưa thu hồi được; hoặc (g) Nợ của khách hàng là tổ chức tín dụng được NHNNVN công bố đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa vốn và tài sản.	100%

Trường hợp một khách hàng có nhiều hơn một khoản nợ với Techcombank mà có bất kỳ khoản nợ nào bị chuyển sang nhóm nợ rủi ro cao hơn thì Techcombank phân loại các khoản nợ còn lại của khách hàng đó vào nhóm nợ rủi ro cao hơn tương ứng với mức độ rủi ro.

Khi Techcombank tham gia cho vay hợp vốn không phải với vai trò là ngân hàng đầu mối, Techcombank thực hiện phân loại các khoản nợ (bao gồm cả khoản vay hợp vốn) của khách hàng đó vào nhóm rủi ro cao hơn giữa đánh giá của ngân hàng đầu mối và đánh giá của Techcombank.

Theo Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 09, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ như đã được phân loại trước khi cơ cấu lại thời hạn trả nợ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- Khoản nợ và việc cấp tín dụng không vi phạm các quy định của pháp luật;
- Việc cơ cấu lại thời hạn trả nợ là phù hợp với mục đích của dự án vay vốn trong hợp đồng tín dụng;
- Khách hàng sử dụng vốn đúng mục đích;
- Khách hàng có phương án trả nợ mới khả thi, phù hợp với điều kiện kinh doanh; và
- Techcombank đáp ứng được quy định của NHNNVN về các giới hạn, tỷ lệ bảo đảm an toàn trong hoạt động của Techcombank, bao gồm cả tỷ lệ tối đa của nguồn vốn ngắn hạn được sử dụng để cho vay trung hạn, dài hạn trong trường hợp cơ cấu lại khoản nợ ngắn hạn để thành khoản nợ trung, dài hạn.

Chỉ khi các điều kiện trên được đáp ứng, Techcombank có thể thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ của các khoản cho vay khách hàng và giữ nguyên nhóm nợ của các khoản cho vay khách hàng như đã được phân loại hiện tại. Đối với một khoản nợ, việc thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ chỉ được thực hiện 01 (một) lần. Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 09 có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 3 năm 2014 và hết hiệu lực thi hành từ ngày 1 tháng 4 năm 2015.

Cơ sở xác định giá trị và giá trị khấu trừ của từng loại tài sản đảm bảo được quy định trong Thông tư 02.

Theo Thông tư 02, một khoản dự phòng chung cũng được lập với mức bằng 0,75% tổng số dư tại ngày 30 tháng 11 của các khoản nợ trừ các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác và các khoản nợ được phân loại vào nhóm nợ có khả năng mất vốn.

(j) Các hợp đồng mua và bán lại

Những chứng khoán được bán đồng thời được cam kết sẽ mua lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai vẫn được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền nhận được theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đi vay trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

Những chứng khoán được mua đồng thời được cam kết sẽ bán lại vào một thời điểm nhất định trong tương lai không được ghi nhận trong báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản tiền thanh toán theo thỏa thuận này được ghi nhận như một khoản đầu tư trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và phần chênh lệch giữa giá bán và giá mua được ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh hợp nhất theo lãi suất hợp đồng.

(k) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Cam kết ngoại bảng bao gồm các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện và có thời gian thực hiện cụ thể.

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2014

Việc phân loại các khoản cam kết ngoại bảng được thực hiện chỉ nhằm mục đích quản lý, giám sát chất lượng hoạt động cấp tín dụng theo chính sách phân loại áp dụng đối với các khoản nợ như được trình bày tại Thuyết minh 4(i).

Theo Thông tư 02, Techcombank không trích lập dự phòng cho các cam kết ngoại bảng.

Trước ngày 1 tháng 6 năm 2014

Theo Quyết định 18, Techcombank phân loại các khoản bảo lãnh, chấp nhận thanh toán và các cam kết cho vay không hủy ngang vô điều kiện vào các nhóm liên quan và lập dự phòng cụ thể tương ứng. Tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các số dư trên giống với tỷ lệ trích lập dự phòng cụ thể cho các khoản cho vay khách hàng được trình bày tại Thuyết minh 4(h).

Ngoài ra, Techcombank cũng trích lập dự phòng chung bằng 0,75% trên tổng số dư các thư bảo lãnh, thư tín dụng và các cam kết cho vay chưa giải ngân không thể hủy ngang vô điều kiện tại ngày 30 tháng 11.

Khi áp dụng thay đổi về chính sách kế toán này, Techcombank đã hoàn nhập dự phòng với số tiền 111.810 triệu VND cho các khoản cam kết ngoại bảng trong năm.

(l) Các công cụ tài chính phái sinh

(i) Các hợp đồng ngoại hối

Techcombank ký kết các hợp đồng ngoại hối kỳ hạn và hoán đổi nhằm tạo điều kiện cho khách hàng chuyển, điều chỉnh hoặc giảm rủi ro hối đoái hoặc các rủi ro thị trường khác đồng thời phục vụ mục đích kinh doanh của Techcombank.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Các hợp đồng kỳ hạn là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Các hợp đồng kỳ hạn được ghi nhận theo giá trị danh nghĩa tại ngày giao dịch và được đánh giá lại cho mục đích lập báo cáo tài chính theo tỷ giá tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Lãi hoặc lỗ đã hoặc chưa thực hiện được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Các hợp đồng hoán đổi tiền tệ là các cam kết để thanh toán bằng tiền mặt tại một ngày trong tương lai dựa trên chênh lệch giữa các tỷ giá được xác định trước, được tính trên số tiền gốc danh nghĩa. Số tiền phụ trội hoặc chiết khấu do chênh lệch tỷ giá giao ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng và tỷ giá kỳ hạn này sẽ được ghi nhận ngay tại ngày hiệu lực của hợp đồng như một khoản mục tài sản nếu dương hoặc khoản mục nợ phải trả nếu âm trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch này sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất trong suốt thời hạn của hợp đồng hoán đổi.

(ii) Các hợp đồng hoán đổi lãi suất

Giá trị cam kết trong các giao dịch hợp đồng hoán đổi lãi suất không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Chênh lệch lãi suất hoán đổi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

(iii) Các hợp đồng hàng hóa tương lai

Techcombank thực hiện dịch vụ môi giới cho khách hàng để ký kết các hợp đồng hàng hóa tương lai, do vậy giá trị các hợp đồng này không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất. Thu nhập từ các hoạt động môi giới này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(m) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi khấu hao lũy kế. Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình gồm giá mua của tài sản, bao gồm cả thuế nhập khẩu, các loại thuế đầu vào không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí hoạt động cho mục đích sử dụng dự kiến và chi phí tháo dỡ và di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đi vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ phát sinh chi phí.

Trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• nhà cửa, vật kiến trúc	8 - 50 năm
• máy móc thiết bị	3 - 10 năm
• phương tiện vận tải	6 - 10 năm
• tài sản cố định khác	4 - 10 năm

(n) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm vi tính

Giá mua phần mềm vi tính mới, mà phần mềm vi tính này không phải là một bộ phận không thể tách rời của phần cứng có liên quan, thì được vốn hóa và được hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Phần mềm vi tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(ii) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời gian thuê đất.

(iii) Tài sản cố định vô hình khác

Tài sản cố định vô hình khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi phân bổ lũy kế. Phân bổ lũy kế được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ 4 đến 8 năm.

(o) Bất động sản đầu tư

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hoá như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

• Nhà cửa	10 - 40 năm
-----------	-------------

(p) Các khoản phải thu khác

Các khoản nợ phải thu khác, ngoài các khoản phải thu từ hoạt động tín dụng, được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản nợ phải thu khác được xem xét trích lập dự phòng phải thu khó đòi theo tuổi nợ quá hạn của khoản nợ hoặc theo dự kiến tổn thất có thể xảy ra trong trường hợp khoản nợ chưa đến hạn thanh toán nhưng tổ chức kinh tế lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể; người nợ mất tích, bỏ trốn, đang bị các cơ quan pháp luật truy tố, xét xử hoặc đang thi hành án hoặc đã chết. Chi phí dự phòng phát sinh được hạch toán vào chi phí hoạt động trong năm.

Đối với các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán, Techcombank áp dụng mức trích lập dự phòng theo thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư 89 như sau:

Thời gian quá hạn	Mức trích dự phòng
• Không quá hạn hoặc quá hạn dưới sáu (06) tháng	0%
• Từ trên sáu (06) tháng đến dưới một (01) năm	30%
• Từ một (01) năm đến dưới hai (02) năm	50%
• Từ hai (02) năm đến dưới ba (03) năm	70%
• Từ ba (03) năm trở lên	100%

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Phân loại nợ và trích lập dự phòng cho các khoản nợ đã bán

Từ ngày 1 tháng 6 năm 2014

Đối với nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền, Techcombank phân loại và trích lập dự phòng theo nguyên tắc phân loại nợ và xác định giá trị tài sản đảm bảo như trước khi bán nợ.

Trước ngày 1 tháng 6 năm 2014

Techcombank trích lập dự phòng rủi ro cho số tiền chưa thu được từ các khoản nợ đã bán dựa trên thời gian quá hạn theo hướng dẫn của Thông tư 228 và Thông tư 89 như nêu ở trên.

Khi áp dụng thay đổi về chính sách kế toán này, Techcombank đã trích lập dự phòng với số tiền 749.929 triệu VND cho các khoản nợ đã bán chưa thu được tiền trong năm.

(q) Dự phòng khác

Một khoản dự phòng ngoại trừ các khoản dự phòng để cập tại thuyết minh 4(d), 4(e), 4(f), 4(g), 4(h), 4(i), và 4(p) được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Techcombank có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(r) Trái phiếu chuyển đổi

Trái phiếu chuyển đổi do Techcombank phát hành cho phép trái chủ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phổ thông với một số lượng nhất định của Techcombank tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi.

Trái phiếu chuyển đổi được phân làm hai loại: (1) trái phiếu chuyển đổi bắt buộc khi các trái chủ kí cam kết chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu tại ngày đáo hạn và (2) trái phiếu chuyển đổi thông thường khi các trái chủ có quyền chuyển đổi tại ngày đáo hạn. Cả hai loại trái phiếu chuyển đổi trên đều được phân loại là nợ phải trả tài chính trên bảng cân đối kế toán.

(s) Các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả khác được phản ánh theo giá gốc.

(t) Các phúc lợi của người lao động

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Techcombank và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Bảo hiểm thất nghiệp do Techcombank đóng cho thời gian làm việc của nhân viên được ghi nhận vào chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh.

(u) Vốn cổ phần

(i) Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được phân loại là vốn chủ sở hữu. Các chi phí tăng thêm liên quan trực tiếp đến giá phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là một khoản giảm trừ vốn chủ sở hữu.

(ii) Thặng dư vốn cổ phần

Khi nhận được tiền góp vốn từ các cổ đông, chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu được ghi nhận vào tài khoản thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(v) Các quỹ và dự trữ

(i) Các quỹ dự trữ của Ngân hàng:

Trước khi phân phối lợi nhuận, Ngân hàng phải lập các quỹ dự trữ sau:

	Phân phối hàng năm	Số dư tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	5% lợi nhuận sau thuế	Vốn cổ phần
Quỹ dự phòng tài chính	10% lợi nhuận sau thuế	25% vốn cổ phần

Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu được phân bổ từ lợi nhuận sau thuế. Việc phân bổ từ lợi nhuận sau thuế và việc sử dụng các quỹ khác phải được Đại Hội đồng Cổ đông phê duyệt. Các quỹ này không được quy định bởi luật pháp và được phép phân phối hết.

(ii) Các quỹ dự trữ của công ty con:

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam:

Theo Thông tư số 27/2002/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 03 năm 2002, yêu cầu Công ty TNHH một thành viên Quản lý nợ và khai thác tài sản - Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam trích lập các quỹ được thực hiện tương tự như Ngân hàng.

Các quỹ dự trữ của Công ty TNHH Chứng khoán Kỹ Thương và Công ty TNHH Quản lý Quỹ Kỹ Thương:

Theo Thông tư số 146/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 10 năm 2014, lợi nhuận thực hiện của công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ sau khi bù đắp lỗ năm trước theo quy định của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối như sau:

	Tỷ lệ phần trăm của lợi nhuận sau thuế	Mức tối đa
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ
Quỹ dự phòng tài chính	5% lợi nhuận sau thuế	10% vốn điều lệ

Quỹ dự phòng tài chính được dùng để bù đắp cho các khoản lỗ phát sinh trong quá trình kinh doanh. Các quỹ dự trữ pháp định này được trích vào cuối năm, không được phép phân phối và được phân loại là vốn chủ sở hữu.

(w) Ghi nhận doanh thu

(i) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích, ngoại trừ tiền lãi từ các khoản nợ được phân loại từ Nhóm 2 đến Nhóm 5 nêu trong Thuyết minh 4(i) được ghi nhận khi Techcombank thực thu được.

(ii) Thu nhập từ phí và hoa hồng

Thu nhập từ phí và hoa hồng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dồn tích.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức bằng tiền được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi quyền nhận cổ tức bằng tiền của Techcombank được thiết lập.

Theo Thông tư 244/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 do Bộ Tài Chính ban hành, cổ tức được nhận dưới dạng cổ phiếu, cổ phiếu thưởng và quyền mua cổ phiếu cho các cổ đông hiện tại, cổ phiếu được chia từ lợi nhuận chưa phân phối không được ghi nhận là một khoản tăng giá trị khoản đầu tư và thu nhập không được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(x) Chi phí lãi

Chi phí lãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dự chi.

(y) Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê đã nhận được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(z) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp trên số lãi hoặc lỗ trong năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị xác định theo mục đích thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức thu hồi hoặc thanh toán dự kiến đối với giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận tương ứng với mức lợi nhuận chịu thuế chắc chắn trong tương lai mà lợi nhuận đó có thể dùng để khấu trừ với tài sản thuế thu nhập này. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm khi không còn chắc chắn thu được các lợi ích về thuế liên quan này.

(aa) Lãi trên cổ phiếu

Techcombank trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) đối với các cổ phiếu phổ thông của Techcombank. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Techcombank chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm có tính đến các ảnh hưởng của các công cụ có tính suy giảm tiềm năng, bao gồm trái phiếu chuyển đổi. Cổ phiếu phổ thông tiềm năng được coi là có tác động suy giảm chỉ khi việc chuyển đổi chúng thành cổ phiếu phổ thông sẽ làm giảm lãi hoặc tăng lỗ trên cổ phiếu. Nếu cổ phiếu tiềm năng không có tác động suy giảm, Techcombank không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

Số lượng cổ phiếu phổ thông trung bình lưu hành trong năm chịu ảnh hưởng của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc và sự thay đổi giá chuyển đổi do phát hành cổ phiếu thưởng hoặc cổ tức bằng cổ phiếu trong năm.

(ab) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Techcombank tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu của Techcombank là dựa theo bộ phận chia theo vùng địa lý, mẫu báo cáo bộ phận thứ yếu của Techcombank là dựa theo hoạt động kinh doanh.

(ac) Các cam kết và nợ tiềm ẩn

Tại bất cứ thời điểm nào Techcombank cũng có các cam kết cấp tín dụng chưa thực hiện. Các cam kết này ở dưới dạng các khoản cho vay và thấu chi đã được phê duyệt. Techcombank cũng cung cấp các bảo lãnh tài chính và thư tín dụng để bảo lãnh việc thực hiện hợp đồng của khách hàng đối với bên thứ ba. Nhiều khoản cam kết và nợ tiềm ẩn sẽ đáo hạn mà không phát sinh bất kỳ một phần hay toàn bộ một khoản tạm ứng nào. Do đó các khoản cam kết và nợ tiềm ẩn này không phản ánh luồng lưu chuyển tiền tệ dự kiến trong tương lai.

(ad) Các công cụ tài chính

Nhằm mục đích duy nhất là cung cấp các thông tin thuyết minh về tầm quan trọng của các công cụ tài chính đối với tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh và tính chất và mức độ rủi ro phát sinh từ các công cụ tài chính, Techcombank phân loại các công cụ tài chính như sau:

(i) Tài sản tài chính

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Tài sản tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một tài sản tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Tài sản tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh, nếu:
 - tài sản được mua chủ yếu cho mục đích bán lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - công cụ tài chính phải sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phải sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, Techcombank xếp tài sản tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Techcombank có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn, ngoại trừ:

- các tài sản tài chính mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu đã được Techcombank xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các tài sản tài chính đã được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán; và
- các tài sản tài chính thỏa mãn định nghĩa về các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phải sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường, ngoại trừ:

- các khoản mà có ý định bán ngay hoặc sẽ bán trong tương lai gần được phân loại là tài sản nắm giữ vì mục đích kinh doanh, và các loại mà tại thời điểm ghi nhận ban đầu được xếp vào nhóm xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản được xếp vào nhóm sẵn sàng để bán tại thời điểm ghi nhận ban đầu; hoặc
- các khoản mà có thể không thu hồi được phần lớn giá trị đầu tư ban đầu, không phải do suy giảm chất lượng tín dụng, và được phân loại vào nhóm sẵn sàng để bán.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là:

- các tài sản tài chính xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn; hoặc
- các khoản cho vay và các khoản phải thu.

(ii) *Nợ phải trả tài chính*

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh là một khoản nợ phải trả tài chính thỏa mãn một trong các điều kiện sau:

- Nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh. Một khoản nợ phải trả tài chính được phân loại vào nhóm nắm giữ để kinh doanh nếu:
 - khoản nợ đó được tạo ra chủ yếu cho mục đích mua lại trong thời gian ngắn;
 - có bằng chứng về việc kinh doanh công cụ đó nhằm mục đích thu lợi ngắn hạn; hoặc
 - là công cụ tài chính phái sinh (ngoại trừ các công cụ tài chính phái sinh được xác định là một hợp đồng bảo lãnh tài chính hoặc một công cụ phòng ngừa rủi ro hiệu quả).
- Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, xếp nợ phải trả tài chính vào nhóm phản ánh theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ

Các khoản nợ phải trả tài chính không được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh sẽ được phân loại là nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ.

Việc phân loại các công cụ tài chính kể trên chỉ nhằm mục đích trình bày và thuyết minh và không nhằm mục đích mô tả phương pháp xác định giá trị của các công cụ tài chính. Các chính sách kế toán về xác định giá trị của các công cụ tài chính được trình bày trong các thuyết minh liên quan khác.

5. TIỀN MẶT VÀ VÀNG

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền mặt tại quỹ bằng VNĐ	2.149.520	1.564.022
Tiền mặt tại quỹ bằng ngoại tệ	517.744	686.472
Vàng tại quỹ	56.378	41.000
	2.723.642	2.291.494

6. TIỀN GỬI TẠI NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC VIỆT NAM

Tiền gửi tại NHNNVN bao gồm quỹ dự trữ bắt buộc và tài khoản tiền gửi thanh toán.

Theo quy định của NHNNVN về dự trữ bắt buộc, các ngân hàng được phép duy trì một số dư thả nổi tại tài khoản dự trữ bắt buộc. Số dư bình quân dự trữ bắt buộc hàng tháng phải không được thấp hơn tỷ lệ dự trữ bắt buộc nhân với bình quân số dư tiền gửi của tháng trước tại Ngân hàng như sau:

	Tỷ lệ dự trữ bắt buộc	
	31/12/2014	31/12/2013
Số dư bình quân tháng trước của:		
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn dưới 12 tháng	8%	8%
• Tiền gửi bằng ngoại tệ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	6%	6%
• Tiền gửi bằng VNĐ có thời hạn dưới 12 tháng	3%	3%
• Tiền gửi bằng VNĐ có thời hạn từ 12 tháng trở lên	1%	1%
	31/12/2014	31/12/2013
	Triệu VND	Triệu VND
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc bằng VNĐ	895,410	2,145,665
Tài khoản tiền gửi thanh toán và quỹ dự trữ bắt buộc bằng ngoại tệ	272,855	685,129
	1,168,265	2,830,794

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi bằng VNĐ		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,10%	0,10%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Tiền gửi bằng USD		
Trong mức dự trữ bắt buộc	0,00%	0,00%
Ngoài mức dự trữ bắt buộc	0,05%	0,05%

7. TIỀN GỬI VÀ CHO VAY CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	43.856	66.526
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	1.702.786	3.839.454
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	2.918.092	5.561.701
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	4.923.500	2.388.974
	9.588.234	11.856.655
Các khoản cho vay		
Các khoản cho vay bằng VND	5.433.374	3.388.864
Các khoản cho vay bằng ngoại tệ	3.910.622	210.360
	9.343.996	3.599.224
Dự phòng cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác (i)	(9.770)	(35.132)
	18.922.460	15.420.747

(i) Dự phòng rủi ro cho tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác bao gồm:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Dự phòng chung cho các khoản cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	35.132
Dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các tổ chức tín dụng khác	9.770	-
	9.770	35.132

Biến động dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	35.132	53.611
Dự phòng hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 30)	(35.132)	(18.479)
Số dư cuối năm	-	35.132

Biến động dự phòng cụ thể cho các khoản tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	2.300
Dự phòng trích lập/(hoàn nhập) trong năm (Thuyết minh 30)	9.770	(2.300)
Số dư cuối năm	9.770	-

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,10% - 1,00%	0,00% - 2,40%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,00% - 2,54%	0,00% - 0,50%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,40% - 9,60%	4,00% - 12,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,20% - 1,80%	0,50% - 1,50%
Cho vay bằng VND	3,50% - 10,00%	5,20% - 6,70%
Cho vay bằng ngoại tệ	1,15% - 2,30%	- 1,20%

8. CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
• Trái phiếu chính phủ	1.389.696	583.021
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	101.884	105.755
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	421.689	-
Chứng khoán vốn		
• Cổ phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	42.253	145.000
• Cổ phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	133.796	87.259
	2.089.318	921.035
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (i)	(3.072)	(1.427)
	2.086.246	919.608

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán kinh doanh:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Chứng khoán nợ		
• Đã niêm yết	1.389.696	688.776
• Chưa niêm yết	523.574	-
Chứng khoán vốn		
• Niêm yết	31.048	87.259
• Chưa niêm yết	145.000	145.000
	2.089.318	921.035

Biến động dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	1.427	31.412
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	16.538	21.958
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 26)	(14.893)	(51.943)
Số dư cuối năm	3.072	1.427

9. CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH PHÁI SINH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH KHÁC

	31/12/2014		31/12/2013	
	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán	Tổng giá trị của hợp đồng	Tổng giá trị ghi sổ kế toán
	Triệu VNĐ	Tài sản/ (nợ phải trả) Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Tài sản/ (nợ phải trả) Triệu VNĐ
Giao dịch kỳ hạn tiền tệ	17.133.993	(131.411)	8.293.520	(105.874)
Giao dịch hoán đổi tiền tệ	26.040.947	113.002	8.760.283	32.717
	43.174.940	(18.409)	17.053.803	(73.157)

10. CHO VAY KHÁCH HÀNG

	2014 Triệu VNĐ	2013 Triệu VNĐ
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân trong nước	79.526.573	69.683.693
Cho vay các tổ chức kinh tế và cá nhân nước ngoài	6.452	-
Chiết khấu hối phiếu	751.838	505.300
Các khoản trả thay khách hàng	-	1.137
Cho vay bằng vốn tài trợ, ủy thác đầu tư	22.704	33.614
Nợ cho vay được khoanh và nợ chờ xử lý	-	51.175
	80.307.567	70.274.919

Phân tích chất lượng nợ cho vay:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ	%
Nợ đủ tiêu chuẩn	76.478.617	95,24%	63.736.184	90,70%
Nợ cần chú ý	1.915.114	2,38%	3.972.491	5,65%
Nợ dưới tiêu chuẩn	532.325	0,66%	447.898	0,64%
Nợ nghi ngờ	326.336	0,41%	1.128.849	1,61%
Nợ có khả năng mất vốn	1.055.175	1,31%	989.497	1,40%
	80.307.567	100,00%	70.274.919	100,00%

Theo báo cáo tình hình thực hiện cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ của Techcombank gửi NHNNVN, tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, các khoản nợ được cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ theo Điều 10, Khoản 3a của Thông tư 09 như được trình bày tại Thuyết minh 4(i) (31 tháng 12 năm 2013: Quyết định 780, Thuyết minh 4(h)) như sau:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Phần dư nợ được điều chỉnh kì hạn trả nợ, gia hạn nợ của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 1	3.194.152	4.279.772
Phần dư nợ được điều chỉnh kì hạn trả nợ, gia hạn nợ của các khoản nợ được giữ nguyên nhóm 2	1.186.784	2.527.104
	4.380.936	6.806.876

Phân tích dư nợ theo thời hạn cho vay:

	31/12/2014		31/12/2013	
	Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ	%
Ngắn hạn	33.790.244	42,07%	35.073.969	49,91%
Trung hạn	27.326.600	34,03%	19.421.234	27,64%
Dài hạn	19.190.723	23,90%	15.779.716	22,45%
	80.307.567	100,00%	70.274.919	100,00%

Phân tích dư nợ cho vay theo ngành nghề kinh doanh

	31/12/2014		31/12/2013	
	Triệu VNĐ	%	Triệu VNĐ	%
Cho vay các Tổ chức kinh tế	49.404.471	61,52%	47.423.467	67,48%
• Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản	131.799	0,17%	1.194.386	1,70%
• Khai khoáng	915.800	1,14%	231.310	0,33%
• Công nghiệp chế biến, chế tạo	11.825.354	14,73%	14.313.753	20,37%
• Sản xuất và phân phối điện, khí đốt và nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	784.889	0,98%	356.136	0,51%
• Cung cấp nước; hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	47.167	0,06%	47.084	0,07%
• Xây dựng	2.321.401	2,89%	3.746.689	5,33%
• Bán buôn và bán lẻ; sửa chữa ôtô, ôtô, xe máy và xe có động cơ khác	9.446.877	11,77%	9.893.952	14,08%
• Vận tải kho bãi	3.864.476	4,81%	2.209.017	3,14%
• Dịch vụ lưu trú và ăn uống	193.809	0,24%	1.984.994	2,82%
• Thông tin và truyền thông	1.406.736	1,75%	85.757	0,12%
• Hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm	1.078.101	1,34%	244.046	0,35%
• Hoạt động kinh doanh bất động sản	15.674.898	19,52%	11.926.047	16,97%
• Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ	35.322	0,04%	27.969	0,04%
• Hoạt động hành chính và dịch vụ hỗ trợ	224.720	0,28%	100.980	0,14%
• Hoạt động của Đảng cộng sản, Tổ chức Chính trị - Xã hội, Quản lý Nhà nước, An ninh Quốc phòng; Bảo hiểm Xã hội bắt buộc	3.000	0,00%	90	0,00%
• Giáo dục và Đào tạo	58.558	0,07%	28.073	0,04%
• Y tế và hoạt động trợ giúp xã hội	20.374	0,03%	71.757	0,10%
• Nghệ thuật, vui chơi và giải trí	16.761	0,02%	18.644	0,03%
• Hoạt động dịch vụ khác	1.255.621	1,56%	873.993	1,24%
• Hoạt động làm thuê các công việc trong các hộ gia đình, sản xuất sản phẩm vật chất và dịch vụ tự tiêu dùng của hộ gia đình	98.808	0,12%	68.790	0,10%
Cho vay cá nhân	30.903.096	38,48%	22.851.452	32,52%
	80.307.567	100,00%	70.274.919	100,00%

Phân tích dư nợ cho vay theo đối tượng khách hàng và theo loại hình doanh nghiệp

	31/12/2014		31/12/2013	
	Triệu VND	%	Triệu VND	%
Cho vay các Tổ chức kinh tế	49.404.471	61,52%	47.423.467	67,48%
• Công ty trách nhiệm hữu hạn nhà nước	2.029.379	2,53%	3.024.562	4,30%
• Công ty trách nhiệm hữu hạn khác	32.028.370	39,88%	20.980.870	29,86%
• Công ty cổ phần có vốn cổ phần của nhà nước	294.375	0,37%	317.631	0,45%
• Công ty cổ phần khác	13.845.086	17,24%	22.197.736	31,58%
• Doanh nghiệp tư nhân	712.333	0,88%	530.959	0,76%
• Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	258.040	0,32%	216.201	0,31%
• Hợp tác xã và liên hiệp hợp tác xã	85.246	0,11%	82.034	0,12%
• Đơn vị hành chính sự nghiệp, đảng, đoàn thể và hiệp hội	32.659	0,04%	21.700	0,03%
• Khác	118.983	0,15%	51.774	0,07%
Cho vay cá nhân	30.903.096	38,48%	22.851.452	32,52%
	80.307.567	100,00%	70.274.919	100,00%

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Cho vay bằng VND	0,00% - 22,00%	0,00% - 23,00%
Cho vay bằng USD	0,00% - 10,75%	2,37% - 10,50%

11. DỰ PHÒNG RỦI RO CÁC KHOẢN CHO VAY KHÁCH HÀNG

Dự phòng các khoản cho vay khách hàng bao gồm:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Dự phòng chung	563.395	518.109
Dự phòng cụ thể	396.382	668.130
	959.777	1.186.239

Biến động dự phòng chung cho vay khách hàng như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	518.109	470.951
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	260.433	86.323
Dự phòng hoàn nhập trong năm (Thuyết minh 30)	(215.147)	(39.165)
Số dư cuối năm	563.395	518.109

Biến động dự phòng cụ thể cho vay khách hàng như sau:

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	668.130	654.184
Dự phòng trích lập trong năm (Thuyết minh 30)	1.479.270	2.042.613
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	(301.678)	(650.776)
Sử dụng dự phòng để xử lý các khoản nợ khó đòi	(1.449.340)	(1.377.891)
Số dư cuối năm	396.382	668.130

12. CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Chứng khoán đầu tư sẵn sàng để bán		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ	28.747.074	12.512.524
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	11.268.962	21.597.457
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	9.688.265	11.989.545
<i>Chứng khoán vốn</i>		
• Cổ phiếu do tổ chức tín dụng trong nước phát hành	-	70.228
	49.704.301	46.169.754
Chứng khoán đầu tư giữ đến ngày đáo hạn		
<i>Chứng khoán nợ</i>		
• Trái phiếu Chính phủ	906.885	350.000
• Trái phiếu do các tổ chức kinh tế trong nước phát hành	2.310.000	880.000
• Trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành	2.980.698	1.823.793
• Trái phiếu do các tổ chức tín dụng trong nước phát hành	-	640.044
	6.197.583	3.693.837
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư (i)	(923.154)	(18.000)
	54.978.730	49.845.591

Tình trạng niêm yết của các chứng khoán đầu tư:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Chứng khoán nợ		
<i>Đã niêm yết</i>		
• Trái phiếu Chính phủ	28.747.074	12.862.524
• Trái phiếu doanh nghiệp	7.549.366	11.987.780
	36.296.440	24.850.304
<i>Chưa niêm yết</i>		
• Trái phiếu Chính phủ	906.885	-
• Trái phiếu doanh nghiệp	15.717.861	23.119.266
	16.624.746	23.119.266
• Trái phiếu đặc biệt do Công ty quản lý tài sản các tổ chức tín dụng Việt Nam ("VAMC") phát hành	2.980.698	1.823.793
Chứng khoán vốn chưa niêm yết		
• Cổ phiếu do tổ chức tín dụng trong nước phát hành	-	70.228
	55.901.884	49.863.591

(i) *Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư bao gồm:*

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (*)	140.272	-
Dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (**)	319.247	-
Dự phòng trái phiếu đặc biệt VAMC (***)	463.635	18.000
	923.154	18.000

(*) *Biến động dự phòng chung cho trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:*

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trong năm (Thuyết minh 30)	153.058	-
Hoàn nhập dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trong năm (Thuyết minh 30)	(12.786)	-
Số dư cuối năm	140.272	-

(**) *Biến động dự phòng cụ thể cho chứng khoán đầu tư và trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết như sau:*

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	333.676
Hoàn nhập dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 27)	-	(244.850)
Trích lập dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết (Thuyết minh 30)	379.676	-
Hoàn nhập dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết trong năm (Thuyết minh 30)	(60.429)	-
Sử dụng dự phòng	-	(88.826)
Số dư cuối năm	319.247	-

(***) *Biến động dự phòng giảm giá trái phiếu VAMC như sau:*

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	18.000	-
Trích lập dự phòng trái phiếu VAMC trong năm (Thuyết minh 27)	454.733	18.000
Hoàn nhập dự phòng trái phiếu VAMC trong năm (Thuyết minh 27)	(9.098)	-
Số dư cuối năm	463.635	18.000

13. GÓP VỐN, ĐẦU TƯ DÀI HẠN

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Đầu tư dài hạn khác - giá gốc (i)	697.630	128.625
Dự phòng giảm giá góp vốn đầu tư dài hạn (ii)	(3.842)	-
	693.788	128.625

(i) *Chi tiết các khoản đầu tư dài hạn khác như sau:*

	31/12/2014	31/12/2013		
	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND	Tỷ lệ nắm giữ %	Giá gốc của các khoản đầu tư Triệu VND
Đầu tư vào các tổ chức tín dụng và các tổ chức tài chính khác				
• Công ty CP Tài chính Hóa chất Việt Nam	10,00%	60.000	10,00%	60.000
Đầu tư vào các doanh nghiệp khác				
• Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	1,81%	570.405	-	-
• Công ty CP Đầu tư TCO Việt Nam	11,00%	16.500	11,00%	16.500
• Công ty CP Dịch vụ Thẻ Smartlink	2,00%	1.000	2,00%	1.000
• Công ty CP Đào tạo và Tư vấn Nghiệp vụ Ngân hàng	9,87%	1.040	9,87%	1.040
• Công ty CP Đầu tư PCB	8,95%	7.962	8,95%	7.962
• Hiệp hội Viễn thông Tài chính Liên ngân hàng toàn thế giới	0,00%	1.005	0,00%	1.005
• Công ty CP Sàn Giao dịch Bất động sản Việt Nam	1,00%	660	1,00%	660
• Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ Kỹ An	11,00%	748	11,00%	748
• Công ty CP Dịch vụ, Thương mại và Đầu tư Sao Thủy	10,00%	600	10,00%	600
• Công ty TNHH Thương mại Đầu tư và Kinh doanh BĐS Huế	0,50%	50	0,50%	50
• Công ty TNHH TIC	10,00%	600	10,00%	600
• Công ty CP Phát triển Đô thị Bắc Hà Nội	-	-	7,00%	1.400
• Công ty CP Phát triển Dự án Techcom Developer	11,00%	660	11,00%	660
• Công ty CP Đầu tư và Phát triển Điện miền Bắc	7,28%	36.400	7,28%	36.400
		697.630		128.625

(ii) *Biến động dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn như sau:*

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số dư đầu năm	-	-
Trích lập dự phòng trong năm (Thuyết minh 29)	5.242	-
Sử dụng dự phòng trong năm	(1.400)	-
Số dư cuối năm	3.842	-

14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Tài sản cố định khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	44.559	1.025.209	142.403	22.266	1.234.437
• Mua trong năm	1.640	88.716	6.210	97	96.663
• Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	63.726	4.949	1.940	-	70.615
• Tăng khác	266	352.407	607	-	353.280
• Thanh lý	(4.000)	(18.303)	(4.346)	(1.289)	(27.938)
• Giảm khác	(417)	(347.834)	-	(17.407)	(365.658)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	105.774	1.105.144	146.814	3.667	1.361.399
Giá trị hao mòn lũy kế					
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	9.638	509.280	50.859	8.004	577.781
• Khấu hao trong năm	3.379	138.314	15.186	3.869	160.748
• Tăng khác	297	240.983	-	-	241.280
• Thanh lý	(520)	(16.199)	(1.613)	(751)	(19.083)
• Giảm khác	-	(246.305)	(1.502)	(8.552)	(256.359)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	12.794	626.073	62.930	2.570	704.367
Giá trị còn lại					
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	34.921	515.929	91.544	14.262	656.656
• Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	92.980	479.071	83.884	1.097	657.032

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Nhà cửa, vật kiến trúc Triệu VND	Máy móc thiết bị Triệu VND	Phương tiện vận tải Triệu VND	Tài sản cố định khác Triệu VND	Tổng cộng Triệu VND
Nguyên giá					
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	50.386	1.051.094	139.303	30.864	1.271.647
• Tăng trong năm	-	83.642	4.379	3.350	91.371
• Phân loại lại	(5.827)	(108.605)	-	(11.791)	(126.223)
• Tăng khác	-	3.070	-	-	3.070
• Thanh lý	-	(1.168)	(876)	(35)	(2.079)
• Giảm khác	-	(2.824)	(403)	(122)	(3.349)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	44.559	1.025.209	142.403	22.266	1.234.437
Giá trị hao mòn lũy kế					
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	8.907	384.416	47.584	10.974	451.881
• Khấu hao trong năm	942	181.007	4.462	3.031	189.442
• Phân loại lại	(211)	(54.785)	-	(5.948)	(60.944)
• Tăng khác	-	115	-	-	115
• Thanh lý	-	(938)	(876)	(15)	(1.829)
• Giảm khác	-	(535)	(311)	(38)	(884)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	9.638	509.280	50.859	8.004	577.781
Giá trị còn lại					
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	41.479	666.678	91.719	19.890	819.766
• Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	34.921	515.929	91.544	14.262	656.656

15. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Phần mềm vi tính Triệu VNĐ	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Các tài sản khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Nguyên giá				
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	502.955	29.885	19.804	552.644
• Tăng trong năm	83.786	-	-	83.786
• Tăng khác	13.814	-	442	14.256
• Giảm khác	(3.488)	(6.773)	(16.094)	(26.355)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	597.067	23.112	4.152	624.331
Giá trị hao mòn lũy kế				
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	171.961	465	4.137	176.563
• Khấu hao trong năm	66.842	39	3.290	70.171
• Tăng khác	5.479	-	-	5.479
• Giảm khác	(1.791)	-	(5.564)	(7.355)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	242.491	504	1.863	244.858
Giá trị còn lại				
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	330.994	29.420	15.667	376.081
• Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	354.576	22.608	2.289	379.473

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Phần mềm vi tính Triệu VNĐ	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Các tài sản khác Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Nguyên giá				
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	401.821	21.937	20.871	444.629
• Tăng trong năm	101.660	9.061	207	110.928
• Phân loại lại	(526)	-	(1.274)	(1.800)
• Giảm khác	-	(1.113)	-	(1.113)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	502.955	29.885	19.804	552.644
Giá trị hao mòn lũy kế				
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	115.126	420	2.425	117.971
• Khấu hao trong năm	57.287	45	2.687	60.019
• Phân loại lại	(403)	-	(977)	(1.380)
• Tăng khác	-	-	2	2
• Giảm khác	(49)	-	-	(49)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	171.961	465	4.137	176.563
Giá trị còn lại				
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	286.695	21.517	18.446	326.658
• Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	330.994	29.420	15.667	376.081

16. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Nhà cửa Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Nguyên giá			
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	19.526	1.464.837	1.484.363
• Tăng trong năm	-	137	137
• Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	7.061	7.061
• Thanh lý	-	(1.905)	(1.905)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	19.526	1.470.130	1.489.656
Giá trị hao mòn lũy kế			
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	-	62.894	62.894
• Khấu hao trong năm	-	37.948	37.948
• Thanh lý	-	(575)	(575)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	-	100.267	100.267
Giá trị còn lại			
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	19.526	1.401.943	1.421.469
• Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	19.526	1.369.863	1.389.389

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	Quyền sử dụng đất Triệu VNĐ	Nhà cửa Triệu VNĐ	Tổng cộng Triệu VNĐ
Nguyên giá			
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	19.357	1.335.104	1.354.461
• Chuyển từ tài sản cố định	-	28.465	28.465
• Tăng trong năm	169	105.541	105.710
• Giảm khác	-	(4.273)	(4.273)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	19.526	1.464.837	1.484.363
Giá trị hao mòn lũy kế			
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	-	25.068	25.068
• Khấu hao trong năm	-	37.826	37.826
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	-	62.894	62.894
Giá trị còn lại			
• Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	19.357	1.310.036	1.329.393
• Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	19.526	1.401.943	1.421.469

17. TÀI SẢN CÓ KHÁC

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Các khoản phải thu		
• Phải thu nội bộ	55.939	66.081
• Đặt cọc thuê văn phòng (i)	446.190	381.096
• Phải thu liên quan đến Chương trình Hỗ trợ lãi suất	33.847	34.005
• Trả trước cho người bán	46.009	47.305
• Ứng trước để mua chứng khoán	-	500.000
• Các khoản tiền đặt cọc cho các giao dịch vàng, hàng hóa và ngoại tệ trên thị trường tương lai	85.884	39.853
• Phải thu khách hàng cho giao dịch trên thị trường tương lai	392.610	-
• Nợ mua từ công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước	9.817	747.214
• Phải thu từ hợp đồng bán nợ (ii)	7.108.225	7.656.214
• Tạm ứng cho hợp đồng đầu tư (iii)	723.658	-
• Phải thu từ dịch vụ thư tín dụng nhập hàng trả chậm (iv)	468.858	-
• Chi phí xây dựng cơ bản dở dang; tạm ứng mua TSCĐ	45.953	86.105
• Thuế nộp thừa (Thuyết minh 36)	246	19.940
• Phải thu từ Công ty Quản lý tài sản của các tổ chức tín dụng ("VAMC")	151.048	-
• Các khoản phải thu khác từ bên ngoài	808.134	767.247
	10.376.418	10.345.060
Các khoản lãi và phí phải thu	3.341.124	5.256.518
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	17.498	28.578
Tài sản có khác		
• Vật liệu	29.501	44.962
• Chi phí trả trước	576.824	289.230
• Tài sản có khác	87	3.704
	606.412	337.896
Các khoản dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác (v)	(786.473)	(51.134)
	13.554.979	15.916.918

- (i) Đây là các khoản đặt cọc của Ngân hàng cho việc thực hiện thuê văn phòng làm trụ sở, chi nhánh, trong đó khoản lớn nhất là đặt cọc cho tòa nhà Lim Tower làm Hội sở chính Miền Nam của Ngân hàng tại số 9 -11 đường Tôn Đức Thắng, phường Bến Nghé, Quận 1, thành phố Hồ Chí Minh trị giá 392 tỷ VNĐ.
- (ii) Chi tiết các khoản phải thu từ các hợp đồng bán nợ của Techcombank với các công ty khác như sau:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho các công ty mua bán nợ được cấp phép	7.108.225	6.427.325
Phải thu từ các hợp đồng bán nợ cho các công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước	-	1.228.889
	7.108.225	7.656.214

- (iii) Đây là khoản tiền tạm ứng để thực hiện việc mua cổ phiếu của Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất ("VCFC"). Tại ngày lập báo cáo tài chính này, số cổ phiếu trên đã được chuyển giao cho Techcombank (Thuyết minh 41).
- (iv) Đây là các khoản phải thu các nhà nhập khẩu là khách hàng của Techcombank từ dịch vụ thanh toán trước bộ chứng từ trả chậm theo thư tín dụng nhập khẩu do Techcombank phát hành. Theo đó, Techcombank thanh toán cho người hưởng (nhà xuất khẩu) trước ngày đáo hạn bộ chứng từ trả chậm. Nhà nhập khẩu đã tạm ứng một phần khoản thanh toán cho Ngân hàng để thực hiện giao dịch này với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 145.184 triệu VNĐ (Thuyết minh 21(ii)).
- (v) Biến động dự phòng rủi ro cho các tài sản có khác như sau:

	2014 Triệu VNĐ	2013 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	51.134	42.933
Trích lập dự phòng cho các khoản nợ đã bán chưa thu được tiền (Thuyết minh 30)	749.929	-
Hoàn nhập dự phòng cho các khoản nợ mua về (Thuyết minh 30)	(36.788)	-
Trích lập dự phòng cho các khoản tài sản có khác (Thuyết minh 29)	23.325	8.201
Sử dụng dự phòng cho các khoản tài sản có khác	(1.127)	-
Số dư cuối năm	786.473	51.134

18. TIỀN GỬI VÀ TIỀN VAY TỪ CÁC TỔ CHỨC TÍN DỤNG KHÁC

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	428.025	83.077
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	51.851	1.383.927
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	5.648.000	2.765.675
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.718.801	332.369
	7.846.677	4.565.048
Tiền vay		
Tiền vay bằng VND	3.186.182	1.150.000
Tiền vay bằng ngoại tệ	8.438.549	9.509.926
	11.624.731	10.659.926
	19.471.408	15.224.974

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	3,00% - 4,60%	3,40% - 8,30%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	0,30% - 1,20%	0,20% - 0,50%
Tiền vay bằng VND	3,00% - 4,70%	4,00% - 5,50%
Tiền vay bằng ngoại tệ	0,62% - 5,05%	0,32% - 5,05%

19. TIỀN GỬI CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Tiền gửi không kỳ hạn		
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	17.996.191	15.958.922
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ	1.900.494	1.736.250
Tiền gửi có kỳ hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	101.390.221	91.869.156
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ	8.297.075	9.083.772
Tiền ký quỹ		
Tiền ký quỹ bằng VND	1.091.358	463.471
Tiền ký quỹ bằng ngoại tệ	1.014.471	866.353
	131.689.810	119.977.924

Tiền gửi của khách hàng theo đối tượng khách hàng như sau:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Tổ chức kinh tế	43.888.766	40.972.617
Cá nhân	87.801.044	79.005.307
	131.689.810	119.977.924

Lãi suất năm tại thời điểm cuối năm như sau:

	31/12/2014	31/12/2013
Tiền gửi không kỳ hạn bằng VND	0,10%	0,50%
Tiền gửi không kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0,10%	0,10%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng VND	0,00% - 12,00%	0,50% - 14,00%
Tiền gửi có kỳ hạn bằng ngoại tệ khác	0,00% - 2,00%	0,10% - 8,00%

20. PHÁT HÀNH GIẤY TỜ CÓ GIÁ

Giấy tờ có giá đã phát hành phân loại theo kỳ hạn như sau:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Dưới 12 tháng (i)	51.883	1.090.342
Từ 12 tháng đến 5 năm (ii)	-	1.500.000
Trên 5 năm (iii)	3.201.740	52.953
Phát hành trái phiếu chuyển đổi (iv)	3.000.000	3.000.000
	6.253.623	5.643.295

(i) Đây là các chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất năm trong khoảng từ 4,50% đến 7,05% (2013: 6,80% đến 7,00%).

(ii) Đây là trái phiếu chịu lãi suất năm từ 10,50% (2013: từ 10,50% đến 14,00%).

(iii) Đây là các chứng chỉ tiền gửi chịu lãi suất trong năm khoảng 0,10% đến 8,80% (2013: 0,10% đến 6,80%).

(iv) Đây là các trái phiếu chuyển đổi phát hành cho các cổ đông hiện hữu của Ngân hàng tại thời điểm phát hành với kỳ hạn 10 năm. Trái phiếu phát hành năm 2010 và có lãi suất cho 5 năm đầu tiên của kỳ hạn trái phiếu là 0%. Từ năm thứ 6, lãi suất áp dụng là 15%/năm hoặc lãi suất trần áp dụng cho các trái phiếu tương tự nếu mức lãi suất trần đó nhỏ hơn 15%. Cổ đông nắm giữ trái phiếu chuyển đổi này có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông sau 5 năm. Tỷ lệ chuyển đổi ban đầu là 17.188,38 VND được một cổ phiếu phổ thông, có mệnh giá 10.000 VND tại ngày phát hành. Sau khi Ngân hàng phát hành cổ phiếu thường trong năm 2011, tỷ lệ chuyển đổi giảm xuống 13.683,04 VND được một cổ phiếu phổ thông do các điều khoản chống pha loãng của trái phiếu chuyển đổi.

21. CÁC KHOẢN NỢ KHÁC

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Lãi và phí phải trả	1.907.877	1.861.191
Các khoản phải trả và công nợ khác		
• Phải trả nội bộ	127.621	-
• Chuyển tiền phải trả	49.593	137.736
• Phải trả nhân viên	191.468	203.931
• Các khoản phải trả hộ các tổ chức tín dụng khác	202.342	90.815
• Phải trả hợp đồng mua nợ từ công ty quản lý nợ và khai thác tài sản của các ngân hàng thương mại cổ phần trong nước	9.814	668.129
• Thuế phải nộp (i)	141.946	35.171
• Doanh thu chưa thực hiện	26.560	185.480
• Ứng trước từ khách hàng	3.805	3.477
• Chi phí trích trước	340.631	470.320
• Phải trả các hoạt động quảng cáo, khuyến mãi	31.199	49.292
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	10.984	-
• Các khoản phải trả khác (ii)	371.388	175.755
	1.507.351	2.020.106
Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng (iii)	-	111.810
	3.415.228	3.993.107

(i) Thuế phải nộp

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Thuế giá trị gia tăng	41.929	19.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp	85.696	76
Các loại thuế khác	14.321	15.133
	141.946	35.171

Chi tiết thuế phải nộp được trình bày tại Thuyết minh 36.

(ii) Phải trả khác bao gồm:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Tạm ứng giao dịch thanh toán trước bộ chứng từ trả chậm (*)	145.184	-
Phải trả thực hiện hợp đồng mua bán nợ	40.000	-
Tiền giữ hộ và đợi thanh toán	88.620	18.703
Các khoản phải trả khác	97.584	157.052
Số dư cuối năm	371.388	175.755

(*) Đây là số tiền nhà nhập khẩu tạm ứng cho Techcombank để thực hiện giao dịch thanh toán trước cho nhà xuất khẩu trong các hợp đồng thư tín dụng trả chậm (Thuyết minh 17(iv)).

(iii) Dự phòng cho các cam kết ngoại bảng

Biến động dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng như sau:

	2014 Triệu VNĐ	2013 Triệu VNĐ
Số dư đầu năm	111.810	116.062
Hoàn nhập dự phòng trong năm (Thuyết minh 30)	(111.810)	(4.252)
Số dư cuối năm	-	111.810

22. VỐN VÀ CÁC QUỸ

Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu

(Triệu VNĐ)

	Vốn cổ phần	Quỹ dự trữ bổ sung vốn cổ phần	Quỹ dự phòng tài chính	Các quỹ khác	Tổng các quỹ	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013	8.848.079	2.516.873	958.871	-	3.475.744	965.753	13.289.576
Chuyển sang vốn cổ phần	30.000	-	-	-	-	(30.000)	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	659.071	659.071
Trích bổ sung các quỹ	-	835.738	60.869	-	896.607	(896.607)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(436)	-	(436)	-	(436)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(28.844)	(28.844)
Biến động khác	-	-	-	474	474	228	702
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014	8.878.079	3.352.611	1.019.304	474	4.372.389	669.601	13.920.069
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	1.081.858	1.081.858
Trích bổ sung các quỹ	-	63.170	118.217	-	181.387	(181.387)	-
Sử dụng các quỹ	-	-	(2.216)	-	(2.216)	-	(2.216)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(13.661)	(13.661)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014	8.878.079	3.415.781	1.135.305	474	4.551.560	1.556.411	14.986.050

Vốn cổ phần

	31/12/2014		31/12/2013	
	Số cổ phiếu	Triệu VND	Số cổ phiếu	Triệu VND
Vốn cổ phần được duyệt	887.807.871	8.878.079	887.807.871	8.878.079
Vốn cổ phần đã phát hành				
Cổ phiếu phổ thông	887.807.871	8.878.079	887.807.871	8.878.079
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	887.807.871	8.878.079	887.807.871	8.878.079

Mệnh giá của mỗi cổ phiếu phổ thông của Techcombank là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Techcombank. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Techcombank công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Techcombank.

Như đã đề cập tại Thuyết minh 4(r) và Thuyết minh 20, trái phiếu chuyển đổi bắt buộc có thứ tự ưu tiên như cổ phiếu phổ thông đối với tài sản còn lại của Techcombank.

23. THU NHẬP LÃI THUẦN

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập lãi và các khoản thu nhập tương tự từ		
Thu nhập lãi tiền gửi	330.255	1.030.519
Thu nhập lãi cho vay	7.723.850	7.383.889
Thu lãi từ đầu tư chứng khoán	4.877.512	4.866.897
	12.931.617	13.281.305
Chi phí lãi và các chi phí tương tự cho		
Trả lãi tiền gửi	(6.687.930)	(8.029.476)
Trả lãi tiền vay	(279.180)	(542.787)
Trả lãi phát hành giấy tờ có giá	(191.877)	(373.380)
	(7.158.987)	(8.945.643)
Thu nhập lãi thuần	5.772.630	4.335.662

24. LÃI THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động dịch vụ từ		
Dịch vụ bảo lãnh	98.711	100.525
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	909.938	728.309
Dịch vụ ngân quỹ	6.342	18.429
Dịch vụ ủy thác và đại lý	1.516	1.759
Dịch vụ tư vấn	247.046	112.125
Dịch vụ khác	401.852	188.891
	1.665.405	1.150.038
Chi phí hoạt động dịch vụ		
Dịch vụ thanh toán và tiền mặt	(183.468)	(137.709)
Chi phí truyền thông	(35.508)	(36.006)
Dịch vụ ngân quỹ	(50.741)	(55.739)
Dịch vụ tư vấn	(143.857)	(74.298)
Dịch vụ khác	(129.248)	(110.043)
	(542.822)	(413.795)
Thu nhập thuần từ hoạt động dịch vụ	1.122.583	736.243

25. LÃI/(LỖ) THUẦN TỪ KINH DOANH NGOẠI HỐI VÀ VÀNG

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Thu nhập từ kinh doanh ngoại tệ	250.813	560.436
Thu nhập từ kinh doanh vàng	-	87.415
Thu từ các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	268.842	224.861
	519.655	872.712
Chi phí từ kinh doanh ngoại hối và vàng		
Chi phí hoạt động kinh doanh ngoại hối	(240.330)	(637.044)
Chi phí hoạt động kinh doanh vàng	-	(180.278)
Chi cho các công cụ tài chính phái sinh tiền tệ	(256.427)	(176.891)
	(496.757)	(994.213)
Lãi/(lỗ) thuần từ kinh doanh ngoại hối và vàng	22.898	(121.501)

26. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN KINH DOANH

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán kinh doanh	182.604	137.423
Chi phí từ mua bán chứng khoán kinh doanh	(83.732)	(62.271)
Chi phí dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	(16.538)	(21.958)
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (Thuyết minh 8)	14.893	51.943
	97.227	105.137

27. LÃI THUẦN TỪ MUA BÁN CHỨNG KHOÁN ĐẦU TƯ

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập từ mua bán chứng khoán đầu tư	586.459	199.051
Chi phí từ mua bán chứng khoán đầu tư	(63.170)	(264.991)
Hoàn nhập dự phòng cụ thể chứng khoán đầu tư (Thuyết minh 12)	-	244.850
Trích lập dự phòng trái phiếu VAMC (Thuyết minh 12)	(454.733)	(18.000)
Hoàn nhập dự phòng trái phiếu VAMC (Thuyết minh 12)	9.098	-
	77.654	160.910

28. THU NHẬP THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG KHÁC

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập hoạt động kinh doanh khác		
Thu nhập từ các công cụ tài chính phát sinh khác	411.364	100.215
Thu hồi nợ đã xóa sổ trong những năm trước	54.826	63.392
Thu nhập từ khoản đặt cọc thuê văn phòng	-	161.900
Thu nhập khác	519.732	413.139
	985.922	738.646
Chi phí hoạt động kinh doanh khác		
Chi từ các công cụ tài chính phát sinh khác	(352.403)	(66.418)
Chi khác	(625.072)	(258.096)
	(977.475)	(324.514)
	8.447	414.132

29. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Lương và các chi phí liên quan	1.626.522	1.385.789
Chi phí in ấn, tiếp thị và khuyến mại	134.965	278.924
Chi thuê văn phòng và tài sản	445.031	414.004
Khấu hao tài sản cố định	268.867	287.287
Chi nộp thuế và các khoản phí, lệ phí	79.552	109.331
Chi phí thông tin liên lạc	35.948	36.947
Chi về tài sản và công cụ, dụng cụ	73.952	80.800
Chi bảo dưỡng và sửa chữa tài sản	172.107	173.493
Chi phí điện, nước, vệ sinh	52.762	57.880
Chi nộp phí bảo hiểm, bảo toàn tiền gửi của khách hàng	112.519	106.192
Chi công tác phí	42.243	28.588
Trích lập dự phòng các tài sản có khác (Thuyết minh 17)	23.325	8.201
Trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn (Thuyết minh 13)	5.242	-
Chi phí hoạt động khác	358.010	388.230
	3.431.045	3.355.666

30. CHI PHÍ DỰ PHÒNG RỦI RO TÍN DỤNG

	Thuyết minh	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Hoàn nhập dự phòng chung cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	(35.132)	(18.479)
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	9.770	-
Hoàn nhập dự phòng cụ thể cho vay các tổ chức tín dụng khác	7	-	(2.300)
Trích lập dự phòng chung cho vay khách hàng	11	260.433	86.323
Hoàn nhập dự phòng chung cho vay khách hàng	11	(215.147)	(39.165)
Trích lập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	11	1.479.270	2.042.613
Hoàn nhập dự phòng cụ thể cho vay khách hàng	11	(301.678)	(650.776)
Trích lập dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	12	153.058	-
Hoàn nhập dự phòng chung trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	12	(12.786)	-
Trích lập dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	12	379.676	-
Hoàn nhập dự phòng cụ thể trái phiếu doanh nghiệp chưa niêm yết	12	(60.429)	-
Trích lập dự phòng cho nợ đã bán nhưng chưa thu được tiền	17	749.929	-
Hoàn nhập dự phòng cho nợ mua về	17	(36.788)	-
Hoàn nhập dự phòng chung cho các cam kết ngoại bảng	21	(111.810)	(4.252)
		2.258.366	1.413.964

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện tại	317.992	213.146
Chi phí thuế TNDN bổ sung cho những năm trước	6.336	-
Ảnh hưởng do thuế suất khác của công ty con	(245)	-
	324.083	213.146
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh các chênh lệch tạm thời	11.080	-
Chi phí thuế thu nhập	335.163	213.146

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Thu nhập từ hoạt động kinh doanh trước thuế	1.417.021	878.206
<i>Điều chỉnh:</i>		
• Thu nhập từ cổ tức không chịu thuế	(4.993)	(17.253)
• Các khoản chi phí không được khấu trừ	89.898	-
• Thu nhập khác không chịu thuế	-	(7.608)
• Điều chỉnh lợi nhuận do hợp nhất báo cáo tài chính	-	(761)
• Chuyển lỗ các năm trước của công ty con	(50.136)	-
• Doanh thu chưa thực hiện	(6.374)	-
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.445.416	852.584
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế	317.992	213.146
Điều chỉnh tăng thuế TNDN phải trả của các năm trước	6.336	-
Ảnh hưởng do thuế suất khác của công ty con	(245)	-
Tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành	324.083	213.146
Điều chỉnh theo quyết toán thuế	-	211
Thuế TNDN được khấu trừ đầu năm	(19.864)	(194.676)
Thuế TNDN đã trả trong năm	(217.534)	(38.545)
Điều chỉnh chênh lệch thuế TNDN của các năm trước	(1.230)	-
Thuế TNDN phải trả/(được khấu trừ) cuối năm	85.455	(19.864)

(c) Thuế suất áp dụng

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2014, mức thuế suất thuế thu nhập của Ngân hàng giảm từ 25% xuống 22% (cho năm 2014 và 2015), và mức này sẽ giảm xuống 20% từ năm 2016 do thay đổi trong luật thuế thu nhập có hiệu lực.

(d) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Doanh thu chưa thực hiện và giá trị thuế các khoản lỗ mang sang	17.498	28.578

32. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

(i) Lợi nhuận thuần sau thuế

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.081.858	659.071

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Số cổ phiếu phổ thông đã phát hành đầu năm	887.807.871	884.807.871
Ảnh hưởng của trái phiếu chuyển đổi bắt buộc	213.199.321	213.199.321
Ảnh hưởng của việc phát hành cổ phiếu cho nhân viên trong năm	-	552.198
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông trong năm	1.101.007.192	1.098.559.390

(iii) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	983	600

33. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Tiền mặt và vàng	2.723.642	2.291.494
Tiền gửi tại NHNNVN	1.168.265	2.830.794
Chứng khoán đầu tư có kỳ hạn không quá 3 tháng	5.204.019	3.670.246
Tiền gửi tại các tổ chức tín dụng với kỳ hạn gốc không quá 3 tháng	8.971.549	8.404.194
	18.067.475	17.196.728

34. CÁC GIAO DỊCH CHỦ YẾU VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Techcombank có thực hiện các giao dịch với các bên liên quan. Các điều khoản của những giao dịch này được thực hiện theo các quy định của Ngân hàng và do Ban Điều hành Techcombank phê duyệt.

Số dư và các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan tại thời điểm cuối năm và trong năm như sau:

	Số dư		Giao dịch	
	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND	2014 Triệu VND	2013 Triệu VND
Công ty cổ phần EuroFinance - Cổ đông và bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Techcombank				
Tiền gửi không kỳ hạn	4	-		
Công ty Cổ phần Masan - Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Techcombank				
Tiền gửi không kỳ hạn	66.492	1.113		
Chi phí lãi			9	34
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan - Cổ đông và bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Techcombank				
Phải thu khác	-	134.623		
Tiền gửi không kỳ hạn	9.621	11.122		
Tiền gửi có kỳ hạn	104.614	226.500		
Chi phí lãi			15.885	13.509
Công ty CP Công Nghệ Môi Trường và Xây Dựng Sài Gòn (SENCO) - Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Techcombank				
Tiền gửi không kỳ hạn	484	146		
Cho vay khách hàng	2.538	1.490		
Thu nhập lãi			100	188
Chi phí lãi			2	47
Công ty Cổ phần Cửa sổ nhựa Châu Âu - Bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Techcombank				
Tiền gửi không kỳ hạn	22.277	5.365		
Cho vay khách hàng	284.165	478.430		
Thu nhập lãi			29.232	36.553
Chi phí lãi			380	28
Công ty CP Đầu tư T&M Việt Nam - Bên liên quan do thành viên mật thiết trong gia đình của thành viên trong Hội đồng Quản trị Techcombank nắm giữ quyền biểu quyết				
Tiền gửi không kỳ hạn	4	45		

	Số dư		Giao dịch	
	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ	2014 Triệu VNĐ	2013 Triệu VNĐ
Công ty Cổ phần Đầu tư TTTM Vinh - Bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Techcombank				
Tiền gửi không kỳ hạn	23	32		
Thu nhập lãi			-	45.250
Chi phí lãi			-	55.959
Công ty Cổ phần Đầu tư Trung tâm thương mại Hà Nội - Matxcova - Bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Techcombank				
Tiền gửi không kỳ hạn	9	12		
Công ty CP Hàng tiêu dùng Masan (trước đây là Công ty Thực phẩm Masan) - Cổ đông và Bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Techcombank				
Tiền gửi không kỳ hạn	141	688		
Tiền gửi có kỳ hạn	3.186.100	2.824.100		
Chi phí lãi			139.885	81.044
Ngân hàng TNHH Một Thành viên HSBC (Việt Nam) - Cổ đông lớn				
Tiền gửi không kỳ hạn	55.993	-		
Thu nhập lãi			-	19
Chi phí lãi			8.483	8.614
Sàn giao dịch Bất động sản - Chi nhánh Công ty Eurowindow Holdings - Cổ đông và bên liên quan có thành viên trong Hội đồng Quản trị Techcombank				
Tiền gửi không kỳ hạn	39	28		
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát				
Thù lao các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát			26.804	21.984
Ban Điều hành				
Thù lao các thành viên Ban Điều hành			62.502	50.837

35. TÌNH HÌNH THU NHẬP CỦA CÁN BỘ, CÔNG NHÂN VIÊN

	2014	2013
Tổng số cán bộ, công nhân viên tại ngày 31 tháng 12 (người)	7.419	7.290
Số lượng cán bộ, công nhân viên bình quân trong năm (người)	7.355	7.229
Thu nhập của cán bộ, công nhân viên		
1. Lương (Triệu VNĐ)	1.314.573	1.127.677
2. Các khoản phụ cấp và thu nhập khác (Triệu VNĐ)	311.949	258.112
	1.626.522	1.385.789
Tiền lương bình quân/tháng (Triệu VNĐ)	15	13
Thu nhập bình quân/tháng (Triệu VNĐ)	18	16

36. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC (Thuyết minh 17 và Thuyết minh 21)

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

	1/1/2014	Số phát sinh trong năm	Điều chỉnh	Số đã nộp trong năm	31/12/2014	31/12/2014	31/12/2014
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Phải thu Triệu VNĐ	Phải trả Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	19.962	134.806	-	(112.839)	-	41.929	41.929
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(19.864)	324.083	(1.230)	(217.534)	(241)	85.696	85.455
Các loại thuế khác	15.133	135.300	-	(136.117)	(5)	14.321	14.316
	15.231	594.189	(1.230)	(466.490)	(246)	141.946	141.700

Năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

	1/1/2013	Số phát sinh trong năm	Điều chỉnh	Số đã nộp trong năm	31/12/2013	31/12/2013	31/12/2013
	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Triệu VNĐ	Phải thu Triệu VNĐ	Phải trả Triệu VNĐ	Triệu VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	22.841	288.769	-	(291.648)	-	19.962	19.962
Thuế thu nhập doanh nghiệp	(194.676)	213.146	211	(38.545)	(19.940)	76	(19.864)
Các loại thuế khác	16.882	117.588	-	(119.337)	-	15.133	15.133
	(154.953)	619.503	211	(449.530)	(19.940)	35.171	15.231

37. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Bộ phận chia theo vùng địa lý

Techcombank theo dõi thông tin chia theo các vùng địa lý chính tại Việt Nam như sau:

(Triệu VNĐ)	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản	124.254.051	105.658.924	3.969.415	6.078.157	47.678.328	47.159.582	175.901.794	158.896.663
Nợ phải trả	109.948.813	92.648.590	3.885.106	5.923.604	47.081.825	46.404.400	160.915.744	144.976.594
Tài sản cố định	996.125	974.989	5.247	11.276	35.133	46.472	1.036.505	1.032.737

(Triệu VNĐ)	Miền Bắc		Miền Trung		Miền Nam		Tổng cộng	
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
Doanh thu trực tiếp	12.360.248	11.158.503	371.348	603.393	4.144.369	4.891.367	16.875.965	16.653.263
Chi phí (*)	(11.624.132)	(11.227.030)	(287.039)	(445.085)	(3.547.773)	(4.102.942)	(15.458.944)	(15.775.057)
Lợi nhuận gộp trước thuế	736.116	(68.527)	84.309	158.308	596.596	788.425	1.417.021	878.206

(*) Đây là chi phí trực tiếp và không bao gồm khoản phân bổ chi phí của Hội sở.

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Techcombank hoạt động trong lĩnh vực ngân hàng bán lẻ, quản lý tài sản, kinh doanh chứng khoán và quản lý quỹ.

(Triệu VND)	Ngân hàng		Quản lý tài sản		Kinh doanh chứng khoán		Quản lý quỹ		Cấu trừ		Tổng cộng	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
Tài sản	176.218.011	157.227.975	1.783.159	2.685.317	1.240.332	506.948	54.597	47.624	(3.394.305)	(1.571.201)	175.901.794	158.896.663
Nợ phải trả	161.543.558	143.599.987	1.250.233	2.190.970	64.287	2.203	1.971	4.635	(1.944.305)	(821.201)	160.915.744	144.976.594
Tài sản cố định	1.012.148	1.000.346	20.392	31.230	3.965	1.161	-	-	-	-	1.036.505	1.032.737

(Triệu VND)	Ngân hàng		Quản lý tài sản		Kinh doanh chứng khoán		Quản lý quỹ		Cấu trừ		Tổng cộng	
	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013	2014	2013
Doanh thu	16.412.655	16.461.237	500.949	376.916	402.636	159.524	19.833	8.698	(460.108)	(353.112)	16.875.965	16.653.263
Chi phí	(15.071.091)	(15.726.128)	(451.290)	(366.412)	(207.506)	(27.516)	(7.633)	(8.113)	278.576	353.112	(15.458.944)	(15.775.057)
Lợi nhuận góp trước thuế	1.341.564	735.109	49.659	10.504	195.130	132.008	12.200	585	(181.532)	-	1.417.021	878.206

38. QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Phần này cung cấp chi tiết về các rủi ro mà Techcombank có thể gặp phải liên quan đến các công cụ tài chính và mô tả chi tiết các phương pháp mà ban lãnh đạo Techcombank sử dụng để kiểm soát các rủi ro này. Các loại rủi ro tài chính quan trọng nhất mà Techcombank dễ gặp phải là rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường.

(i) Chính sách quản lý rủi ro

Hội đồng Quản trị có quyền hạn và nhiệm vụ cao nhất trong việc điều hành tất cả các hoạt động của Techcombank liên quan đến quản lý rủi ro, bảo đảm hoạt động kinh doanh của Techcombank không ngừng phát triển, an toàn và bền vững.

Để thực hiện chức năng và nhiệm vụ của mình, Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm ban hành các chính sách và chiến lược quản lý rủi ro phù hợp trong từng thời kỳ; xác lập các giới hạn kinh doanh an toàn; trực tiếp phê duyệt các giao dịch kinh doanh có giá trị lớn theo quy định của pháp luật và Techcombank trong từng thời kỳ; quyết định cơ cấu tổ chức và các vị trí nhân sự chủ chốt.

Các chính sách, hoạt động quản lý rủi ro của Hội đồng Quản trị phải phù hợp với các quy định tại Điều lệ của Techcombank và Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông trong từng thời kỳ.

Ủy ban kiểm toán và rủi ro ("ARCO") là cơ quan được Hội đồng Quản trị thiết lập nhằm thực thi một số chức năng, nhiệm vụ chuyên môn do Hội đồng Quản trị phân công và/hoặc ủy quyền thực hiện liên quan đến kiểm toán, kiểm tra giám sát và quản trị rủi ro của hoạt động Ngân hàng.

ARCO có nhiệm vụ ban hành và giám sát thực hiện chính sách rủi ro, khẩu vị rủi ro và các quy định về quản lý các vấn đề rủi ro trong hoạt động của Techcombank và phê duyệt hạn mức rủi ro thị trường, hạn mức rủi ro tín dụng theo ngành, lĩnh vực, và các hạn mức rủi ro tổng thể khác của Techcombank.

(ii) Rủi ro tín dụng

Techcombank chịu rủi ro tín dụng trong quá trình cho vay, đầu tư cũng như khi Techcombank đóng vai trò trung gian thay mặt khách hàng hay các bên thứ ba khác hay khi Techcombank cấp bảo lãnh. Rủi ro khi các bên đối tác không có khả năng thanh toán nợ được giám sát một cách liên tục. Để quản lý được mức độ rủi ro tín dụng, Techcombank chỉ giao dịch với các đối tác có uy tín tín dụng cao và khi thích hợp, sẽ yêu cầu có tài sản đảm bảo. Rủi ro tín dụng chính mà Techcombank gặp phải phát sinh từ các khoản cho vay và ứng trước của Techcombank. Mức độ rủi ro tín dụng này được phản ánh theo giá trị ghi sổ của các tài sản trên bảng cân đối kế toán. Ngoài ra Techcombank còn gặp phải rủi ro tín dụng ngoại bảng dưới dạng các cam kết cấp tín dụng và cấp bảo lãnh.

Để quản lý rủi ro tín dụng Techcombank sử dụng các công cụ: xây dựng chính sách và ban hành các quy định liên quan công tác quản lý rủi ro tín dụng; xây dựng các quy trình tín dụng; thực hiện rà soát rủi ro tín dụng; xây dựng hệ thống xếp hạng tín dụng và phân loại nợ; phân cấp thẩm quyền trong hoạt động tín dụng.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Số liệu thể hiện trung thực nhất mức độ rủi ro tín dụng nội bảng tối đa của Techcombank, không tính đến tài sản đảm bảo hay hỗ trợ tín dụng, bao gồm:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	18.932.230	15.455.879
Chứng khoán kinh doanh - gộp (i)	1.913.269	688.776
Cho vay khách hàng - gộp	80.307.567	70.274.919
Chứng khoán đầu tư - gộp	55.901.884	49.793.363
Tài sản tài chính khác - gộp	13.717.296	15.601.578
	170.772.246	151.814.515

(i) Chứng khoán kinh doanh không bao gồm các khoản đầu tư vào chứng khoán vốn.

Thông tin về chất lượng tín dụng của các tài sản tài chính chưa quá hạn và chưa bị giảm giá:

	31/12/2014 Triệu VNĐ	31/12/2013 Triệu VNĐ
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	18.733.730	15.455.879
Chứng khoán đầu tư kinh doanh - gộp	1.913.269	688.776
Cho vay khách hàng - gộp	76.478.617	63.736.184
Chứng khoán đầu tư - gộp	52.343.959	47.344.570
Tài sản tài chính khác - gộp	6.542.644	14.840.026
	156.012.219	142.065.435

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Thông tin về tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá như sau:

(Triệu VNĐ)	Quá hạn dưới 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng - gộp	811.629	157.079	83.539	197.618	1.249.865
	811.629	157.079	83.539	197.618	1.249.865

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Thông tin về tài sản tài chính đã bị giảm giá như sau:

(Triệu VNĐ)	Chưa quá hạn	Quá hạn dưới 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Tổng cộng
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	-	-	198.500	198.500
Cho vay khách hàng - gộp	-	1.103.485	375.246	242.797	857.557	2.579.085
Chứng khoán đầu tư - gộp	2.980.698	-	-	-	577.227	3.557.925
Tài sản tài chính khác - gộp	7.118.042	2.763	-	-	53.847	7.174.652
	10.098.740	1.106.248	375.246	242.797	1.687.131	13.510.162

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Thông tin về tài sản tài chính đã quá hạn nhưng chưa bị giảm giá như sau:

(Triệu VNĐ)	Quá hạn dưới 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng - gộp	633.771	160.958	479.979	107.366	1.382.074
Chứng khoán đầu tư - gộp	300.000	-	-	325.000	625.000
	933.771	160.958	479.979	432.366	2.007.074

Thông tin về tài sản tài chính đã bị giảm giá như sau:

(Triệu VNĐ)	Chưa quá hạn	Quá hạn dưới 90 ngày	Quá hạn từ 91 đến 180 ngày	Quá hạn từ 181 đến 360 ngày	Quá hạn trên 360 ngày	Tổng cộng
Cho vay khách hàng - gộp	-	3.338.720	286.940	648.870	882.131	5.156.661
Chứng khoán đầu tư - gộp	1.823.793	-	-	-	-	1.823.793
Tài sản tài chính khác - gộp	747.214	-	-	-	14.338	761.552
	2.571.007	3.338.720	286.940	648.870	896.469	7.742.006

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Giá trị ghi sổ của tài sản do Techcombank nắm giữ làm tài sản thế chấp tại thời điểm cuối năm, ghi nhận theo giá trị đánh giá định kỳ hàng năm hoặc tại thời điểm cho vay theo quy định nội bộ của Ngân hàng, được trình bày dưới đây:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Bất động sản	111.586.287	98.546.071
Máy móc thiết bị	33.874.777	36.272.830
Giấy tờ có giá	37.624.505	28.442.971
Các tài sản đảm bảo khác	41.823.363	50.791.715
	224.908.932	214.053.587

(iii) *Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản phát sinh trong quá trình Techcombank huy động vốn nói chung và trong quá trình quản lý các trạng thái tiền tệ của Techcombank. Rủi ro thanh khoản bao gồm rủi ro do việc không có khả năng huy động được tài sản theo các thời điểm đáo hạn và lãi suất phù hợp cũng như rủi ro do việc không có khả năng thanh lý được một tài sản với một giá cả hợp lý và trong một khoảng thời gian phù hợp.

Bảng dưới đây trình bày phân tích tài sản và nợ phải trả của Techcombank theo các nhóm kỳ đáo hạn tương ứng tính theo thời hạn còn lại từ ngày kết thúc niên độ kế toán đến ngày phải thanh toán. Trong thực tế, kỳ đáo hạn thực tế của tài sản và nợ phải trả tài chính có thể khác thời hạn theo hợp đồng theo phụ lục hợp đồng có thể có.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Triệu VND)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	2.723.642	-	-	-	-	2.723.642
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.168.265	-	-	-	-	1.168.265
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	198.500	8.716.568	6.803.544	3.018.720	194.898	-	18.932.230
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	2.037.360	-	-	-	51.958	2.089.318
Cho vay khách hàng - gộp	1.915.114	1.913.836	5.044.307	10.520.859	25.005.617	28.094.868	7.812.966	80.307.567
Chứng khoán đầu tư - gộp	-	577.227	4.414.292	3.563.895	5.866.422	34.001.954	7.478.094	55.901.884
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	697.630	697.630
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	65	1.307	18.234	458.358	1.947.930	2.425.894
Tài sản có khác - gộp	2.763	53.847	9.447.149	828.359	919.713	2.788.368	301.253	14.341.452
	1.917.877	2.743.410	33.551.648	21.717.964	34.828.706	65.538.446	18.289.831	178.587.882
Nợ phải trả								
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	-	-	10.381.539	4.205.502	3.642.508	1.241.859	-	19.471.408
Tiền gửi của khách hàng	-	-	63.596.877	28.309.968	23.117.188	14.473.805	2.191.972	131.689.810
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	-	-	(80.524)	(7.031)	102.733	3.231	-	18.409
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	200	3.296	11.524	45.770	6.476	67.266
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	47.882	1.277	4.231	5.200.181	1.000.052	6.253.623
Các khoản nợ khác	-	-	2.139.345	289.088	527.577	436.427	22.791	3.415.228
	-	-	76.085.319	32.802.100	27.405.761	21.401.273	3.221.291	160.915.744
Mức chênh thanh khoản ròng	1.917.877	2.743.410	(42.533.671)	(11.084.136)	7.422.945	44.137.173	15.068.540	17.672.138

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Triệu VND)	Quá hạn dưới 3 tháng	Quá hạn trên 3 tháng	Đến 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản								
Tiền mặt và vàng	-	-	2.291.494	-	-	-	-	2.291.494
Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.830.794	-	-	-	-	2.830.794
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	-	8.135.649	3.986.092	2.442.500	650.000	241.638	15.455.879
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	-	921.035	-	-	-	-	921.035
Cho vay khách hàng - gộp	3.972.491	2.566.244	5.009.640	9.269.439	25.264.376	10.510.562	13.682.167	70.274.919
Chứng khoán đầu tư - gộp	300.000	325.000	3.670.180	1.634.821	12.979.221	28.131.925	2.822.444	49.863.591
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	-	-	-	-	-	128.625	128.625
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	-	108.842	76	10.397	402.931	1.931.960	2.454.206
Tài sản có khác - gộp	-	14.338	8.608.934	1.059.253	3.272.882	2.998.853	13.792	15.968.052
	4.272.491	2.905.582	31.576.568	15.949.681	43.969.376	42.694.271	18.820.626	160.188.595
Nợ phải trả								
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	-	-	6.844.382	4.578.308	1.897.899	1.899.225	5.160	15.224.974
Tiền gửi của khách hàng	-	-	67.742.527	20.762.464	30.393.909	1.048.752	30.272	119.977.924
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	-	-	(50.355)	24.418	99.489	(395)	-	73.157
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	2.505	3.667	13.798	40.212	3.955	64.137
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.070.335	70.000	1.500.000	3.000.037	2.923	5.643.295
Các khoản nợ khác	-	-	1.407.829	842.990	1.544.404	85.542	532	3.881.297
	-	-	77.017.223	26.281.847	35.449.499	6.073.373	42.842	144.864.784
Mức chênh thanh khoản ròng	4.272.491	2.905.582	(45.440.655)	(10.332.166)	8.519.877	36.620.898	18.777.784	15.323.811

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

(iii) *Rủi ro thị trường*

Rủi ro lãi suất

Các hoạt động của Techcombank chịu rủi ro về biến động lãi suất khi các tài sản thu lãi và nợ phải trả chịu lãi đáo hạn tại những thời điểm khác nhau hoặc với những giá trị khác nhau. Một số tài sản không có kỳ hạn cụ thể hoặc rất nhạy cảm với lãi suất và không tương ứng với từng khoản công nợ cụ thể.

Bảng dưới đây trình bày các tài sản và nợ phải trả của Techcombank được phân loại theo thời hạn định giá lại theo hợp đồng hoặc theo ngày đáo hạn và lãi suất thực tế tại ngày lập báo cáo tài chính.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Triệu VND)	Quá hạn	Không ảnh hưởng bởi lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	2.723.642	-	-	-	-	-	-	2.723.642
Tiền gửi tại NHNNVN	-	1.168.265	-	-	-	-	-	-	1.168.265
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	198.500	1.545.842	7.170.726	6.998.442	1.306.260	1.712.460	-	-	18.932.230
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	691.693	-	-	-	7.929	1.389.696	-	2.089.318
Cho vay khách hàng - gộp	3.828.950	-	46.314.366	9.536.991	9.381.636	5.522.355	5.247.106	476.163	80.307.567
Chứng khoán đầu tư - gộp	577.227	146.147	3.985.969	8.182.663	5.322.603	5.596.500	28.210.199	3.880.576	55.901.884
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	697.630	-	-	-	-	-	-	697.630
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	2.425.894	-	-	-	-	-	-	2.425.894
Tài sản có khác - gộp	56.610	14.284.842	-	-	-	-	-	-	14.341.452
	4.661.287	23.683.955	57.471.061	24.718.096	16.010.499	12.839.244	34.847.001	4.356.739	178.587.882
Nợ phải trả									
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	-	479.875	10.318.086	4.205.502	4.462.734	5.211	-	-	19.471.408
Tiền gửi của khách hàng	-	22.107.516	42.597.073	27.885.760	13.356.262	9.081.220	16.648.734	13.245	131.689.810
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	-	-	(77.661)	(7.031)	24.098	75.772	3.231	-	18.409
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	19.771	47.495	-	-	-	-	67.266
Phát hành giấy tờ có giá	-	(11.453)	59.335	1.277	2.051	2.180	6.200.030	203	6.253.623
Các khoản nợ khác	-	3.415.228	-	-	-	-	-	-	3.415.228
	-	25.991.166	52.916.604	32.133.003	17.845.145	9.164.383	22.851.995	13.448	160.915.744
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	4.661.287	(2.307.211)	4.554.457	(7.414.907)	(1.834.646)	3.674.861	11.995.006	4.343.291	17.672.138

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Triệu VND)	Quá hạn	Không ảnh hưởng bởi lãi	Dưới 1 tháng	Từ 1 đến 3 tháng	Từ 3 đến 6 tháng	Từ 6 đến 12 tháng	Từ 1 đến 5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Tài sản									
Tiền mặt và vàng	-	2.291.494	-	-	-	-	-	-	2.291.494
Tiền gửi tại NHNNVN	-	2.830.794	-	-	-	-	-	-	2.830.794
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	-	3.904.705	4.230.944	4.950.230	2.050.000	320.000	-	-	15.455.879
Chứng khoán kinh doanh - gộp	-	232.259	-	-	-	-	688.776	-	921.035
Cho vay khách hàng - gộp	6.538.735	-	36.037.919	10.161.204	6.606.134	9.308.639	1.602.520	19.768	70.274.919
Chứng khoán đầu tư - gộp	625.000	347.970	4.300.018	4.555.024	6.397.000	9.273.630	20.586.004	3.778.945	49.863.591
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	-	128.625	-	-	-	-	-	-	128.625
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	-	2.454.206	-	-	-	-	-	-	2.454.206
Tài sản có khác - gộp	14.338	15.453.714	-	500.000	-	-	-	-	15.968.052
	7.178.073	27.643.767	44.568.881	20.166.458	15.053.134	18.902.269	22.877.300	3.798.713	160.188.595
Nợ phải trả									
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	-	1.467.005	5.996.037	4.578.308	3.158.069	25.555	-	-	15.224.974
Tiền gửi của khách hàng	-	19.233.310	49.040.896	20.752.610	15.713.955	14.410.417	818.215	8.521	119.977.924
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	-	-	(50.751)	24.418	32.019	67.471	-	-	73.157
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	36.818	27.319	-	-	-	-	64.137
Phát hành giấy tờ có giá	-	-	1.070.341	70.000	-	500.000	4.000.030	2.924	5.643.295
Các khoản nợ khác	-	3.881.297	-	-	-	-	-	-	3.881.297
	-	24.581.612	56.093.341	25.452.655	18.904.043	15.003.443	4.818.245	11.445	144.864.784
Mức chênh lệch cam với lãi suất nội bảng	7.178.073	3.062.155	(11.524.460)	(5.286.197)	(3.850.909)	3.898.826	18.059.055	3.787.268	15.323.811

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Phân tích mức độ nhạy cảm với lãi suất

Bảng dưới đây phân tích tính độ mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 và vốn chủ sở hữu tại ngày 31 tháng 12 của Techcombank với giả định lãi suất huy động và cho vay tăng. Kết quả ngược lại nếu giả định lãi suất huy động và cho vay giảm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Loại tiền tệ	Mức tăng lãi suất	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu (Triệu VND)
VND	3,0%	212.951
USD	1,5%	(78.134)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Loại tiền tệ	Mức tăng lãi suất	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu (Triệu VND)
VND	3,0%	159.714
USD	1,5%	(58.600)

Rủi ro tiền tệ

Rủi ro tiền tệ là rủi ro mà giá trị của các công cụ tài chính bị biến động xuất phát từ biến động tỷ giá. Techcombank được thành lập và hoạt động tại Việt Nam với đồng tiền báo cáo là VND. Đồng tiền giao dịch chính của Techcombank cũng là VND. Các khoản cho vay khách hàng của Techcombank chủ yếu bằng VND và Đô la Mỹ. Một số tài sản khác của Techcombank bằng ngoại tệ khác ngoài VND và Đô la Mỹ. Techcombank đã thiết lập hạn mức trạng thái cho từng loại tiền tệ dựa trên hệ thống đánh giá rủi ro nội bộ của Techcombank và các quy định của NHNNVN. Trạng thái đồng tiền được quản lý hàng ngày và chiến lược phòng ngừa rủi ro được Techcombank sử dụng để đảm bảo trạng thái đồng tiền được duy trì trong hạn mức đã thiết lập.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

(Triệu VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	2.149.520	329.432	66.125	56.378	122.187	2.723.642
Tiền gửi tại NHNNVN	895.410	272.855	-	-	-	1.168.265
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	8.395.323	10.135.919	54.862	-	346.126	18.932.230
Chứng khoán kinh doanh - gộp	2.089.318	-	-	-	-	2.089.318
Cho vay khách hàng - gộp	72.567.141	7.711.891	24.555	-	3.980	80.307.567
Chứng khoán đầu tư - gộp	54.845.783	1.056.101	-	-	-	55.901.884
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	697.630	-	-	-	-	697.630
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.425.894	-	-	-	-	2.425.894
Tài sản có khác - gộp	13.303.297	1.025.576	130	-	12.449	14.341.452
	157.369.316	20.531.774	145.672	56.378	484.742	178.587.882
Nợ phải trả						
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	9.262.207	10.209.191	10	-	-	19.471.408
Tiền gửi của khách hàng	120.477.770	10.193.760	607.766	-	410.514	131.689.810
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	3.392.322	(3.026.170)	27.318	-	(375.061)	18.409
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	67.266	-	-	-	-	67.266
Phát hành giấy tờ có giá	6.253.596	27	-	-	-	6.253.623
Các khoản nợ khác	3.172.373	237.686	3.835	-	1.334	3.415.228
	142.625.534	17.614.494	638.929	-	36.787	160.915.744
Trạng thái tiền tệ nội bảng	14.743.782	2.917.280	(493.257)	56.378	447.955	17.672.138
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	4.352.764	(4.329.173)	411.488	-	(452.269)	(17.190)
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	19.096.546	(1.411.893)	(81.769)	56.378	(4.314)	17.654.948

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Triệu VND)	VND	USD	EUR	Vàng	Tiền tệ khác	Tổng cộng
Tài sản						
Tiền mặt và vàng	1.564.022	447.231	87.739	41.000	151.502	2.291.494
Tiền gửi tại NHNNVN	2.145.665	685.129	-	-	-	2.830.794
Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác - gộp	9.019.576	5.843.689	160.745	-	431.869	15.455.879
Chứng khoán kinh doanh - gộp	921.035	-	-	-	-	921.035
Cho vay khách hàng - gộp	61.254.995	8.944.405	71.373	-	4.146	70.274.919
Chứng khoán đầu tư - gộp	48.290.312	1.573.279	-	-	-	49.863.591
Góp vốn, đầu tư dài hạn - gộp	128.625	-	-	-	-	128.625
Tài sản cố định và bất động sản đầu tư	2.454.206	-	-	-	-	2.454.206
Tài sản có khác - gộp	15.852.810	114.698	544	-	-	15.968.052
	141.631.246	17.608.431	320.401	41.000	587.517	160.188.595
Nợ phải trả						
Tiền gửi và tiền vay từ các tổ chức tín dụng khác	3.998.752	11.226.211	11	-	-	15.224.974
Tiền gửi của khách hàng	108.289.063	10.759.188	441.204	-	488.469	119.977.924
Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính khác	4.099.997	(3.983.255)	(4.028)	(29.531)	(10.026)	73.157
Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	64.137	-	-	-	-	64.137
Phát hành giấy tờ có giá	5.642.970	325	-	-	-	5.643.295
Các khoản nợ khác	3.700.190	139.692	1.960	7	39.448	3.881.297
	125.795.109	18.142.161	439.147	(29.524)	517.891	144.864.784
Trạng thái tiền tệ nội bảng	15.836.137	(533.730)	(118.746)	70.524	69.626	15.323.811
Trạng thái tiền tệ ngoại bảng	1.745.158	(1.817.616)	115.736	-	(6.882)	36.396
Trạng thái tiền tệ nội, ngoại bảng	17.581.295	(2.351.346)	(3.010)	70.524	62.744	15.360.207

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Với giả định các biến số, đặc biệt là lãi suất, không thay đổi, bảng dưới đây phân tích mức độ ảnh hưởng tới báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 và vốn chủ sở hữu tại ngày cuối giai đoạn của Techcombank trong trường hợp:

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Loại tiền tệ	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu (Triệu VND)
USD	1%	(14.262)
Euro	1%	(826)
Vàng	3%	1.744
		(13.344)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Loại tiền tệ	Mức tăng tỷ giá	Ảnh hưởng đối với lợi nhuận thuần và vốn chủ sở hữu (Triệu VND)
USD	1%	(23.751)
Euro	1%	(30)
Vàng	3%	1.587
		(22.194)

39. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Các khoản phải trả tối thiểu theo những hợp đồng thuê tài sản hoạt động không hủy ngang như sau:

	31/12/2014 Triệu VND	31/12/2013 Triệu VND
Dưới một năm	114.278	6.478
Từ hai đến năm năm	215.989	24.834
	330.267	31.312

40. THUYẾT MINH CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Thuyết minh về giá trị hợp lý

Thông tư 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 yêu cầu thuyết minh về giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính để có thể so sánh giữa giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ.

Bảng sau trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các tài sản và nợ phải trả tài chính của Techcombank tại ngày 31 tháng 12 năm 2014:

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 (tiếp theo)

Mẫu B05/TCTD-HN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>(Triệu VND)</i>							
Tài sản tài chính							
I Tiền mặt và vàng	-	-	2.723.642	-	-	2.723.642	2.723.642
II Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	1.168.265	-	-	1.168.265	1.168.265
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	18.922.460	-	-	18.922.460	(*)
IV Chứng khoán kinh doanh	2.086.246	-	-	-	-	2.086.246	(*)
VI Cho vay khách hàng	-	-	79.347.790	-	-	79.347.790	(*)
VII Chứng khoán đầu tư	-	5.716.623	-	49.262.107	-	54.978.730	(*)
VIII Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	693.788	-	693.788	(*)
X Tài sản tài chính khác	-	-	13.717.296	-	-	13.717.296	(*)
	2.086.246	5.716.623	115.879.453	49.955.895	-	173.638.217	
Nợ phải trả tài chính							
II Tiền gửi và tiền vay từ tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	19.471.408	19.471.408	(*)
III Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	131.689.810	131.689.810	(*)
IV Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài sản tài chính khác	18.409	-	-	-	-	18.409	(*)
V Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay tổ chức tín dụng chịu rủi ro	-	-	-	-	67.266	67.266	(*)
VI Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	6.253.623	6.253.623	(*)
VII Nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	3.246.722	3.246.722	(*)
	18.409	-	-	-	160.728.829	160.747.238	

(*) Techcombank chưa xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

	Giá trị ghi sổ						Giá trị hợp lý
	Giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	Giữ đến ngày đáo hạn	Cho vay và phải thu	Sẵn sàng để bán	Hạch toán theo giá trị phân bổ	Tổng cộng giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
<i>(Triệu VND)</i>							
Tài sản tài chính							
I Tiền mặt và vàng	-	-	2.291.494	-	-	2.291.494	2.291.494
II Tiền gửi tại NHNNVN	-	-	2.830.794	-	-	2.830.794	2.830.794
III Tiền gửi và cho vay các tổ chức tín dụng khác	-	-	15.420.747	-	-	15.420.747	(*)
IV Chứng khoán kinh doanh	919.608	-	-	-	-	919.608	(*)
VI Cho vay khách hàng	-	-	69.088.680	-	-	69.088.680	(*)
VII Chứng khoán đầu tư	-	3.675.837	-	46.169.754	-	49.845.591	(*)
VIII Góp vốn đầu tư dài hạn	-	-	-	128.625	-	128.625	(*)
X Tài sản tài chính khác	-	-	15.496.499	-	-	15.496.499	(*)
	919.608	3.675.837	105.128.214	46.298.379	-	156.022.038	
Nợ phải trả tài chính							
II Tiền gửi và tiền vay từ tổ chức tín dụng khác	-	-	-	-	15.224.974	15.224.974	(*)
III Tiền gửi của khách hàng	-	-	-	-	119.977.924	119.977.924	(*)
IV Vốn tài trợ, ủy thác đầu tư, cho vay TCTD chịu rủi ro	-	-	-	-	64.137	64.137	(*)
V Các công cụ tài chính phái sinh và nợ phải trả tài chính	73.157	-	-	-	-	73.157	(*)
VI Phát hành giấy tờ có giá	-	-	-	-	5.643.295	5.643.295	(*)
VII Các khoản nợ phải trả tài chính khác	-	-	-	-	3.660.646	3.660.646	(*)
	73.157	-	-	-	144.570.976	144.644.133	

(*) Techcombank chưa xác định được giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các công cụ tài chính này có thể khác so với giá trị ghi sổ.

41. SỰ KIỆN SAU NGÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngày 18 tháng 12 năm 2014, NHNNVN đã chấp thuận nguyên tắc việc Techcombank mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam (“VCFC”) của Techcombank và Techcombank có thời hạn 90 ngày để mua cổ phần VCFC và trình hồ sơ để NHNNVN xem xét chấp thuận việc mua lại. Ngày 9 tháng 1 năm 2015, Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam công bố Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ Thương Việt Nam hoàn thành việc nhận chuyển nhượng 53.922.500 cổ phiếu với giá là 723.658 triệu VND (Thuyết minh 17(iii)), tương ứng 89,87% vốn điều lệ của VCFC, nâng tỷ lệ vốn Techcombank sở hữu tại VCFC lên 99,87%. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, NHNNVN chưa có chấp thuận việc Techcombank mua lại Công ty Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam.

Người lập



Bùi Thị Khánh Vân
Kế toán trưởng

Ngày 16 tháng 3 năm 2015



Thái Hà Linh
Giám đốc Kế toán, Chính sách Tài chính và Thuế,
Khối Tài chính và Chiến lược

Người duyệt

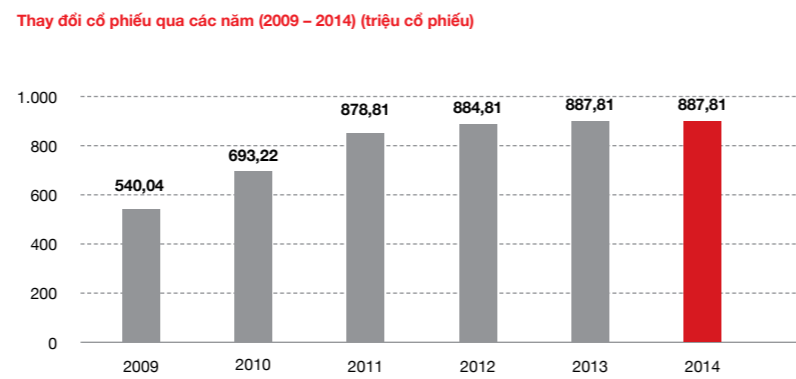
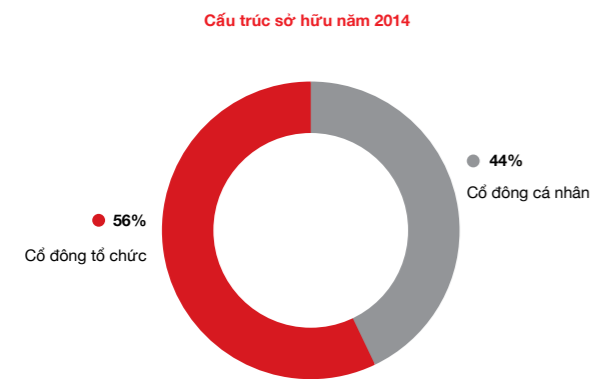


Đỗ Tuấn Anh
Phó Tổng Giám đốc phụ trách

THÔNG TIN CỔ ĐÔNG

Vốn cổ phần năm 2014

Tính đến cuối năm 2014, vốn điều lệ của Techcombank tiếp tục duy trì ở mức 8.878 tỷ VNĐ (tám nghìn tám trăm bảy mươi tám tỷ Việt Nam Đồng).



Cơ cấu cổ đông tại 31/12/2014

STT	CƠ CẤU CỔ ĐÔNG	TỔNG SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU	TỶ LỆ SỞ HỮU/VỐN ĐIỀU LỆ
I	CỔ ĐÔNG CÁ NHÂN	391.113.046	44,39%
1	Cổ đông cá nhân là thành viên HĐQT, BKS, BDH	32.417.927	3,65%
2	Cổ đông cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ trở lên	0	0,00%
3	Cổ đông cá nhân khác	361.695.119	40,74%
II	CỔ ĐÔNG TỔ CHỨC	493.694.825	55,60%
1	Tập đoàn Dệt may Việt Nam	153.343	0,02%
2	Ngân hàng HSBC	172.353.345	19,41%
3	Công ty CP Tập đoàn Ma San	173.156.468	19,50%
4	Những tổ chức khác	148.031.669	16,67%
TỔNG CỘNG		887.807.871	100,00%

THÔNG TIN NGÂN HÀNG

Giấy phép	0040/NH - GP	Ngày 6 tháng 8 năm 1993
Hoạt động Ngân hàng số	Giấy phép hoạt động Ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam cấp và có thời hạn 20 năm kể từ ngày cấp. Thời hạn hoạt động được gia hạn lên 99 năm theo Quyết định số 330/QĐ-NH5 do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam ban hành ngày 8 tháng 10 năm 1997.	
Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số	055697	Ngày 7 tháng 9 năm 1993
	Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh được điều chỉnh 46 lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100230800 ngày 25 tháng 10 năm 2013 do Sở kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp.	
Hội đồng Quản trị	Ông Hồ Hùng Anh Ông Nguyễn Thiều Quang Ông Nguyễn Cảnh Sơn Ông Nguyễn Đăng Quang Ông Đỗ Tuấn Anh Ông Lee Boon Huat Ông Nguyễn Đoàn Hùng	Chủ tịch Phó Chủ tịch Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên độc lập
Ban Kiểm Soát	Ông Hoàng Huy Trung Ông Mag Rec Soc Oec Romauch Hannes Bà Nguyễn Thu Hiền Bà Bùi Thị Hồng Mai	Trưởng ban kiểm Thành viên chuyên trách Thành viên Thành viên chuyên trách Thành viên
Ban Giám Đốc	Ông Đỗ Tuấn Anh Ông Murat Yuldashev Ông Vikesh Mirani Bà Đặng Tuyết Dung Ông Nguyễn Cảnh Vinh Ông Phạm Quang Thắng Ông Phan Thanh Sơn Ông Phùng Quang Hưng Ông Phùng Quang Hưng Ông Anil Kumar Parimo Ông Sagyndyk Kussainov Ông Nguyễn Quốc Nam Bà Phạm Vũ Minh Đan Ông Nguyễn Đăng Thanh Ông Lê Anh Quân Bà Kunsulu Kapbassova	Phó Tổng Giám đốc Phụ trách Giám đốc Điều hành Giám đốc Tài chính Tập đoàn Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn (đến ngày 31/10/2014) Giám đốc Khối Ngân hàng Bán buôn (từ ngày 01/11/2014) Phó Tổng Giám đốc - Giám đốc Khối Phê duyệt Tín dụng kiểm - Giám đốc Khối Tuân Thủ, Quản trị Rủi ro Hoạt động và Pháp chế Giám đốc Khối Nguồn vốn & Thị trường Tài chính Giám đốc Khối Vận hành và Công nghệ (đến ngày 31/10/2014) Giám đốc Khối Bán hàng và Kênh phân phối (từ ngày 01/11/2014) Giám đốc Khối Quản trị Rủi ro Giám đốc Khối Dịch vụ Tài chính cá nhân Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực (đến ngày 02/01/2015) Giám đốc Khối Quản trị nguồn nhân lực (từ ngày 08/01/2015) Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Khối Khách hàng Doanh nghiệp Giám đốc Khối Tiếp thị và Xây dựng thương hiệu (đến ngày 30/06/2014) Giám đốc Khối Tiếp thị và Xây dựng thương hiệu (từ ngày 01/7/2014)
Người đại diện pháp luật	Ông Hồ Hùng Anh	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
Trụ sở đăng ký	191 Bà Triệu, Phường Lê Đại Hành, Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

MẠNG LƯỚI CHI NHÁNH



STT	Tỉnh/Thành phố	Số đơn vị
1	An Giang	1
2	Bắc Giang	2
3	Bắc Ninh	5
4	Bình Định	1
5	Bình Dương	4
6	Bình Phước	1
7	Bình Thuận	1
8	Cà Mau	1
9	Cần Thơ	5
10	Đà Nẵng	10
11	Daklak	1
12	Đồng Nai	6
13	Đồng Tháp	1
14	Gia Lai	1
15	Hà Nam	1
16	Hà Nội	99
17	Hà Tĩnh	3
18	Hải Dương	3
19	Hải Phòng	9
20	Hồ Chí Minh	100
21	Huế	3
22	Hưng Yên	3
23	Khánh Hoà	4
24	Kiên Giang	1
25	Lâm Đồng	1
26	Lạng Sơn	3
27	Lào Cai	3
28	Long An	1
29	Nam Định	2
30	Nghệ An	4
31	Ninh Bình	1
32	Phú Thọ	2
33	Quảng Nam	2
34	Quảng Ngãi	2
35	Quảng Ninh	5
36	Sóc Trăng	1
37	Tây Ninh	1
38	Thái Bình	1
39	Thái Nguyên	4
40	Thanh Hoá	2
41	Tiền Giang	1
42	Vĩnh Long	1
43	Vĩnh Phúc	3
44	Vũng Tàu	5
45	Yên Bái	1
TỔNG CỘNG		312



Ngân Hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam
191 Bà Triệu, P. Lê Đại Hành Q. Hai Bà Trưng, Hà Nội, Việt Nam
T (84-4) 3944 6368 • F (84-4) 3944 6362
Swift code: VTCB NVX
www.techcombank.com.vn